VŨ BỘI LIÊU

THƯ VIỆN
Số KH
A°29791

NHỮNG SỰ GẶP GỠ CỦA ĐÔNG PHƯƠNG

và

TÂY PHƯƠNG

TRONG NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

TANVIET

16° 1011

Tirage mille exemplaires

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
DÉPÔT LÉGAL
TAN VIET
HANOI

BIBLIOTECA
NACIONAL

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 1979 1

VŨ BỘI LIEU

Những sự gặp gỡ của

ĐÔNG - PHƯƠNG và TÂY-PHƯƠNG

trong ngôn-ngữ và văn-chương

TÂN VIỆT
1944

16° Indoch.
1011

Kho sách xưa Quán Ven Đường

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.

Đông-Phương và Tây-Phương phải chăng đã nhiều khi gặp nhau trong ngôn-ngữ và văn-chương ?

hay là

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Nhân đọc mấy câu này của thi-sĩ đời Đường, Cái da Vận :

Đả khước hoàng anh nhi
Mạc giao chi thượng đề.
Đế thời kinh thiếp mộng
Bất đắc đáo Liêu Tây.

(Đánh đuổi con hoàng oanh đi. Không cho nó hót trên cành. Hót làm thiếp tỉnh mộng, Không sang được Liêu-tây (với chồng), tôi bỗng chợt nhớ tới một bài

thơ của thi sĩ Pháp Ernest Raynaud, trong ấy tác giả, ở một trường hợp tương tự, cũng lên tiếng mắng con én lắm mồm đã làm tan mất giấc mộng đẹp đẽ của mình :

« Trời tru đất diệt con én nỏ mồm kia ! Hãy nói cho ta biết. Ma quỷ nào nó sui khiến mi trở dậy trước lúc bình minh ? Mi không biết thương gì ai cả, mới bảnh mắt ra mà đã léo nhéo ầm lên. Câm đi ! Giời đánh thánh vật mi ! Trong giấc mơ êm ái, ta còn đương ôm chặt hạnh phúc trong tay, cớ sao mi làm ta tỉnh giấc, hỡi đồ xuẩn ngốc kia ơi » ?

La peste soit de toi, babillarde hirondelle !

... Dis ! Quel démon te pousse à devancer l'aurore ?

Tu mènes, sans pitié des gens, ton bruit sonore.

Assez ! Je te dévoue aux esprits scélérats

Tu m'as trop tôt tiré de mon somme, ô pécore !

Je tenais le bonheur enfermé dans mes bras.

Ai là người chẳng có lần trải qua nỗi bực dọc của hai nhà văn nọ ? Nhiều khi vừa hưởng xong những phút tình ái say sưa, ta như muốn thời gian ngừng ngay lại, như muốn cả tạo vật phải trầm ngâm im lặng để yên ta mơn man hình ảnh của thời khắc vừa qua. Như con chim sợ động, chỉ một tiếng nhỏ cũng đủ làm cho mộng vỗ cánh bay đi. Nhà đại văn hào Pháp A. Daudet đã tả cái trạng thái ấy trong thiên truyện ngắn « Les étoiles » (những vì sao), một truyện đầy thi vị. Mấy giòng sau đây cho ta cảm thấy tất cả nỗi buồn man mác mà sự biệt-ly đã gieo vào tâm hồn chất phác của gã chăn chiên núi Luberon, khi cô Stéphanette, người anh ta thầm nhớ trộm yêu, đã rời chân xuống núi, để anh ta ở lại với nỗi nhớ nhung cùng cảnh đời hiu quạnh : « Khi nàng đã xuống con đường rốc, tôi — nhời gã chăn chiên kể lại — tôi tưởng như những hòn đá cuội lăn dưới vó lừa, rơi từng viên một vào trái tim tê tái của tôi. Tôi còn nghe thấy những tiếng ấy mãi mãi và đến lúc chiều tà, tôi vẫn đứng yên

như người dở tỉnh dở say, không dám động mạnh, chỉ sợ làm tan mất giấc mộng mà thôi » (Lorsqu'elle disparut dans le sentier en pente, il me semblait que les cailloux roulant sous les sabots de la mule, me tombaient un à un sur le cœur. Je les entendis longtemps, longtemps, et jusqu'à la fin du jour, je restai comme ensommeillé, n'osant bouger, de peur de faire en aller mon rêve)

Đọc những đoạn trên, ta nhận thấy rằng mấy nhà văn Đông Tây, xa nhau về thời gian lẫn không gian, cũng như cách biệt nhau về tư-tưởng và tinh-thần, tình cờ đã gặp nhau trong lúc mô tả một trạng thái trong tâm hồn. Không phải một lần này mà thôi đâu. Lý-thái-Bạch kể tâm sự người đàn bà xa chồng đã viết :

« *Đương quân hoài qui nhật, thị thiếp đoạn trường thì; Xuân phong bất tương thức, Hà sự nhập la vi* » — (Đương khi chàng mong ngày về, Thiếp ở nhà đau lòng, Gió xuân không quen biết, cớ chi

vào màn the?)

Mười mấy thế kỷ sau, trong thiên truyện ngắn « Le passé », đã dịch đăng ở báo « Gringoire » bên Pháp, ông Gabriele D'Annunzio cũng viết mấy câu này : « Chiều nay, buồn rầu tôi nhớ đến người yêu ở nơi đất khách ; chàng đã hẹn ngày về, cớ sao mãi chẳng thấy ? Kìa làn gió nhẹ thổi. Ta không quen biết mi, hỡi gió, cớ sao mi vào tận giường ta ? » (Ce soir, tristement, je pense à lui. Il a annoncé son retour, pourtant je l'ai attendu en vain. Voilà qu'une légère brise souffle. Ô vent, inconnu qui pénètre dans ma chambre, pourquoi viens-tu jusque dans mon lit ?)

Nhà thi sĩ Trung-hoa sống từ thế kỷ thứ VIII, chắc không ngờ rằng, hơn một nghìn năm sau, ở tận trời tây xa lắc, một nhà văn Ý-đại-Lợi sẽ viết những câu, lạ thay giống thơ mình cả từ lẫn ý. Phải chăng d'Annunzio đã đọc Lý-thái-Bạch ? hay là Đông phương và Tây phương gặp nhau trong văn chương ?

Sự gặp gỡ ấy, tôi đã nhiều lần nhận

thấy trong văn chương Pháp và văn-chương Việt-Nam, và rõ rệt nhất là ở mỹ từ-pháp của hai xứ. Nhưng muốn tránh một sự hiểu lầm, tôi phải nói ngay quyển sách này không có ý muốn bầy tỏ rằng văn chương Việ-nam có giá trị, vì cũng đủ các cách dùng trong mỹ-từ-pháp như văn chương nước người. Có hay không, tưởng cũng chẳng phải là một điều cốt yếu, vì cụ Nguyễn-Du dù sao vẫn là cụ Nguyễn-Du, và một anh « thợ thơ » dẫu có công gọt rũa đến đâu nữa, cũng chỉ là một anh « thợ thơ » mà thôi. Không, giá trị văn chương chẳng phải do đấy mà ra. Nhiều nhà đại văn hào như Edmond About, George Sand, Anatole France Ernest Renan, không hề để ý gì đến những lối từ chương hoa mỹ ấy. Cố gò gẫm thường mất vẻ tự nhiên, và chỉ tạo nên một thứ văn cầu kỳ, bảo nhoáng bề ngoài mà thôi. Nhưng trái lại, nếu theo Ernest Renan mà bảo : « Một tác phẩm hoàn toàn là một tác phẩm trong ấy không thấy một tí dấu vết gì của mỹ-từ-pháp » tưởng cũng là câu nói quá

đáng. Nhiều áng văn chương của Chateaubriand, Rousseau hay Bossuet được công nhận là kiệt tác, chính vì đã dùng một cách điệu luyện một vài lối trong mỹ-từ pháp đó.

Chủ ý quyển sách này không ngoài mục đích kể một sự gặp gỡ của Đông phương và Tây phương trong ngôn ngữ và văn chương và bầy tỏ rằng Đông và Tây không xa nhau lắm như R. Kipling đã tưởng. Để chứng thực sự gặp gỡ ấy đáng nhẽ tôi chỉ nên nêu ra những ti dụ lấy trong thi-ca cũ, vì văn ta hiện nay chịu rất nhiều ảnh hưởng của văn-chương Pháp, điều ấy không ai chối cãi được. Nhưng ta không thể cho là các nhà văn Việt-Nam hiện đại đã hoàn toàn mô-phỏng theo cú pháp Âu Tây trong lúc hành văn : những cách dùng chữ đặt câu tài tình của họ, các cụ ta ngày xưa đã biết và đã thực hành tự bao đời nay rồi.

Vả lại độc giả cũng đừng nên tìm trong quyển sách này những bài biện luận chặt chẽ và khô khan, chỉ xin coi như một câu chuyện về văn chương của một

người thiết tha yêu quốc văn, và hết sức tin tưởng ở tương-lai văn-chương đất nước.

Trong khi cùng các bạn dạo chơi vài tiếng đồng-hồ trong vườn văn-chương Pháp và Việt Nam, tôi còn có ý muốn nhắc để các bạn nhớ rằng ngôn-ngữ mình cũng phong phú, văn-chương mình cũng tuyệt diệu, chẳng kém gì ngôn-ngữ, văn-chương nước khác. Những khi chúng ta ca tụng, khâm phục một câu văn đối ngẫu tuyệt vời của V. Hugo, hay say sưa trước một hình ảnh đầy thi vị của Chateaubriand, ta thường quên lãng mất rằng những viên ngọc quý ấy, văn-chương ta không thiếu gì, và những vần thơ trác luyện của tác giả truyện Kiều, của Hồ xuân-Hương, Thế-Lữ, có thể đề cạnh những câu văn có tiếng của Lamartine, George Sand, hay Musset mà không hổ vậy. Roland Dorgelès đã nói : « Người Nam là một dân tộc học thức tài hoa có một, phàm những khóe tài tình của trí tuệ, không gì là không có ». Nhời phán đoán ấy tưởng cũng không ngoa.

I

Lối « đối-ngẫu » của người Pháp và văn biền-ngẫu của ta

I

Ý và từ trong văn « đối-ngẫu » và « biến-ngẫu »

Lối « đối-ngẫu » (antithèse) của Pháp chú trọng về ý hơn là về từ, thường là sự đối-chọi của hai ý tưởng tương-phản (le choc de deux idées contraires). Ta cứ đọc mấy câu này sẽ rõ :

« Chúng ta đuổi theo hạnh-phúc, nhưng chỉ tìm thấy nỗi thống khổ, và sự chết (Nous cherchons le bonheur, et ne trouvons que misère et mort : Pascal) — Một người đàn bà đẹp làm cho vui mắt, một người đàn bà tốt làm cho vui lòng : người kia chỉ là một vật trang-sức, người này mới thực là một kho báu vô-ngần (Une

belle femme plaît aux yeux, une bonne femme plaît au cœur : l'une est un bijou, l'autre est un trésor — Napoléon).

— Ta đừng đợi được sung sướng rồi mới cười, sợ có khi chết mà vẫn chưa được cười (Il faut rire avant d'être heureux de peur de mourir sans avoir ri : La Bruyère). Một nhà văn Pháp đã nói : « Làm văn không nên cầu kỳ tìm những chữ thật đối nhau, « đối-ngẫu » là ở trong tư-tưởng, chứ không phải ở trong cách dùng chữ ».

Victor Hugo đã viết bài này, để nhạo những người cố tìm tòi chữ cho thật đối chọi, nhiều khi chỉ tạo ra những câu văn vô nghĩa dý :

« Một ngày kia đương lúc đêm tối, sấm yên lặng nổi-lên cùng những luồng chớp nhoáng tối tăm. Vì giời tối, và tôi đang đứng nằm, ngủ thức, ngồi sắt vẻo trên một cành cây, nên khi hắm ngbiền mắt lại để nhìn qua mặt giời, tôi bỗng thấy một làn ánh sáng tối om. Chân đội mũ, đầu đi giầy, tôi vừa mặc quần áo, vừa bai lay đứt túi quần. Sau buộc xe vào

bốn con ngựa lông đen như tuyết, và trắng phau phau như củ sứng, tôi đi bộ ngồi trên xe ngựa và bơi qua núi Mt Blanc. Bất thình lình, một người xuất chim chích, thân hình to lớn như ông hộ pháp, lại gần cách xa tôi, vừa giang tay chắn lối không cho tôi đi, vừa chạy bán sống bán chết. Tôi vội vàng vớ lấy khí giớ, nhưng tôi ngắm kỹ quá, đến nỗi đâm trượt ra một bên. Nó ấn yếm nhằm lưng tôi đấm một quả vào mặt.

Thế là ngã lộn tùng phèo xuống hai chân, tôi chẻ vào giữa đầu nó một nhát thật mạnh xuống sống mũi. Và sau, vừa đánh nhau với một con sư tử đang rống đã chết từ một thế kỷ trước, tôi ra đi, như một con thuyền dương buồm để bay bổng lên tận tít mù xanh. Nếu câu chuyện này các ngài nghe hay hay, thì tôi thôi không kể lại nữa ».

— Còn phép làm văn «biền ngẫu» của ta thế nào? «Thế nào là đối: Đối là đặt hai câu đi sóng đôi cho ý và chữ trong hai câu ấy cân sứng với nhau. Vậy trong phép đối, vừa phải đối ý, vừa đối chữ» Sự khó khăn là đối

phải chú trọng về hai phương diện: « Thanh » của chữ và « loại » của chữ. Về « thanh » thì bằng đối với trắc, trắc đối với bằng. Về « loại » thì hai chữ đối với nhau phải cùng thuộc về một tự loại, như danh tự (nom), phải đối với danh tự, động tự (verbe) đối với động tự, trạng tự (adverbe) đối với trạng tự v. v... và nếu có đặt chữ nho, thì phải chữ nho đối chữ nho.

« Phép đối là cái đặc tính của văn ta... Không những trong các thể vận văn và biền văn phải dùng phép ấy, mà ngay trong văn suôi, tuy không cần đối từng câu từng chữ, nhưng nhiều khi cũng phải dùng đến thì câu văn mới được cân và êm-ái » (Việt văn giáo - khoa thư : Dương quảng-Hàm).

Ta xem thế thì « antithèse » của Pháp giống lối văn suôi cổ của ta hơn là biền-ngẫu, vì không hề bị câu thúc trong những khuôn phép khắc khổ. Trong « antithèse », tiếng cũng thường đặt cho giống đôi, nhưng câu không cần đối hẳn.

Ví dụ trong câu thơ của Corneille : « Tay ngươi chưa ai địch nổi, chứ không phải chẳng ai địch được » (Ton bras est invaincu, mais non pas invincible) chỉ mấy chữ « chưa ai địch nổi, » và « chẳng ai địch được » là đối nhau thôi.

Tuy thế, có chỗ giống nhau là trong văn « biền ngẫu », ta cũng phải hết sức chú trọng đến « ý », như người Pháp viết « đối ngẫu », nếu không chẳng khác nào anh chàng nọ đối mấy chữ « Thiên hạ quốc gia » bằng câu « Địa trung cầy thịt », hay là : « Chùa non nước, trên non dưới nước, non non nước nước, nhất vui thay là phố Văn sàng » đem đối bằng câu : « Núi Già-cơm, trong già ngoài cơm, già già cơm cơm, ba buồn nhẽ là phường Vũ-mẹt ».

Ta xem đoạn này trong bài hịch của Trần-quốc-Tuấn, thật là một áng văn tuyệt tác, đặc sắc cả về từ lẫn ý :

« ...Ta cùng các ngươi sinh ở đời nhiễu nhương, gặp phải buổi gian nan này, trông thấy những nguỵ sứ đi lại

rầm rập ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng trẻo đinh, đem thân dê chó mà bắt nạt tổ phụ... Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức rằng chưa được sả thịt lột da quân giặc, dẫu thân này phơi ngoài nội cỏ, sác này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng... Nay các ngươi trông thấy chủ nhục mà không biết lo, trông thấy quốc sỉ mà không biết thẹn; thân làm tướng phải hầu quân giặc, mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiến ngụy sứ mà không biết căm; hoặc lấy chuyện chọi gà làm vui dùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu-khiển; hoặc vui thú về vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ con; hoặc nghĩ về lợi riêng mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc đến, thì cựa gà trống sao cho đâm thủng được áo giáp, mẹo cờ bạc sao cho dùng được quân mưu; vả lại vợ bìu con díu, nước này trăm sự nghĩ sao, tiền của đâu mà mua cho được đầu giặc,

chó săn ấy thì diệt sao cho nổi quân thù ;
chén rượu ngon không làm được giặc
say chết ; tiếng hát hay không làm được
giặc điếc tai .. »

II

Văn đối-ngẫu với lối bình-đối, tiểu-đối của ta

Ta nhận thấy rằng lối đối ngẫu của người Pháp giống lối tiểu đối của ta, vì thường thường hai đoạn đối nhau trong một câu.

1•) *Tỉ dụ trong văn Pháp.*

— Đi đâu tô cũng tránh mặt chàng, ở đâu chàng cũng rõi theo tôi (je l'évite partout, partout, il me poursuit : Racine).

— Thần chết đã cướp hết của tôi, thần chết sắp phải giả tôi tất cả (La mort m'a tout ravi, la mort va tout me rendre : Lamartine).

—Con đi đi nhé ! Con cố trở nên của báu của chồng con, cũng như trước kia con là

của bán của chúng ta.

Đi đi con, hỡi con gái của cha yêu quý, con từ giã gia-đình này để sang gia-đình khác.

Con hãy mang theo hạnh-phúc và để lại cho ta nỗi buồn rầu.

Ở đây chúng ta giữ con, đằng kia người ta mong con.

Con hãy ra đi với một giọt lệ, con nên vào nhà người với một nụ cười.

(Adieû, sois son trésor, toi qui fus le nôtre. Va, mon enfant chérie, d'une famille à l'autre. Emporte le bonheur, et laisse nous l'ennui. Ici on te retient, là-bas on te désire... Sors avec une larme, entre avec un sourire : V. Hugo)

2) *Tỉ dụ trong văn ta* — (thường thấy trong thơ phú, và trong văn biền ngẫu) —

Khi chén rượu, khi cuộc cờ, Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên (Kiều)

— Đau quá đòn hẵn, rát lòng lửa bỏng, Tủi bút tủi nghiên, tủi lền tủi lỗng (Tú Xương).

— Mối manh chưa có, thề thốt đã nhiều.

trăng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi.
(Chu mạnh-Trinh).

3·) *Câu đối khác lối « Antithèse » vì thường viết theo lối bình đối* — Dưới đây là một ít câu đối có tiếng :

Chị em ơi ! Ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đông, tây, nam, bắc, bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công tử xác.

Trời đất nhẻ ! Gắng một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trượng phu kẻnh (Nguyễn công-Trứ).

Tối ba mươi khép cánh hiền khôn, ních chặt lại kẻo Ma vương đưa quỷ tới.

Sáng mồng một, lỏng then tạo hóa, mở tung ra cho thiếu nữ rước xuân vào (Xuân-Hương).

— Nghền cổ cò xem bảng không tên, trời đất hỡi, văn chương xuống biển !

Lủi đầu cuốc, về nhà gọi vợ, mẹ đĩ ơi ! tiền gạo lên giời ! (vô danh)

— Nhà chỉn rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, sắn vây quai cồng, tất tưởi chân

nam đá chân chiêu, vì tớ đỡ đần trong mọi việc.

Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất-vơ vất vưởng, bùi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đũa tay chén, cùng ai kể lể truyện trăm năm (Yên-Đổ)

— Thấy xe thiên cổ xịch đưa ra, không thân thích nhẽ đâu mà khóc mướn.

Tưởng sự bách niên dừng nghĩ lại, não can tràng cho nên phải thương vay (Cao bá-Quát)

— Nay đã mần cha thằng xích tử,

Rầy thì đù mẹ cái bồng nhan (Xuân-Hương và Chiêu Hổ)

— Vợ Bình Định bông đùa : y âu ó ?

Chồng Vĩnh Long cười cợt : Dào dới dui ! (vô danh)

— Đất chẳng phải chồng, đẹm gửi thịt xương sao đặng ?

Trời mà chết vợ, thử xem gan ruột mần răng ?

III

Cách dùng những chữ tương phản trong văn biền-ngẫu và trong văn đối-ngẫu

1) *Tỉ dụ trong văn ta*

Trong văn suôi cổ. những chữ tương phản thường để cùng trong một câu. Ví dụ : « Ta đây *ngày* thì quên ăn, *đêm* thì quên ngủ... dẫu thân này phơi *ngoài* nội cỏ, sạc này gói trong da ngựa... » Trần quốc-Tuấn.

Nhưng trong câu đối, trái lại những chữ ấy phải nhiên để trong hai vế khác nhau, Ví dụ :

Ba hồi trống dục, mồ *cha* kiếp
Một nhát gươm đưa bỏ *mẹ* đời (Cao bá-Quat).

— Nhà giột đôi ba gian, *một* thầy, *một* cô, *một* chó cái — Học trò dăm bảy đứa, *nửa* người, *nửa* ngợm, *nửa* đười ươi (Ích-Khiêm).

2) *Trong văn đối-ngẫu của Pháp.*

Trong văn đối ngẫu, những chữ tương phản thường để cùng trong một câu (giống lối văn suôi cổ), có khi chữ nọ lại để ghép liền ngay chữ kia.

a) *Chữ tương phản để ghép liền trong một câu.*

Trong « Le Cid » của Corneille có câu: « Cái *ánh sáng tối tăm* tự các vì sao rơi xuống ấy. » (Cette *obscure clarté* qui tombe des étoiles). Chữ clarté (ánh sang) để cạnh chữ obscure (tối tăm) tưởng như trái ngược nhau, nhưng dùng vào đấy tuyệt diệu, vì tác giả tả ánh sao, một thứ ánh sáng xanh xanh lờ mờ, huyền-ảo, làm cho mọi vật như chìm đắm trong một đám sương mù.

Văn ta cũng có câu ;
Khôn nghề cờ bạc là *khôn dại*,
Dại chốn văn bài ấy *dại khôn* (Tú Xương)

b) *Chữ tương phản cùng để trong một câu nhưng không liền nhau.*

Đức chúa Jésus đã *chịu thương tích* để *vá lành những vết thương* của chúng ta, người *đã chịu làm nô lệ* để ta *được tự do*, *người đã chết* để *cứu ta sống* (St Cy-pr en)

Trong văn biền ngẫu của ta, những chữ tương phản cũng có một vài khi để cùng trong một câu :

Thương em bởi má *phấn* răng *đen*, mình yêu điệu thêm bộ cánh trang hoàng : đẹp!
Yêu anh vì mắt *bạc* môi *thâm*, vai so rụt lại bàn đèn rực rỡ : sang ! (1) (vô danh)

---

1) Trong văn Pháp, có hai câu sau này của V. Hugo, cach xếp chữ, đặt câu phảng phất như trong hai vế câu đối trên :

La bouche crie, le sable l'emplit : silence. Les yeux regardent encore, le sable les ferme : nuit.

(Há miệng kêu, cat lấp mất miệng : câm. Mở mắt trông, cat bịt mất mắt : mù)

—Ngói đỏ lợp nghè, lớp *trên* đè lớp *dưới*
Đá xanh sây cống hòn *dưới* nống hòn *trên*.

—Giơ tay với thử trời *cao*, *thấp*
Soạc cẳng đo xem đất *vắn*, *dài* (Xuân-Hương)

—Ai bảo ta say, *say* vẫn *tỉnh*,
Ta cười người thức, *thức* mà *mê*.

IV

Từ cách « bỡn ẹhữ » của người Pháp đến lối « tá âm » trong câu đối của ta

Bỡn chữ (jeu de mots), lối chơi văn chương của người Pháp, chính là lối « tá âm » của ta hay dùng trong thi ca, và nhất là trong câu đối.

Thế kỷ thứ 17, 18 là hồi văn chương toàn thịnh bên Pháp, các « tao đàn » (salons littéraires) do các bà các cô quý phái chủ trương mở ra rất nhiều. Đó là chỗ hẹn hò của các tao nhân, mặc khách, đến đây để bàn luận văn chương, và cũng là nơi họ đua nhau giở tài « hùng biện », cố nói những câu dĩnh-ngộ, cốt

bái được nụ cười cảm phục trên môi các giai nhân. Họ có khi dùng lối « tá âm » nghĩa là cách lấy những tiếng đồng âm dị nghĩa để tạo thành những câu hóm hỉnh tài tình. Các nhà văn thời ấy chắc không ngờ đâu rằng ở một nước tận cùng châu Á, có những nhà nho búi tó, răng đen, cũng đang tiêu khiển bằng một lối chơi văn chương như mình, và có các nữ thi sĩ như bà thị Điểm, cô Hồ Xuân Hương — tuy không mở tao đàn — nhưng cũng dùng lối « bỡn chữ », đề ra những câu đối oái-oăm thử tài các văn nhân như Trạng Quỳnh hay Chiêu Hổ. Chắc ai cũng biết những câu «Da trắng vỗ bì bạch», hay « Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi cửa sổ song song » làm cho Trạng Quỳnh vò đầu dứt dứt cả... búi tó, mà không đối nổi.

Một nhà văn Pháp, lúc thiếu thời, một hôm giờ triết học, không chịu nghe, mắt mơ màng nhìn ra cửa sổ. Giáo sư đang giảng về Descartes, ngừng lại, mắng rằng: « Anh nghĩ gì thế? Anh không nghe à? » (A quoi pensez vous? Vous ne sui-

vez pas ?) Ông thản nh ên giả lời : « Thưa thầy con nghĩ, vậy là con nghe. » (Je pense, donc je suis).

Muốn hiểu sự tài tình của câu này phải biết câu có tiếng của nhà triết học Descartes : « Ta nghĩ tức là có ta » (Ở trên đời này) : Je pense, donc je suis.

Câu giả nhời của cậu học sinh dĩnh ngộ chính đã dùng lối tá âm đó. Chữ suis (verbe être) nghĩa là có ở trên đời này (exister) đồng âm với chữ suis (verbe suivre) nghĩa là theo, nghe.

Bên ta có ông Nguyễn Hoè, năm 12 tuổi đi thi, vì quan chủ khảo cũng tên là Hòe, nên người sướng tên gọi trệch là Huề, ông không thèm giả lời. Sau thấy ông cứ chạy đi chạy lại, người ta hỏi tên ông nói to : Tôi tên là thằng Hòe. » Biết là có ý sược, ông chủ khảo sai nắm cổ lại và ra câu đối bắt đối. Ra rằng :

Lạn Tương-Như, Tư mã Tương-Như, danh tương như, thực bất tương như.

Trong câu này, hai chữ « tương như » vừa là tên người, vừa có nghĩa là « giống như ». Ông Lạn Tương-Như và ông Tư

Mã Tương-Như bai ông tuy tên giống nhau (danh tương như) nhưng thực ra không giống nhau (thực bất tương như) Có ý nói : anh đừng hỗn, ta với anh hai người tuy cùng tên là Hoè, nhưng một đẳng quan, một đẳng học trò, bì làm sao được.

Ông Hoè đối ngay lập tức :

Ngụy Vô-Kỵ, Trưởng Tôn Vô-Kỵ, bỉ vô kỵ, ngã diệc vô kỵ.

Ngụy Vô-Kỵ và Trưởng Tôn Vô Kỵ, hai ông cùng tên là Vô Kỵ, ông tên là Vô-Kỵ, tôi cũng tên là Vô-Kỵ. Câu này cũng như câu trên đều dùng lối tá âm. Chữ « Vô kỵ » vừa là tên người, vừa có nghĩa là không sợ, ông Hoè có ý nói : « Ông không sợ tôi, tôi cũng chẳng sợ gì ông. »

Ông chủ khảo tức lắm, lại ra câu đối nữa :

Xỉ tinh cương, thiệt tinh nhu, cương tinh bất như nhu tinh cửu. (Răng vốn rắn, lưỡi vốn mềm, rắn hay gãy, sao bằng mềm bền dai). Có ý mắng ông Hoè bảo đừng ngông nghênh, phải nhũn nhặn.

Ông Hòe đối :

Mi sinh tiền, tu sinh hậu, tiền sinh bất [illegible] hậu sinh trường. (Lòng may mọc trước, rau mọc sau, mọc trước ngắn, sau bằng mọc sau dài). Có ý nói để trước đợi sau bằng đó sau khôn.

(Trích trong « Vân đài bio giám »)

Một vài câu dùng cách « tá âm » có tiếng của người Pháp

Một ông kia người xấu xí, thường được người ta tặng cho cái biệt hiệu : « Le laid condensé », (cái xấu chung đúc vào cả một người) : Chữ « *laid condensé* » còn có thể viết « *lait condensé* » sữa đặc. Một hôm ông ta vào hàng café bà chủ muốn nhạo cất tiếng gọi bồi : « Apportez du *café au lait* ». (Lấy café sữa đây ». Nhưng vì chữ « lait » còn có thể viết được « laid » là xấu xí, nên câu ấy còn có nghĩa : « Mang ngay café cho ông xấu ông ấy uống ». Khách hàng không tức giận, thản nhiên nói : « Madame. vous vous avez du bon café, mais vous n'avez pas pas de *bon thé* ». (Thưa bà, bà có cà-phê tốt nhưng bà không có trà (tốt) Vì chữ « *bon thé* » đọc nhanh thành ra chữ

« *bonté* » (lòng tốt) nên câu này còn có nghĩa : « Bà thiếu lòng tốt, tôi xấu mặc tôi, bà không nên nhạo tôi như thế ».

Một bà kia, mặc áo thường hay để hở nhiều vai và ngực, một hôm bị một văn sĩ có tiếng — có người bảo là ông Balzac — vô ý chạm vào bà, bà mắng ngay : « Quel *fichu* animal ! » (tiếng chửi của người Pháp : con vật khả ố này !) Ông giả lời lập tức : « Voilà un *fichu* qui serait mieux sur vos épaules que dans votre bouche ». Nghĩa là : Cái fichu fy nếu ở trên vai bà còn hơn ở trong miệng bà ra ». Chữ *fichu* trong câu « *fichu animal* » là tiếng tĩnh tự (adj) nghĩa là khả ố, nhưng còn là tiếng danh từ (nom) và có nghĩa là khăn quang cổ. Văn sĩ có ý nói : « Bà không nên dùng những tiếng thô bỉ như thế (fichu animal) và bà nên có cái khăn quang (*fichu*) để che bớt vai và ngực đi thì hơn.

Một nhà văn một hôm hỏi một bà tính hay nói huyên thuyên không ra đâu vào đâu, và để làm mếch lòng nhiều người :

« Thưa bà, bà có biết một tấm gương khác một người đàn bà thế nào không ? » (Madame, savez-vous quelle différence il y a entre une femme et une glace ?) Bà ta không giả nhời được, nhà văn liền giảng : « Une glace *réfléchir* sans parler, tandis qu'une femme parle sans *réfléchir* Một tấm gương biết chiếu, mà không (biết nói, còn một người đàn bà biết nói mà không biết... nghĩ, vì chữ *réfléchir* ngoài nghĩa chiếu, lại còn nghĩa là nghĩa nữa) Bà kia không chịu kém, hỏi lại ngay : « Thưa ông, ông có biết một người đàn ông khác một tấm gương thế nào không ? » Bây giờ đến lượt nhà văn đứng ngây ra không giả nhời được. Với một nụ cười chế nhạo, bà ta giảng : « Une glace est toujours *polie* tandis qu'un homme souvent n'est pas *poli* ». (Một tấm gương bao giờ cũng bóng, còn một người đàn ông có nhiều khi không được lễ phép, vì chữ *poli* nghĩa là « bóng » còn có nghĩa là « lễ phép » nữa.)

Một nhà văn khác gặp một

bà nọ, cứ đương mắt nhìn tròng trọc. Bà kia quá hỏi: « Qu'est ce que vous avez à me *considérer* ? » (Ông làm gì mà nhìn tôi tròng-trọc như thế ?) ông già nhời: « Madame, je vous *regarde*, mais je ne vous *considère* pas ». (Thưa bà, tôi nhìn bà, nhưng tôi có dám nhìn trông trọc đâu). Nhưng vì chữ *considérer* (nhìn trông trọc) còn có nghĩa là « kính trọng » nên câu giả nhời của nhà văn còn có ý nói: « Thưa bà, tôi nhìn bà, nhưng tôi... chẳng coi bà ra gì đâu ».

Vài tỉ dụ trong câu đối của ta

Trong câu đối ta, cách dùng lối « tá âm », như thế rất nhiều. Chúng tôi xin kể những câu tài tình nhất:

— *Ai* công hầu, *ai* khanh tướng, trong trần *ai*, *ai* dễ biết *ai*. *Thế* chiến quốc *thế* xuân thu, gặp *thời thế*, *thế thời* phải, *thế* (Đặng Trần-Thường và Ngô Thời-Sĩ).

Câu đối dâu hèng thịt lợn (của cụ Yên-Đỗ).

— Tứ thời *bát tiết canh* trung thủy. Ngạn liễu *đối bờ dục* điểm trang.

Câu đối dán quán hàng nước (Lê Thánh Tôn).

— Nhà *giàu* tính vốn kính *cơi*, con cháu *nương* nhờ về *ấm*. việc nước ra tay chuyên *bát*, bốn phương đâu đấy lấy *hàng*.

Câu đối của chị bán thịt nướng khen chồng.

— Thiếp kể *ơn* là *thắm* xe duyên, khi vận *tía* lúc cơn *đen*, điều đại điều khôn nhờ bố *đỏ* (chồng). Chàng ở *xanh* mới *vàng* có chiết, vợ mà *hồng*, con *trắng*, *tím* gan tím ruột với trời *xanh*.

Đen, trắng, xanh, đỏ, tím, vàng, hồng tía, thật đủ các màu... thịt nướng

Cô dâu khéo mẹ (Yên-Đổ).

— Giàu làm *hếp*, hợp làm *đơn*, tổng *tăng* cho vốn *sẵn phách* mẹ. Cá kể *đầm* rau kể *mớ*, *tính tang* thêm tài lẽ *đàn* con. (Chữ « tính tang » nghĩa là tính *con* để chở mẹ, lại còn là tiếng đàn).

Câu này hay, không những vì có những chữ: đầm, hợp, đơn, phách, mà còn vì những tiếng « tổng tăng, *tính tang* » đọc lên như nghe thấp tiếng đàn vậy. Lối này người Pháp gọi là « harmo-

n e imitative» (nghĩa âm hòa điệu).

Vợ thợ rèn khóc chồng. (Yên-Đỗ).

— Nhà cửa để làm *thơn*, con thơ ẩu lấy ai *rèn* cặp. Công danh đành bỏ bễ (bỏ bễ : bỏ bẩn) vợ trẻ trung lắm kẻ *de* loi (đe loi : bắt nạt).

Câu đối mừng ông quan võ có một mắt :

Cung kiếm rơi tay, thiên hạ đỗ rằn *hai mắt* lại. Triều đình cử mạo, anh hùng chỉ có *một người* thôi.

— Đọc ba trăm sáu mươi quyển *kinh*, chẳng Phật Thánh, Thần, Tiên, nhưng khác tục (câu đối của một ông sư ra).

— Hay tám vạn nghìn tư mặc *kệ*, không Quân Thần, Phụ, Tử dếch ra người. (Nguyễn Công Trứ đối).

Bà Thị-Điểm một hôm soi gương vẽ lông mày, ông anh là ông Luân, ra cho ba câu đối này :

— Đối kính bẹo mi, nhất *điểm* phiên thanh lưỡng *điểm*. (Soi gương vẽ lông-mày, một bà Điểm thành hai bà Điểm, hay là : một nét hóa thành hai nét, vì chữ « điểm » nghĩa là «nét».)

Bà liền đối :

— Làm trai ngoan nguyệt, chích *luân* chuyền (tác song *luân*. (Vào ao xem trăng, một ông Luân (thành hai ông Luân, hay là ở một vầng trăng hóa hai vầng trăng, chữ « luân » nghĩa là « vầng ».)

Còn một ít câu đối chúng tôi kể dưới đây, cách dùng « ta âm » rất tài tình, nhưng giá-trị văn-chương không bằng được những câu trên kia :

Một thiếu nữ tên là Sen, ra câu đối này cho một anh học trò muốn lấy mình, tên là Quế :

— Cô *Sen*, mặc yếm cánh *sen*, đứng cạnh hồ *sen*, chờ người quân tử.

Câu Quế đối lại :

— Cậu *Quế*, khoác áo cánh *quế* (khoác áo vào cành cây quế), chèo lên cung quế, bế chị Hằng nga.

— Con giai Văn-*cốc*, lên đốc bắn *cò*, đứng lăm *le*, cười khanh *khách*. (tên các thứ chim).

Con gái Bát *tràng*, bán hàng thịt *ếch*, ngồi chầu *chẫu*, nói ương *ương* (tên loại ếch nhái).

— Con cóc leo cây vọng *cách*, roi phải cái cọc nó *cạch* đến ngã (cóc cách cọc cạch).

Con *công* đi qua chùa *kênh*, nó nghe tiếng *cồng*, nó *kềnh* cổ lại (công kềnh cồng kềnh).

— *Cha con* thầy thuốc *về quê*, gánh một gánh *hồi hương* (tên vị thuốc, lại có nghĩa là về quê), *phụ tử* (tên vị thuốc lại còn nghĩa là cha con) : Câu này chưa ai đối được.

— *Thủ thỉ* chém *đầu lợn*.

— *Hung hồ mồ bụng hùm*

Câu đối đánh vần quốc ngữ !

Tặc tắc hoan hoàn, tê ư *tư* sắc tứ Bình bình thoại thoái, hát ô hô huyền hồ. (Giặc hết vui về, về đến đây nhà vua cho sắc. Chiến tranh đã hòa bình đi về nói chuyện reo lên treo cung không phải đi đánh giặc nữa.)

- *Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá* không đá con ngựa.

Thằng mù nhìn thằng mù nhìn (bỏ *nhìn*) *thằng mù nhìn* không nhìn thằng mù.

— Ruộng đựn mướm sới, mướm sới đựn.
Kiển bò đta thả. Đta thịt bò.

— Ông *thông* đồn gạo cây đa, ông *thông* không đi là ông *thông lợi*.

Ông *tú* qua cửa *cống* (hương cống: cử), ông *tú* nhảy được là ông *tú tài*.

II

Cách tỉ lệ trong ngôn-ngữ, văn-chương Pháp và Việt-Nam

I

Những cái ngộ nghĩnh trong lối tỉ-lệ của người Pháp và người Nam

Trong ngôn ngữ, văn chương Pháp và Việt nam, đều thấy hay dùng cách tỉ-lệ. Sự gặp gỡ đó kể không có gì là lạ: dân tộc nào cũng vậy, khi cần hình dung một vật gì, hay muốn miêu tả một ý gì cho sác đáng, đều cảm thấy sự cần phải đem vật này ví với vạt khác, việc nọ vơ việc kia, để cho rõ ý mình muốn nói. Nhà văn Pháp Fénelon lấy giòng nước chảy để tả sự nhanh chóng của thời gian cũng như thi sĩ Trung-hoa cho bong bạch câu qua cửa sổ là hình ảnh của đời người ngắn ngủi (*nhân sinh nhất thế gian như bạch câu quá khích*).

Các nhà văn Pháp — từ Malherbe đến Victor Hugo — trong lúc vi người đan ba

đẹp như bông hồng buổi sớm còn hớn hở vui cười với gió xuân, chiều đến đã hương tàn nhị rữa, cánh tơi bời tả tơi trước gió, đã gặp thi sĩ nào đó vì trong bài điếu văn khóc một công chúa Trung-hoa, (1) nhà văn đông phương cũng ví người xấu số như một đám mây trên trời xanh bỗng dưng tan tác, một đóa hoa trong vườn Thượng uyển bị mưa gió rã rời. Thi sĩ Trung-hoa ngán cho nỗi « má hồng mà phận bạc » đã viết nên hai câu thơ tuyệt diệu :

Mỹ nhân tự cổ như danh tướng.

Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu

(Người đàn bà đẹp từ xưa đến nay cũng như một vị tướng tài, không để cho nhân gian thấy mình đầu bạc bao giờ).

Hai câu sau này của một thi sĩ Việt nam tả được sức mạnh ghê gớm của sắc

---

(1) Bài này từ trước đến giờ vẫn truyền tụng là của cụ Mạc-đĩnh-Chi. Nhưng hình như người ta đã khám phá ra rằng, bài này cũng như nhiều câu đối khác là của một nhà văn Trung-hoa nào đó, đã bị đem gán liều gán bừa cho ông Trạng của ta

đẹp người đàn bà :

Vũ vô hiềm tật năng lưu khách

Tài bất ba lão đị nịch nhân

(Giời mưa không khóa, không siêng sich thế mà giữ được khách ; sắc đẹp không có sông gió thế mà dễ làm chìm đắm người ta).

Những câu tỉ dụ thông thường của người Pháp mà tôi sẽ trích dưới đây cho ta thấy nhiều khi họ dùng những câu ví rất bất ngờ : người Pháp đem so sánh với nhau những vật mà ta tưởng như không có chất liên lạc gì với nhau Đó là do quan niệm riêng của mỗi dân tộc về sự vật. Nên có nhiều câu ví của ta nếu đem dịch ra tiếng Pháp thì người Pháp không hiểu gì hết, cũng như nhiều câu tiếng Pháp dịch ra tiếng ta sẽ hóa ra ngớ ngẩn một cách nực cười

Người Pháp nói	Ta nói
Quý ai như đồng tử con mắt của mình (Tenir à quelqu'un comme à la prunelle de ses yeux).	Quý ai như vàng Nưng như nưng trứng, hứng như hứng hoa

Buồn như một cái mũ đội đêm, như cửa một cái ngục thất (Triste comme un bonnet de nuit, comme une porte de prison).	Buồn như chấn cắn
Vui như một con chim thước (gai comme un pinson)	Vui như tế.
Sạch như một đồng xu mới (propre comme un sou neuf)	Sạch như lau, như chùi
Bẩn như một cái lược (sale comme un peigne)	Bẩn như lợn, như ma
Xấu như một con sâu róm, như một cái tội ác, như một con rận (laid comme une chenille, comme un péché, comme un pou)	Xấu như ma, như quỷ
Khóc sướt mướt như một con bê, như một cái mây nước (pleurer comme un veau. com-	Khóc như mưa như gió

me une fontaine)

Đầu hói như cái đầu gối (chauve comme un genou)

Đầu chọc lốc như cái bình vôi.

Ngu như một cái bắp cải, như một con ngỗng, như một cái thúng, như một cái vỏ (bête comme une oie, comme un panier, comme une cruche)

Ngu như bò, như lợn

Điếc như một cái bình, như một cái cuốc, như một con chim rẽ (sourd comme un pot, comme une pioche, une bécasse)

?

Câm như một con cá chép (muet comme une carpe)

Câm như hến, như thóc

Uống như một cái lỗ, như một cái bọt biển, như một anh hát kinh trong giáo đường (boire comme un trou, une éponge, un chantre.

Uống như hũ chìm

Khỏ như những bôn
đét, như con chó chết
đuối (Malheureux com-
me les pierres, com-
me un chien qui se noie)

Cười như một thằng
điên, như một anh gù Cười như nắc nẻ
(Rire comme un fou,
comme un bossu)

Nói dối như một anh
hay nhổ răng (Mentir Nói dối như cuội
comme un arracheur
de dents)

Dễ như một tiếng Dễ như chơi
chào (Facile comme như trở bàn tay
un bonjour)

Thật thà như vàng,
như một thứ cây liễu Thật thà như
(Franc comme l'or, com- đếm
me l'osier)

Béo như một con
chim cú, như một thầy Béo như trâu
tu (Gros comme un chương.
becfigue, comme un
moine)

Rối như vỏ bào (Brouillé comme des copeaux)	Rối như mớ bòng bong, như ruột tằm như cánh hẹ
Nói nhiều như một con chim khách chột (jaser comme une pie borgne)	Nói như vẹm. như Thánh Thán, như pháo ran, như khướu bách thanh.
Kiêu căng, vênh váo như một con gà sống (Fier comme un coq)	Vênh váo như gáo múc dầu, như... hố vợ bị đấm.
Khô như một que diêm (sec comme une allumette)	Khô như ngói.
Nhảy sổ vào cái gì như ếch vờn miếng dạ đỏ (Sauter sur quelque chose comme des grenouilles sur du drap rouge)	Như ếch vờn hoa đâm bụt.
Đêm tối như mõm một con chó sói (Nuit noire comme la gueule d'un loup)	Tối như đêm ba mươi Tối như hũ nút.
Người tối như bánh	

tây (bon comme le pain)

Gầy như một cái đinh, như một cái măng tây (maigre comme un lcou comme une asperge).

Mặt rỗ như cái rây lọc bột (figure grêlée comme une passoire).

Ngủ say như một khúc gỗ, như một chiếc gốc (dormir comme une souche, comme un sabot)

Ngáy to như một con quay (ronfler comme une toupie)

Run như cái lá (trembler comme une feuille)

Ranh mãnh như một con khỉ già (Malin comme un vieux singe)

Đỏ như một con gà

Gầy như que củi.

Gầy như co hương

Mặt rỗ như tổ ong bầu

Ngủ say như chết

Ngáy như kéo gỗ
Ngáy như sấm, như bò

Run như rẽ, như cầy sấy

Tinh ranh như quỷ

Đỏ như gấc, như

sống, như một con sơn.
tôm chín)Rouge com-
me un coq, comme
une écrevisse)

Xinh như một quả ?
tim (Jolie comme un
cœur)

Đẹp như ban ngày Đẹp như sao băng.
(Belle comme le jour) như tiên non
bồng.

Ác như một con Ác như hung thần.
lừa đỏ (Méchant com-
me un âne rouge)

Hiền như một bức Hiền như bụt.
tranh (Sage comme Lành như cục bột.
une image)

Rát như một con thỏ Rát như cáy.
(peureux comme un
lièvre)

Trái lại, lại có những câu ví của người Pháp và người Việt-nam giống nhau như hệt:

Người Pháp nói	Ta nói
Ở với nhau như chó với mèo (vivre comme	Cãi nhau như chó với mèo.

chien et chat).	
Sung sướng như cá ở trong nước (heureux comme un poisson dans l'eau).	Sung sướng như cá gặp nước, như rồng gặp mây.
Nói như vẹt (Parler comme un perroquet)	Nói như vẹt.
Nhanh như chớp (Rapide comme l'éclair)	Nhanh như chớp.
Nóng vuột như đứng trên đống than hồng (Etre comme sur des charbons ardents)	Nóng vuột như lửa đốt,
Thở như bò (souffler comme un bœuf)	Thở như bò.
Nhẹ như cái lông (Léger comme une plume)	Nhẹ như cái lông bồng.
Ngọt như mật (doux comme du miel)	Ngọt như mật.
Cáo như một con sếu (grand comme une grue)	Cao như sếu vườn.
Mặt choắt bằng một	Mặt choắt bằng

nắm đấm (figure grosse comme le poing)	một nắm đấm, bằng ba ngón tay chéo.
Chắc như đá (ferme comme un roc)	Trơ như đá, vững như đồng.
Lần như trạch (échapper comme une angnille)	Lần như trạch.
Xấu như quỷ, như khỉ (laid comme un démon, laid magot, laide guenon)	Xấu như quỷ, như khỉ.
Trần như một con sâu (nu comme un ver)	Trần như rộng.
Đen như huyền (noir comme le jais)	Đen như hạt huyền.
Mặt nhợt như người chết (Pâle comme un mort)	Mặt nhợt như người chết rồi.

Lại còn nhiều câu ví lấy ở điển tích Hy-lạp, La-mã, v. v. cũng như nhiều câu của ta lấy ở điển tích Tầu:

Người Pháp nói	Ta nói
Đẹp như nữ thần	Đẹp như Tây thi.

Vénus (belle comme Vénus)

Giầu như vua Crésus (riche comme Crésus)

Giầu như Thạch Sùng, Vương Khải.

Sống lâu như ông Mathusalem (vieux comme Mathusalem)

Sống lâu như Bành tổ.

Khoẻ như Milon, như Hercule (fort comme Milon comme Hercule)

Khỏe như Hạng vũ.

Những câu ví của ta cũng nhiều khi rất lạ tai, tối nghĩa, có lúc lại tưởng chừng như vô nghĩa nữa. Có câu gốc ở một chuyện cổ tích nào đó mà lâu ngày người ta quên đi mất, có câu trong đó phong-thân (tôi mượn chữ này của ông Hoa-Bằng trong báo Tri Tân) đã dùng những chữ cổ bây giờ không thông dụng nữa. Ví dụ những câu :

Ăn như phát tấu, như hùm đổ đố, như hộ pháp cắn chất, như hủi ăn thịt mỡ, như gấu ăn giăng — Ăn như thuyền chở mã làm như ả chơi giăng. — Ăn như

rồng cuộn, làm như cá chuống lộn ngược — Đàn ông như rô, đàn bà như hom — Nói như vẹm, như phải lác— Thân thít như thịt nấu đông, v. v.

Hay là :

Bố chồng là lông con lợn,
Mẹ chồng là chợn mắt lên,
Nàng dâu là bà hoàng thái tử.
— Bố chồng như lông con phượng.
Mẹ chồng là tượng mới tô
Nàng dâu là bồ nghe chửi.
— Bố vợ là vợ cọc chèo.
Mẹ vợ là bèo trôi sông,
Chàng rể là ông Ba Vì.

Trái lại, có những câu dùng cách tỉ lệ rất khéo, và hình dung được các sự vật một cách linh động và tài tình. Nhiều dáng điệu và cử chỉ như vẽ ra trước mắt ta :

Ví dụ : Lo như cá nằm trên thớt — Khấp khểnh như răng bà lão — Mặt ngây như cán thuổng — Mặt nặng như đá đeo — Ngây ngô như chúa Tầu nghe kèn — Lúng túng như thợ vụng mất kim — Bỡ ngỡ như chim chích vào rừng —

Chât như đấm vào cồ. Chuyện như pháo rang — Chán như cơm nếp nát — Ngốn như bò ngốn rơm — Ướt như chuột lột — Buồn tênh như đi về già — Nhăng nhẳng như cẳng bò thui — Long tong như ong đốt đít — Si si như cái đồ lỗ — Dai như địa đói — Đẳng cay như ngậm bồ hòn. Vợ quá chiều ngoen ngoẻn như chó con liếm mặt, vợ phải rẫy tiu nghỉu như mèo lành cụt tai.

Ta hãy đọc những câu ca-dao dưới đây, nhiều câu rất bóng bẩy thú vị, cũng như nhiều câu lại hóm hỉnh, ngộ nghĩnh và có duyên vô cùng. Phong nhân thật là những tài sĩ có thiên tài, và bảo ca-dao là một kho báu vô ngần của văn-chương đất nước, chẳng phải là một câu nói ngoa :

— Phong lưu là cạm ở đời.
Hồng nhan là bả những người tài hoa.

— Thấy bạn mà chẳng thấy chàng.
Bâng khuâng như mất lạng vàng trên tay.

— Đêm qua mới gọi là đêm

Ruột sót như muối, dạ mềm như dưa
— Nhớ ai em những khóc thầm,
Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa.
Nhớ ai ngơ ngẩn ngẩn ngơ
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai.
— Hoa đào chưa thắm đã phai,
Thoang thoảng hoa nhài mà lại thơm lâu
— Thân em như tấm lụa đào,
Còn nguyên hay đã xé vào tay ai.
— Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ ngoài chợ biết vào tay ai
— Thân em như thể trái chanh
Lắt léo trên cành nhiều kẻ ước mơ
— Có chồng mà chẳng có con
Khác gì hoa nở trên non một mình.
— Giời ơi có thấu hay chăng,
Một ngày đằng đẵng coi bằng ba thu.
— Tiếc cho cây quế giữa rừng,
Thơm tho ai biết ngát lừng ai hay.
Tiếc cho cây quế giữa rừng
Để cho thằng Mán thằng Mường nó leo.
— Cầy đồng đương buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cầy.
— Trúc xinh trúc mọc đầu đình,

Em xinh em đứng một mình cũng xinh
— Trúc xinh trúc mọc bờ ao,
Em xinh em đứng chỗ nao cũng xinh.

— Bây giờ em đã cố chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu mất đâu ma gỡ,
Chim vào lồng biết thủa nào ra.

— Còn duyên như tượng tô vang,
Hết duyên như tổ ong tàn ngày mưa.
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên đi sớm về trưa mặc lòng.

— Rồng vàng mà tắm ao tù
Người khôn ở với người ngu bực mình

— Chỉ đâu mà buộc lưng trời,
Thuốc đâu mà chữa con người lẳng lơ.

— Chồng hen lại lấy vợ hen,
Đêm nằm cò cử như kèn thổi đôi.

Chàng ơi phụ thiếp làm chi
Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng

— Chớ chê em xấu em đen
Em như nước đục đánh phèn lại trong

— Bé nhưng mà bé hạt tiêu,
Bé cay, bé đắng, bé xiêu lòng người.

II

Lời tỉ lệ trong câu hát của dân quê, hay là: Một cuộc đấu khẩu... có duyên và thi vị

Trong lũy tre xanh, trai gái hát với nhau thường dùng những câu ví von bóng bẩy và lý thú, tưởng chừng như các nhà văn ngồi trong buồng, ôm đầu nặn óc, mất bao công phu gọt rũa cũng không thể viết được bằng. Đây là nhời một anh chàng nói với người thiếu nữ mà mình đã thầm nhớ trộm yêu:

Dây tơ hồng chưa se đã mắc,
Rượu quỳnh tương chưa nhắp đã say.
Chẳng chè chẳng chén sao say,
Chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm.
Tìm ai như thể tìm chim,
Chim ăn bể bắc đi tìm bể đông.
...Nhớ ai con mắt lim dim,
Chân đi thất thểu như chim tha mồi
Nhớ ai bồi hồi bồi hồi,
Như đứng đống lửa như ngồi đống rơm.

Ca tụng nhan sắc người yêu, không cần đến những câu: « mây thua nước

tóc, tuyết nhường màu da » hay là « chim đáy nước cá lừ đừ lặn, lưng da trời nhạn ngẩn ngơ sa », anh ta đem dùng một thứ văn dán dị, ngây thơ, mộc mạc như tâm hồn mộc mạc những người sống đằng sau lũy tre xanh :

Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau.
Miệng cười như thể hoa ngâu.
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

Nhiều khi anh chàng đến quá chậm, nàng đã có chồng « *như chim vào lồng như cá cắn câu* ». Khác nào người tiết phụ của Trương Tịch, ngậm ngùi giã lại cùng hai giọt lệ, đôi ngọc minh châu cho người đã tặng mình, nàng không nhận miếng trầu chàng mời ăn, chỉ buồn rầu thương thân trách phận, không được cùng ai gặp gỡ những khi còn là một thiếu nữ thơ ngây. Khốn nạn thay thân phận đàn bà ! « *Thân gái như hạt mưa sa, hạt vào giếng nước, hạt sa ruộng lầy* ». Vì nhà nghèo, nên mẹ tham con lợn béo, tham tiếng sôi rền, bắt buộc phải lấy người chồng không xứng đáng :

Tôi đã bảo rằng đừng,
Mẹ bấm mẹ bứ mẹ bưng ngay vào.
Bây giờ kẻ thấp người cao,
Như đôi đũa lệch, so sao cho vừa.

Anh chồng ấy có khi lại vừa xấu vừa đen, chân đi chữ bát, mắt thì ngưỡng thiên, hay là : *mặt rỗ như tổ ong bầu, cái răng khấp khểnh như cầu rửa chân.* Lắm lúc tức mình nàng những muốn « bắc thang lên tận ông trời, bắt ông Nguyệt lão đánh mười cẳng tay, đánh rồi lại trói vào đây, hỏi ông Nguyệt lão nào dây tơ hồng ? » Thật là :

Khốn nạn thay nhận ở với người,
Tiên ở với cú người cười với ma,
Con công ăn lẫn với gà.
Rồng kia rắn nọ coi mà sao nên.

Nhưng có cô lẳng lơ trông thấy anh chàng đẹp trai đi trên đường cái quan, liền gọi lại để « than thở vài nhời », Rồi thì hỏi thăm quê quán, hỏi xem đã có vợ con chưa, mẹ già để ở nơi nao, « để em tìm vào hầu hạ thay anh ». Nàng ca tụng miệng cười xinh đẹp của khách qua đường, khen anh ta lịch sự

có duyên dịu dàng và nói :

Gió thu thổi ngọn phù dung,
Dạ em như sắt anh nung cũng mềm.
Trông anh như thể ngàn vàng
Bỏ ra thì khách hồng nhan được nhờ
Anh như chỉ thắm thêu cờ,
Em như rau má lờ mờ giếng khơi.
Dù anh mà chẳng có nơi.
Em xin vượt bể qua giời theo anh.

Nhưng có khi không may gặp phải con người sắt đá, chẳng những họ không siêu lòng trước những câu lơi lả, lại còn dùng nhời cay độc để mỉa-mai

Cái cồ yếm cô nó thõng thòng thòng,
Tay cô đeo vòng như bắp chuối non.
Em khoe em đẹp em ròn,
Anh trông nhan sắc em còn kém xuân.
...Nếu em đẹp thì đã có tiếng đồn.
Lọ là nhi nhảnh như trôn chích choè.

Thất vọng và buồn tủi, người thiếu phụ si tình thốt ra mấy câu đau đớn và bực tức :

Anh như tàn tía tàn vàng.
Em như mảnh chiếu rách nhà hàng bỏ quên

Lạy giời cho cả gió lên.
Cho mảnh chiếu rách lên trên tàn vàng.

Nhưng thường bị cự tuyệt, không phải người trong « phái đẹp » như cô ả nọ, mà lẽ tất nhiên là những cậu con trai, hễ thấy bóng con gái là buông lời bỡn cợt. Vô phúc gặp phải người danh đá, chắc chắn là mang nhục vào thân. Đây là mấy anh chàng có tiếng trơ tráo, vừa thấy bút mấy thiếu nữ xinh tươi, đã bảo nhau dừng lại để trêu ghẹo. Một anh cất tiếng hát :

Người ta con trước con sau,
Thân anh không vợ như cau không buồng.

Cau không buồng ra tuồng cau dực
Giai không vợ cực lắm em ôi.

Người ta đi đón về đôi.
Thân anh đi lẻ về loi một mình.

Một anh khác lại hát tiếp :

Tròng trành như nón không quai,
Như thuyền không lái như ai không chồng.

Gái có chồng như gông đeo cổ
Gái không chồng như phản gỗ long đanh.

Phản long đanh anh còn chữa được.
Gái không chồng chạy ngược chạy suôi,
Không chồng khốn lắm chị em ơi!

Bên nữ một người lên tiếng giả nhời bằng một giọng đầy kiêu hãnh :

Thân chị như cánh hoa sen.
Em như bèo bọt chẳng chen được vào.

Không để cho nàng hát tiếp, một câu con giai lập tức nối liền :

Lấy giời cho cả mưa rào,
Cho sấm, cho chớp, cho bão to gió nhớn,
Cho sen trìm xuống, bèo trèo lên trên.

Các cô thẹn đỏ mặt tía tai, trong khi từ phía nổi lên những tiếng cười chế nhạo, và còn đang nhìn nhau chưa biết giả nhời thế nào, thì anh chàng lại hát luôn :

Thân cô như hoa gạo trên cây,
Thân anh như đám cỏ may bên đường.

Hát đến đấy, anh ta ngừng một lúc. Quái! sao tự nhiên lại tự hạ mình như thế? Mọi người còn đang nhìn nhau không hiểu, thì tiếng hát lại vang lên

trong làn không khí êm đềm một buổi chiều xuân :

Lậy giời cho cả gió rung cây.
Cho hoa gạo rụng xuống chai luồn cỏ may.

Bọn con giai chất cũng không phải tay vừa. Vừa thẹn vừa tức, các cô còn đang nghĩ câu giả lời, thì một thiếu nữ nổi tiếng chua ngoa đanh đá cất tiếng hát :

Ba đồng một chục đàn ông,
Đem về mà bỏ vào lồng cho kiến nó tha.

Ba trăm một vị đàn bà,
Đem về mà giải chiếu hoa cho ngồi.

Câu hát giả nhời tới ngay tức khắc :

Đấy vàng đấy cũng đồng đen.
Đấy hoa sói trắng, đây sen Tây hồ.
Đấy em như tượng mới tô,
Đây anh như người ngọc họa đồ trong tranh.

Một cậu khác hát tiếp một câu gay gắt :

Cô kia cứ hát ghẹo trai,
Cái mồm méo sệch như quai trèo đèo.
Lại đây anh vắn lại cho,
Ngày mai chèo đò ăn bát cơm thiu.
... Đi đâu mà chẳng lấy chồng,

Người ta lấy hết chồng mông mà gào
Gào rằng : « Đất bỡi trời ơi !
Sao không thí bỏ cho tôi chết chồng ! »
Ông trời ngảnh cổ lại trông :
« Mày hay kén chọn, ông không cho
mày ! »

Từ lúc nay trở đi, cuộc hát bỗng b ến thành một trận đấu khẩu mỗi lúc một thêm kịch liệt. Bằng một giọng lanh lảnh và đanh đá, cô kia kéo dài mồm ra mà hát :

Cô hát thì bát cho bồng cho cao,
Cho gió lọt vào cho chúng chị nghe.
Chị còn ngồi võng ngọn tre
Gió đưa cút kít chẳng nghe tiếng gì.

Tức thì một thiếu niên, vẻ mặt hầm hầm tức giận, giãn mọi người, nhảy, sổ ra bãi chiến trường :

Cô kia mà hát đa đoan,
Anh cầm con dao lá tre, anh đạc
lá gan cô mày.
Ruột non anh quấn trên cây,
Ruột già anh vấn làm giây kéo thuyền.
Đôi bên hàng sứ giãn ra,
Để tôi đối địch với ba cô này.

Được thì ăn đĩa giầu đây,
Thua thì cởi áo trao tay ra về.

Ghê gớm chưa ! giọng nói có vẻ quả quyết và « anh hùng » tệ. Nhưng quả quyết chả được bao lâu. Anh ta không ngờ gặp phải đối phương là tay « mẹ mướp », mà phương ngôn đã nói : « Đừng trêu mẹ mướp mà sờ có ngay », Thiếu nữ sừng sỗ giả nhời ngay tức khắc :

Đối địch thì dịch lại gần đây,
Bên thừng bên chão xem giây nào bền.
Nhất bền là dây bồ nâu,
Chị còn dật dứt nữa đâu chứng bay
Em ơi ! chị bảo em này,
Nhất mặn là muối. nhất cay là gừng.
Nhất cao là núi Tam từng,
Chi còn đạp đổ nữa rừng cỏ may.
Chúng chị là con gái trung vàng,
Đứng trên đỉnh núi thì ngang với giời.
Chúng chị là hòn đá tảng trên trời,
Chúng em chuột nhắt cứ đòi lung lay.
Cha đời chuột nhắt chúng bay,
Hòn đá tảng rơi xuống thì mày gẫy xương.

Chuông khánh còn chẳng ăn ai,
Nữa là mảnh chĩnh ở ngoài bụi tre.

Anh cũng bị cô ả rồn cho một thôi một hồi, như chết điếng người đi : cái hăng hái lúc nãy đã tiêu tán đâu đâu mất rồi. Trong khi mặt đỏ như gấc, anh ta lúng ba lúng búng, không biết giả nhời thế nào, thì may thay, một người bạn cất tiếng lên hát giả nhời hộ :

Mồ cha con bướm trắng, đẻ mẹ con ong xanh, Khen ai uốn lưỡi cho ranh nói càn.

Mồ cha con bướm trắng, đẻ mẹ con ong vàng, Khen ai uốn lưỡi cho nàng nói chua.

Các cô biết rằng bên nam hạ đã tức giận đến cực điểm, nếu ở lại thì có nhẽ đến sinh ra ẩu đả, nên vừa -u, mấy nguầy trở đi vừa hát :

Không thèm ăn chả cá mè,
Không thèm nói với mẹt bè trẻ ranh.
Không thèm ăn gỏi cá mương,
Không thèm nói với một phường ngu si.
Không thèm ăn gỏi cá chày,

Không thèm nói với thằng thầy mày đâu !

Thế là đám hát giải tán, và cuộc chiến đấu đến đây là ngừng. Tuy hai bên chưa bên nào chịu bên nào, nhưng ta thấy lối tỉ-lệ đã giúp các cô những bọn con trai « về điềm » một cách rất rõ rệt.

III

Hình ảnh, những viên ngọc quý trong văn-chương Đông, Tây.

I

Hình-ảnh là gì?

« Hình ảnh », những viên ngọc quý trong văn chương, thường thấy xán-lạn trên các trang tuyệt bút của những nhà đại văn-hào Pháp. Trong thi-ca Việt-Nam hiện-đại, cũng thấy rất nhiều. Nhưng ta đừng vội tưởng đó là một món quà mới từ phương Tây đem lại. Trước khi Âu-hóa, văn ta nhiều khi dùng — có lúc một cách rất táo bạo nữa — cái lối trong mỹ-từ pháp đó. Các cụ ta ngày xưa không hề học văn-pháp, và cũng chẳng biết mỹ-từ pháp là cái gì. Chỉ việc đi theo tiếng gọi của hồn thơ, để tâm hồn rộng mở, rung động nhịp-nhàng trước những cảnh hùng vỹ hay sinh tươi của trời đất, thế là « hình ảnh » ở đâu ròn rập dưới ngòi

bút, và nẩy lên những tiếng êm đềm, những vần tuyệt diệu, mà người ta tưởng như là kết quả của bao nhiêu giờ đẽo gọt công phu. Tại làm sao trong cách diễn đạt tư-tưởng, Đông và Tây một lần nữa đã gặp nhau? Tại làm sao các nhà văn Pháp và Việt-Nam đã cùng dùng một lối trong mỹ-từ-pháp để ca ngợi những vẻ đẹp thiên nhiên, hay để mô tả các tâm trạng của mình? Là vì tất cả nghệ-thuật văn chương — dầu ở nước nào nữa — cũng có thể thu gọn lại trong hai chữ « rung động và truyền-lan », như nhời một nhà văn đã nói. Biết « rung động », đó là đặc-tính của thi nhân. H. Taine luận về nguồn gốc thơ kể rằng: « Một người Ấn-Độ thấy sa xuống chân một con chim bồ câu cái bị thương, tức khắc lòng thần-thức, hồi hộp như hòa nhịp với tiếng vật-vả của con chim đang rẫy-rụa, hấp-hối, và bất giác nẩy lên lời thơ ». Một mối cảm súc cảng lên đến cực-điểm, phải chăng là nguồn gốc của thơ, và của « hình-ảnh » ? Vì « hình ảnh » tức là thơ, và thơ tức là

« hình-ảnh ». Thi-sĩ không những là người biết rung-động một cách mãnh liệt, mà lại còn thấy lòng sôi-nổi, hồi-hồi quần-quại, như bởi một nỗi đan-thương, cố làm thế nào « truyền-lan » được hết cảm-tưởng của mình cho người đọc, như muốn trút cả tâm hồn trên tờ giấy trắng. Hàn-Mặc-Tử đã kêu lên trong mấy vần thơ điên cuồng :

Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút,
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,
Như mê man chết điếng cả làn da

* *

Cứ để ta ngất-ngư trong vũng huyết,
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh ;
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết,
Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh.

Nhà văn có tài là người biết truyền được cái « rung động » của mình bằng sự huyền-diệu của mầu và của tiếng. Muốn đạt được mục đích ấy, không gì bằng « hình-ảnh », vì « hình-ảnh »

khiến câu văn trở nên linh-động, mạnh-mẽ vô cùng. Phải chăng vì cớ đó mà văn-chương Pháp và Nam đã gặp nhau một cách lạ-lùng: Các cụ ta ngày xưa không những biết dùng « hình-ảnh », mà cả đến cách tạo nên hình-ảnh », nhà văn hai nước cũng đều đem ra ứng dụng những phương-pháp như nhau.

Cụ Nguyễn-Du đi chơi trong mùa xuân đầy thanh sắc, mắt ngắm nhìn cảnh hoa lê — những bông tuyết tỏa hương-thơm trên cành xuân la-lả — chân giẫm lên tấm nhung dịu mát của cỏ non, thế là cảm giác mùa xuân tràn ngập vào óc thi-nhân, để biến thành mấy vần thơ bất-hủ. Một hình ảnh đã tạo thành:

Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Cũng cùng trong một trường hợp, cùng chịu một nguồn cảm xúc, *Alfred de Musset* đã vẽ nên một bức tranh giống hệt bức phác họa của tác giả truyện Kiều:

. . . . les roses vont éclore.
sur les flancs des coteaux, déjà court le gazon. (...Hoa hồng đã sắp nở, cỏ non

xanh rợn trên sườn đồi).

Một cảnh khác. Đêm trăng trong vườn hoa. Đầm sen đầm lá xanh, lấp lánh kia mấy bông hoa lựu. Mầu hoa đỏ rực, thi nhân chợt có cảm tưởng trông thấy những tàn lửa lập-lòe trong bóng tối. Lửa... lựu... lập lòe, cảm giác đã thành thơ :

Đầu cành *lửa lựu lập-lòe* đâm bông.
(Ng. Du).

Victor Hugo cũng đi « bái mấy vần thơ » dưới ánh trăng. Sao sáng ngời nổi bật giữa bầu trời xanh thẳm, bao bọc vành giăng nốn cong như lưỡi liềm. Làm sao miêu tả được tất cả vẻ lộng-lẫy huy-hoàng của cảnh thần tiên đó ? Một « hình ảnh » đầy thi vị đã lỏ trong óc thi nhân :

« ...Không biết vị thần nào đấy, không biết người thợ gặt nào của mùa hè vô cùng tận, lúc ra về đã lơ-lãng ném lại chiếc liềm bằng vàng này trong cánh đồng sao... (...quel dieu, quel moissonneur de l'éternel été, avait en s'en allant, négligemment jeté, cette faucille d'or dans le champ des étoiles...) (Victor Hugo)

Ta vừa được mục-kích sự « nẩy nở » của mấy « hình ảnh » tuyệt mỹ. Nay thử xét xem « hình ảnh » là gì, và do đâu mà ra ?

Những hình ảnh trên kia tức là mấy cảm giác về thị giác, kết quả của một luồng cảm lực mãnh-liệt trước những cảnh sắc tuyệt vời đập mạnh vào nhỡn quan các thi nhân.

Nhưng nhiều khi một sự kích-thích mạnh, một trạng thái trong tâm hồn, cũng là nguồn tạo nên « hình ảnh ». Bà huyện Thanh-quan, trước cảnh điêu tàn thành Thăng long, tranh niềm hoài cổ : nào đâu là dấu xưa xe ngựa, nào đâu là vẻ sầm uất chốn đế đô ? Bây giờ chỉ thấy bóng tịch-dương kéo niềm u-uất trên đám cỏ úa vàng. Thi-sĩ chau mày vì nỗi tang thương, nhưng lòng thi sĩ trước cảnh đổi thay không hề thay đổi. Thành quách ngất nga tráng lệ của thời xưa, nay chỉ còn là những bức tường đá cỏ mọc rêu phong, soi bóng đau thương trên mặt nước. Cảm súc và rung động đến cực điểm, thi sĩ tìm một lối diễn

tả mới lạ để lột hết cảm tưởng ấy trong lời thơ, và khi đến người đọc cũng cảm súc và rung động như mình. Bởi « đá » là tượng trưng của sự bền bỉ, cũng như « nước » là hình ảnh của cuộc đời dâu bể, nên tác giả nhờ đến những vô sinh vật đó để tả nỗi lòng mình. Bà huyện Thanh-quan vì vậy dùng lối « nhân cách-hóa » (la personnification) : « đá » và « nước » bỗng trở nên có linh-hồn, và tâm sự tác giả biến thành tâm sự các vật vô tri vô giác ấy :

Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.

Baudelaire trong bài thơ bất hủ « Spleen » cũng đã dùng cùng một lối để tả nỗi buồn rầu chán nản của mình những hôm giời mưa gió mãn, nước trăng ngoài cửa sổ như những chấn song của một đề-lao, óc như bị hàng vạn con rện dăng lưới che kín cả tư tưởng. Thế rồi tác giả nói : « Có những đám mây đen đặc, không khí không trống thong thả diễu rong tâm hồn tôi ; « Hy vọng » thua trận ôm mặt khóc, và thần « lo âu »

tàn ác, bạo ngược, cầm chiếc cờ đen trên đầu tôi giơ xuống. (Et de longs corbillards, sans tambour, ni musique, Défilent lentement dans mon âme ; l'Espoir vaincu, pleure, et l'Angoisse atroce, despotique, Sur mon crâne incliné plante son drapeau noir).

Một thầy đồ sống cảnh đời bần quanh nghèo nàn ở nhà quê, hết sức giờ thét như cố « mớm » chữ vào óc mấy đứa trẻ ngu tối mà không mong. Thời gian trôi qua, chẳng mang lại cho nhà nho một chút hi vọng gì về tương lai. Thế rồi, mỗi tuổi một già, mong làm sao còn có một luồng ánh sáng vui tươi, chiếu vào cuộc đời đen tối. Nỗi khổ tâm của cụ đồ đã phát ra trong hai câu đau đớn.

Chữ nghĩa mớm đầu con trẻ hết,
Bần ria đầm mãi cái già ra.

Ta hãy chú ý đến cách dùng chữ táo bạo của đồi câu đối ấy : « mớm chữ nghĩa » « đầm cái già ra » chính là lối lấy « cụ thể danh từ » (mots concrets) đem dùng với những « trừu tượng » (cho-

ses abstraites), rất hay thấy trong văn-chương Pháp.

Sau khi đã kể qua mấy nguồn cảm sức gây nên « hình ảnh », dưới đây xin nói về những phương pháp và các nhà văn Pháp và Nam dùng để tạo nên « hình ảnh ».

II

Những phương pháp tạo nên hình ảnh

I.— Hình ảnh nhiều khi là một bức tranh phác họa rất có tinh thần và linh - động.

Có khi chỉ mươi chữ khéo dùng, một vài câu điêu luyện, là ta đã có một « hình ảnh » sáng lạn, một bức tranh đầy đủ và vô cùng linh hoạt.

Un jour, sur ses longs pieds, allait, je ne sais où,

Le héron au long bec, emmenché d'un long cou...

Có phải ta như trông thấy trước mặt, chú cò mỏ dài đang vươn cổ lò dò đi trên bờ sông?

Tả cảnh chiều hôm trên đường thiên lý, tác giả truyện Kiều không dùng quá 14 chữ :

Long lanh đáy nước in trời,
Thành sây khói biếc non phơi bong vàng
— « Nao nao dòng nước uốn quanh »,

Ngọn tiền khê của cụ Nguyễn Du làm tôi nhớ đến dòng suối của Lamartine trong bài « Le Vallon » :

Là, deux ruisseaux... tracent en serpentant les contours du vallon : « ở nơi ấy, hai dòng nước... chảy uốn quanh thung lũng ».

Lamartine và Nguyễn-Du lại còn gặp nhau trong một vài trường hợp khác. Tác giả « Les Méditations » có lần đã viết :

Un seul être vous manque et tout est dépeuplé. (Chỉ thiếu một người tri kỷ là đời hóa ra trống rỗng).

Câu ấy há chẳng cùng chung một ý với mấy câu này của cụ Nguyễn - Du, « nhà thi sĩ bất diệt, nhà thi sĩ muôn đời của chúng ta » (Lưu Trọng Lư)

Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri âm đó mặn mà với ai ?

Dưới đây là ít « bình ảnh » lượm được trong thi ca hiện đại :

— Sáng hôm nay sương biếc tỏa mờ mờ,
Như hương khói đượm đầu cau mái rạ.
Ánh hồng tía rắc hạt châu trong lá,
Trời trong xanh chân trời đỏ bây bây.

(Thế-Lữ)

— Hôm qua đi bái mấy vần thơ,
Ở mãi vườn tiên gần Lạc-hồ,
Cảnh tiên trong hoa chim mách lẻo,
Gió đào mơn trớn liễu buông tơ.

(Thế-Lữ)

— Mây đi vẳng trời xanh buồn rộng rãi,
Sông mỗi dòng, đọng bằng đứng không trôi.
Làn khói sâm từ nóc nhà lặng lẽ
Vươn mình lên như tỉnh giấc mơ say.

(Anh-thơ)

— Trời mặng mây mù mấy khóm cây
Đứng kia không biết tỉnh hay say.
Đỗ bờ sông trắng con thuyền bé,
Cạnh lớp lau già gió lất lay (Thế-Lữ)

— Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao,
Cây vàng rung nắng lá sôn sao ;
Gió thơm phơ phất bay vô ý.

Đem đựng cành mai sát nhánh đào.

(Xuân Diệu)

II. — Có khi chỉ một, hay vài chữ tài tình cũng đủ tạo nên một hình ảnh mạnh mẽ, tươi đẹp hay ngộ nghĩnh

Cái bộ mặt hốc-hác như *kêu gào cợt đói* ấy (cette face maigre qui *crie la faim* (Alphonse Daudet). cf (1) : Ăn no rồi lại nằm khèo, thấy dục trống chèo *bỏ bụng* đi xem (Ca dao).

Những lối đi mỗi lúc thêm đầy *đặc* những bóng tối (Les chemins *remplissent* d'ombre. (Homère).

— Chim hôm thoi-thót về rừng,
Đóa trà mi đã *ngậm giăng nửa vành*

(Ng. D.)

— Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng *uống ánh trăng* tan.

(Thế-Lữ)

— Đám ma đi trong hơi sương lạnh giá
Đi trên đường và *đạp séo lòng lối*

(Lan-sơn)

---

(1) Cf : nghĩa là : tỉ : hãy so sánh.

III : Nhưng phần nhiều «hình ảnh» do cách «tỉ dệ» hay cách «ám tỉ» mà ra

Ví dụ : Giời đỏ lòm như một tấm khăn bàn đẫm máu : (Le ciel était rouge comme une nappe de sang — Flaubert).

— Vừa ngồi vào bữa tiệc đời, tôi mới được đặt lên môi có một lát, cốc rượu mới tay hãy còn đầy. (Au banquet de la vie, à peine commencé, un instant seulement, mes lèvres ont pressé, la coupe est mes mains encore pleine — A. Chénier).

— Chén tân khổ nhắp ngon mùi chua khí. (Đặng-đức-Siêu). Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ (Cung oán)

— Les forêts *vibraient comme de grandes lyres*. (Victor Hugo) Những khu rừng vang lên *như những cây đàn to*.

Như một cây đèn bằng vàng chèo trên vòng trời xanh, mặt trăng rung-rinh ở tận đằng đầu chân trời.

(*Comme une lampe d'or dans l'azur suspendue*, la lune se balance aux bords de l'horizon : Lamartine).

— Sóng còn cửa bể nhấp-nhô, *Chiếc thuyền bảo ảnh thấp-thỏ mặt ghềnh*

(Cung oán)

— *Phận bèo bao quản nước sa*, Lênh-đênh đâu nữa cũng là lênh đênh. (Nguyễn Du).

Những cách tuyệt diệu nhất để tạo nên « hình ảnh » là lối nhân cách hóa » sẽ nói riêng ở chương sau.

Xem các tỉ dụ ở trên, ta thấy hình ảnh trong văn chương quan hệ thế nào. Lối ấy đã giúp nhiều nhà văn viết nên những trang tuyệt bút.

Dưới đây xin trích vài đoạn trong bài : « Chơi giữa mùa trăng » của thi sĩ Hàn Mặc Tử. Tuy không dám theo ông Trần Thanh Mại mà bảo, « đó là một bài văn mới lạ xưa nay trong văn giới của toàn thể hoàn cầu cũng chưa ai từng nghĩ đến nó, hay đến nỗi có thể để ngang hàng với những bài hay nhất thế giới, cả Đông phương và Tây phương », nhưng ta cũng phải chịu là một áng văn có giá trị, một bài thơ bằng văn suôi tràn ngập những « hình

ảnh » nên thơ và kỳ dị:

Chơi giữa mùa trăng

Chị tôi và tôi đứng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những đống vàng trôi trên mặt nước.

Vậy chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu chưa đủ, Ngưu lang và Chức nữ, chúa cửa đêm Trung thu, còn sai gió thu mang lại gần chúng tôi một thứ mùi gì ngào-ngạt như mùi bằng phiến, trong ấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa. Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngờ là đi trong vũng chiêm bao, và say-sưa và ngây-ngất vì ánh sáng, hai chị em đê mê không còn biết là mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ, và mộng và thơ, và nước và thuyền. dâng lên, đồng dâng lên như khói.

Ở thượng tầng không khí, sông Ngân-hà trinh bạch đương đắm chìm các ngôi

sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên : « Đã gần đến sông Ngân rồi ! Chèo mau lên em ! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn-giang ! »

Đi trong thuyền, chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vị tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền...

Trên kia, phải rồi, trên kia, một vị tiên nữ đang kêu thuyền để qua giang. Thình-lình vùng mơi mộng của chúng tôi bỗi vẻ sán lạn. Chị tôi liền chỉ tay về phía bến đò thôn Châu-Mo và bảo tôi rằng : « Thôi rồi ! Trí ơi ! con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không ? Nó gỡ mãi mà không sao thoát được, biết làm thế nào, hở Trí ? » Tôi cười : « Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên đống cát với tay gỡ bộ cho trăng thoát nạn » Hai chị em liền giấu thuyền trong bụi hoa lan bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân dẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước lên trên

phiến lụa.

Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này ? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng ? Chị tôi làm thinh, mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những nhạc vàng... Đông là một thứ hòa non bằng cát, trắng quá — trắng hơn da thịt của người tiên, hơn lụa bạch, hơn phẩm giá của tiết trinh — một màu trắng mà tôi cứ muốn lăn lộn điên cuồng, muốn kề môi hay áp má để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát.

Hai chị em đồng giang tay níu áo gượng vào nhau dấn bước lên cao...

Ngợp quá, sáng quá, hứng trí làm sao ? Bây giờ chúng tôi đương ở giữa mùa trăng ; cả không gian đều chập chờn những màu sắc phiếu diêu đến nỗi đời đồng tử của chị tôi và tôi lờ đi vì chói lọi :

Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng, tưởng chừng như bầu thế giới chỉ chứng

tôi đây cũng đang ngập trăng, lụt trăng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra bọc lấy. như bọc lấy đồ châu báu.

Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá... Trời ơi! sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận quần áo bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi dật lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao: « Có phải chị không bả chị». Tôi run run khi có cái ý nghĩ: chị tôi là một nàng Ngọc nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên: « A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa». Ngó lại, chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiệt...

(Trích trong quyển «Hàn-Mặc-Tử» của Trần-Thanh-Mại)

IV

« Nhân - cách - hóa »
một phương - pháp tạo nên hình ảnh

« Hình ảnh » phần nhiều tạo ra do lối « nhân cách hóa » (la personnification) Dưới ngọn bút tài tình của nhà văn, như nhờ có phép thần-thông, tất cả một thế giới lạ lùng hiện lên, một thế giới mơ hồ huyền ảo, đầy rẫy những hình ảnh tươi đẹp và kỳ-dị, trong đó không những động vật, mà cả đến các vật vô-tri vô giác cũng đều biết nói năng, hành động, có đủ tình tình tư-tưởng như người :

Dưới đây là một đoạn trích dịch trong thiên truyện ngắn « les Vieux » của A Daudet để làm tỉ dụ :

... Tôi sẽ sẽ lại gần và nhìn vào buồng... Một ông già đang ngủ trong chiếc ghế bành, mồm há hốc, hai tay

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F.

để trên đầu gối. Dưới chân ông cụ, một con bé mặc quần áo xanh đang đọc truyện thánh Irénée trong một quyển sách lại còn to hơn nó. Câu truyện thần tiên ấy dường như đã bỏa phép làm cho mọi người trong nhà ngủ say cả. Ông cụ ngủ trong ghế bành, đàn ruồi ngủ trên trần; đằng kia, trên khung cửa sổ, chim hoàng yến cũng ngủ trong lồng. Cả cái đồng-hồ to tướng treo trên tường cũng ngáy tic-tắc, tic tắc.

Suốt cả nhà còn thức, duy chỉ có một giải ánh sáng rọi thẳng tự các cửa sổ đóng kín, mà ở trong trông như có những tàn lửa sinh-hoạt và bàng đàn vi-trùng đang nhảy múa... Trong khi mọi người đang yên giấc, con bé con vẫn đọc sách bằng một giọng trang nghiêm. Tôi bước vào : Thật là một sự biến phi-thường : Con bé kêu lên một tiếng, quyển sách to rơi xuống đất, chim hoàng yến, đàn ruồi giật mình tỉnh giấc, chiếc đồng hồ choàng dậy với vàng đánh chuông, ông già đứng phắt lên nhớn nhơ nhớn nhác...

I

Người ta « nhân cách hóa » các động vật

Chim, trong thế giới riêng của các nhà thi-sĩ, là những anh chàng bẻo-lẻo, bép xép luôn mồm, cười nói huyên-thuyên, tính thóc-mách, và hay trêu cợt, nhạo báng người :

Mưa bè, nắng trái, *oanh ăn nói*...

(Dực Tôn)

— Ngoài song *thỏ-thẻ* oanh vàng.

(Ng. Du)

— Lơ-thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh *học nói* trên cành mỉa mai

(Ng. Du)

— Cảnh tĩnh trong hoa *chim mách-lẻo*

Gió đào mơn trớn liễu buông tơ

(Thế Lữ)

Con chim bay nói quá thường làm dứt mạch tư tưởng và phá tan giấc mộng của người ta. Trong bài thơ của Cái da Vận, thi-sĩ đời Đường (xem trang 5) người thiếu-phụ trung-hoa vì bị con chim hoàng oanh hót trên cành, làm tỉnh mất giấc mơ êm ái không sang được Liêu-Tây với người yêu, nên nổi giận sai người đánh đuổi nó đi.

A Daudet kể chuyện « Con dê của ông Séguin » dứt dứt giây trốn lên trên núi, đã dùng lối « nhân cách hóa » để viết nên những câu rất dóm dính :

« Khi chị dê trắng lên tới đỉnh núi, thì mọi vật trên ấy đều vui sướng mừng rỡ vô cùng... Những cây dẻ cúi rạp xuống tận đất, đưa đầu cành ra vuốt ve cô. Bên đường cô ả đi qua, hoa kim-tước đưa nhau nở và tỏa hết hương thơm.

... Vào đó trưa, cô Blanquette trong khi chạy tung tăng, lạc vào giữa đàn sơn dương đương nhai ngau ngáu một

cây nho dại. Cô ả mặc áo trắng ấy, được mọi người hoan nghênh hết sức. Họ dành cho cô chỗ tốt nhất trong cây nho, và tất cả các « cậu » đều « nịnh đầm » lắm. Người ta còn kể lại rằng một chàng sơn dương có bộ lông đen nhánh được cái diễm phúc cô ả để lọt vào mắt xanh. Cô cậu dắt nhau vào trong rừng, và muốn biết cặp uyên ương ấy nói với nhau những gì, thì cứ hỏi những dòng suối bép sép chảy rọc rách trong đám rêu thì sẽ rõ ».

II

Người ta «nhân cách hóa» cả đến gió trăng, cây cỏ, cùng các vật vô tri vô giác.

Cây cối, hoa cỏ, mây nước, trăng gió, các vật vô tri vô giác đều được thi sĩ đem ra «nhân cách hóa». Những vô sinh vật trở nên có linh hồn, có tư tưởng, và biết hành động như người.

Bài « l'enlisement », đoạn văn có tiếng của V. Hugo, trong tiểu thuyết « les Misérables » cho ta mục kích cuộc chiến đấu của một người bị sa lầy với « Cát ». « Cát » dưới ngọn bút tác-giả đã hóa ra một kẻ hung bạo độc ác vô cùng, cứ níu chặt lấy hai chân khách bộ hành

kéo vào cõi chết. Kẻ mắc nạn sợ hãi kêu la, « Cát » lại càng lên cao, « cát » đã lên đến quá đầu gối. Hắn ta vùng vẫy kêu cầu cứu, « Cát » dường như muốn trừng phạt kẻ kia về tội dám chống cự, lại càng kéo mạnh xuống cái huyệt sâu. Hắn ta thử ngồi xuống, nằm dài ra, hay bò đi, nhưng càng cựa cậy, «Cát» lại càng lên cao ; Đứng thẳng dậy, thì lại thụt xuống một lần nữa. Anh ta kêu khóc : « Cát » đã lên đến bụng ; « Cát » đã ngập đến ngực, chỉ còn có nửa người. Tay giơ lên trời, miệng kêu thét, bấm móng tay để bíu chặt xuống đất, khóc hức nở ; « Cát » lại càng lên, « Cát » đã lên đến vai, «Cát» đã lên đến cổ. Bây giờ chỉ còn thò ra có cái mặt. Miệng còn cố kêu, « Cát » bịt ngay lập tức : cằm. Mắt còn cố nhìn, « cát » phủ kín ngay : mũ. Rồi sau, trán ngập dần xuống, chỉ còn vài sợi tóc phất phơ trên bãi cát ; một bàn tay thò lên, chọc thủng mặt cát, động đậy vùng vẫy một lúc, rồi biến mất ». Cuộc chiến đấu đến đây là rứt. « Cát» đã ca khúc khải hoàn.

— Victor Hugo trong một bài thơ đã nói đến « những cái xe to nhón *rền rĩ* trở về lúc hoàng hôn » (les grands chars *gémissants* qui reviennent le soir). Vua Lê Thánh Tôn tả cái cối say cũng viết :

Tiếng nói ầm ầm như sấm động,
Miệng cười răng rắc tựa tên bay.
Đươi ngọn bút thi-nhân, hoa biết nói, biết cười.

Nhị họa chưa *mỉm miệng cười* (CungOán)

— Trước sau nào thấy bóng người,
hoa đào năm ngoái *còn cười* gió đông
(Nguyễn Du)

Gió lặng thổi, mây ngừng trôi, sóng im tiếng vỗ, để lắng tai nghe nhời nói của mỹ nhân, hay «tiếng trúc tuyệt vời» thổn thức với lòng thổn thức của người thiếu nữ :

De flot *fut attentif*, et la voix qui m'est chère
Laissa tomber cets mots : Lamartine.
(Sóng *im vỗ như lắng tai nghe*, khi nàng cất tiếng nói).

— Mây hồng *dừng lại sau đèo*,
Mình cây nắng nhuộm bóng chiều *không đi* (Thế-Lữ)

Đến cả tảng đá, mặt nước cũng có đủ tình cảm như người :

Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn *cau mặt* với tang thương
(ba huyện Thanh Quan)

— Cơn gió điu hiu lướt mặt hồ,
Thỏi rơi xuống nước chiếc hoa khô ;
Giật mình, làn nước cau mày giận
Tan cả vừng trăng tỏa lững lờ (Đỗ-huy Nhiệm)

Mặt giời theo tác giả « Thơ thơ » là một ông già sợ lạnh : « Bữa nay lạnh, *mặt trời đi* ngủ sớm » (cf : Alphonse Daudet : Les étoiles pétillent de froid : các vì sao *lóng lánh run rẩy* lên vì rét). Thế mà ông già ấy lại mới cưới một cô bầu non:

Mặt trời vừa mới *cưới trời xanh*,
Duyên đẹp hôm nay sẽ tốt lành...

Mặt trời lặn rên mặt bể trong thơ Leconte de Lisle lại là « cái thây chết đuối sám ngắt đang yên giấc nghìn thu trong bể cả » (Vivide et s'endormant de l'éternel sommeil, dans la divine mer s'est noyé le soleil). Cùng chung số phận với con « quạ lửa », mây cũng « chết đuối

ở dòng sông vắng lặng. Trôi thây về xa tận cõi vô biên » (Hàn mạc Tử).

Giờ trong thế giới các thi sĩ là một thiếu niên trơ tráo, thường lẳng lơ bỡn ghẹo các thiếu nữ xinh tươi.

Tóc em *gió lẳng lơ chòng*,
Nắng vàng rỡn cặp má hồng hồng tươi
(Thế-lữ)

Em thấy lòng chan chứa cảm hoài
Lẳng lơ gió lạ nhủ bên tai (id)

Có lần anh chàng liều lĩnh dám lẻn vào tận màn the người thiếu phụ xa chồng (Xuân phong bất tương thức, hà sự nhập la bi : Lý thái Bạch), táo bạo thật chẳng kém gì « Tiếng khánh chùa » của nữ thi sĩ Vân Đài :

Tiếng gió lùa qua thức mộng chim,
Phá tan hương khói giấc êm đềm
Lại thêm tiếng khánh chùa xa vẳng,
Quen đến buồng tôi lúc nửa đêm.

Chàng giờ một lần khác đã cả gan đặt môi lên má một thiếu phụ :

Vô tình đồ gió *hôn lên má*,
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm.
Em sợ lang quân em biết được

Nghi ngờ đến cái tiết trinh em (Hàn Mặc Tử)

Trăng và hoa là người tình của gió :
Cành xuân hoa chúm chím chào
Gió đông thôi đã *cợt đào ghẹo mai.*
(Cung Oán)

— Trăng nằm soài soãi trên cành liễu,
Đợi gió đông về để lả lơi (Hàn Mặc Tử)

Trong vườn xuân của Xuân Diệu, những « búp nhài mở nửa, hớp bóng trăng đầy miệng nhỏ xinh xinh ». Các nàng hoa nõn nà ấy đang mong đợi gió phong lưu, cả lá cũng « lim dim trên mấy ngọn bằng bằng, cành lả lả chờ ai đón đầy ». Một lát sau, chàng gió « lướt thướt kéo mình qua cỏ rối », « *nghe* tiếng thơm liền liệu đến tìm hương » :

Cánh du lang tha thướt phất qua tường
Ào công tử giải là vương não nuột.
Này hoa ngọc đã giật mình trắng muốt,
Thoảng tay tình gió vuốt bỗng lao đao.
Hương hiu hiu nên gió cũng ngọt ngào
Hôn nhẹ nhẹ mà đầu hoa nặng trĩu,.

Trăng là một cô ả tò mò hay ghé mắt nhòm qua cửa sổ buồng khuê, nhưng

cũng là bạn thâu yên của những kẻ lẻ loi chiếc bóng :

Gió tựa tường ngang, lưng gió phẳng,
Trăng nhòm cửa sổ, mất trăng vuông.
(Vô danh)

Gương nga trên nh trếch *đòm song* (N.Du)
— Vầng trăng ai sẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường
(N. Du)

— Anh đi đằng ấy xa xa,
Để em *ôm bóng trăng tà* năm canh.
(Ca dao)

Dưới đây là một đoạn trong bai « Nhạc sầu » của Huy Cận, một bai thơ có nhiều hình ảnh rất mới lạ :

Xe tang đi, xin đường cho gặp ghềnh !
Không gian ơi ! xin hẹp bớt mông mênh !
Ảo não quá trời buồi chiều vĩnh biệt !
Và ngươi nữa, tiếng gió buồn tha thiết,
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn.
Hàng cờ đen là bóng quạ chập chờn,
Báo tin xấu dẫn hồn người dã sế.

Sau cùng, ta hãy đọc bài thơ ngộ nghĩnh này của Thao Thao về Tết, trong

đó hoa thủy tiên, hoa cúc, hoa đào, cùng chiếc bánh trưng, tràng pháo, và cả đến các hình cung tên vẽ trên mặt đất, và mùa xuân nữa, đều nhờ thi sĩ mà hóa ra có linh hồn tư tưởng như người :

Thủy tiên ông trên mặt nước lập lờ,
Nhìn *nàng Cúc*, cảm nụ cười vàng nghệ.
Đào tiên cô thướt tha nhìn, e lệ,
Giải lưng điều trên lưng *Bánh trai lơ*

* * *

Ừ ! Tết nhỉ ! Thằng *Pháo* vỗ tay reo.
Các *Cung*, *tên* như dương lên một loạt,
Ma quỷ nom hoảng hồn bay siêu đạt.
Chúa xuân về, sắc vàng dịu vô theo.

Thao Thao (theo « Trăm hoa »)

III

Nhiều khi đến cả các « trừu tượng » cũng được đem ra « nhân cách hóa » nữa.

Trong văn-chương, không những động vật và các vật vô-tri vô-giác, ma cả đến các trừu-tượng nữa cũng được nhà văn đem ra « nhân-cách hóa » :

« Bại trận » dưới ngọn bút của V. Hugo là một vị nữ-thần, hễ biện lên là làm cho các đạo quân dẫu dũng cảm đến đâu cũng phải kinh-hồn hoảng vía. Trong tập thơ « Les Châtiments », thi-sĩ tả-trận Waterloo, nơi mà hoàng-đế Nã-phá-Luân trong một ngày đã tnôn vùi cả một đời đầy chiến-công rực rỡ, để rồi sẽ bước

lên đường biệt xứ đến tận đảo Ste Hélène. Lúc tình thế nguy kịch đến cực điểm, hoàng-đế phải cho đạo vệ binh ra tiếp chiến, nhưng những đoàn quân anh hùng ấy cũng đều lần lượt bỏ thây nơi chiến địa. Trong khi sự chán nản đã nhóm nầy trong lòng quân sĩ, thì bỗng nhiên thần « Bại-Trận », sắc mặt tái xanh, bộ dạng hoảng hốt, hiện lên giữa quân đội, cất cao giọng tuyệt-vọng và đau đớn, thét lên mấy tiếng kêu ghê gớm : « Chạy trốn đi thôi ! ». Thế là những người lính dũng cảm, ngày trước đã làm cho tất cả hoàn cầu phải khiếp đởm, bây giờ khóc lóc, kêu gào, quẳng cả mũ, ném cả áo tơi, súng đạn, lăn cả xuống hố, chạy bừa qua đồng ruộng, chỉ cốt sao tránh được những lưỡi gươm của quân Thổ, và trận mưa đạn rào rào bay tứ phía...

Tuổi già dưới mắt Fénelon cũng là một ông thần ghê gớm cứ đuổi theo ta hoài, khiến cho má ta răn, tóc ta bạc, lưng ta còng, chân tay ta rời rã, để « làm cạn cả cái nguồn vui sướng

trong lòng ta ». Tác-giả : « Les aventures de Télémaque » nói : « Cái thời ấy con tưởng nó còn xa, than ôi ! con nhầm rồi, con ạ ! *Nó sồng sộc chạy tới đây này*, kia, nó đã đến nơi rồi. (Ce temps te paraît éloigné, hélas ! tu te trompes, mon fils ; il se hâte ; le voilà qui arrive) Thật giống như câu của ta : *Cái già sồng sộc* nó thì theo sau.

« Tình ái » với Xuân Diệu là một người chuốc chén rượu say sưa cho những cặp uyên ương :

Em có nhớ một buổi chiều yên tịnh
Chúng ta chìm trong một bể ái ân,
Chúng ta say trong chén rượu tuyệt trần,
Mà tình ái rót đầy dâng ban mới...

Boileau kể chuyện một người muốn trốn nỗi đau thương, đi ngựa chơi cho khuây khỏa. Nhưng cũng không được : « Cái buồn rầu nó cũng chèo lên ngựa, ngồi đằng sau người nọ, và cũng phi ngựa đi với bắn. (Le chagrin monte en croupe et galope avec lui). Voltaire viết : « Hình phạt bao giờ cũng đi theo tội lỗi

cứ thong thả mà đi tới » (La peine suit toujours le crime, et arrive à pas lents)

Dưới đây là mấy câu tương tự trong văn ta :

Cái khó theo nhau mãi mãi thôi
Có ai hay chỉ một mình tôi.

(Từ-điển-Đồng)

— Mối tình muốn rứt càng thêm bận,
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi

(Đực Tôn)

— *Chiêm bao lần quất bên mình năm canh* (ca-dao).

Nhà văn Pháp không những nói : « Ánh giăng *nằm ngủ* trên đám cỏ (La clarté de la lune *dormait* sur les gazons : Chateaubriand. cf : nửa đêm về sáng *trăng nằm* ngọn tre), mà lại còn viết : « Tôi yêu những khu rừng đen tối, mà ở nơi ấy, *sự im lặng ngủ yên* trên nấm nhung của những đám rêu (j'aime les forêts ténébreuses où le silence dort sur le velours des mousses — V. Hugo).

Nhà văn Việt-Nam cũng không kém táo bạo trong khi dùng chữ :

Ai *đong* làm sao được sầu mà cụ Ng.

Ấu viết :

Xu đong càng lắc càng đầy...

Hay như những câu này nữa :

Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết,

Râu ria đâm mãi cái già ra

— Tối ba mươi, nợ hỏi tít mù, *co cẳng đạp thẳng cẳng ra cửa.*

Sáng mồng một rượu say túy lúy, *giơ tay bồng ông Phúc vào nhà* (Ng. công Trứ)

V

Từ lối « thậm-xưng » đến cách trào-phúng bằng lối « ngoa-ngữ » trong văn chương

Lối « thậm xưng » (l'hyperbole) là cách dùng những chữ quá sự thực để làm tôn cái ý-tưởng mình muốn diễn đạt, và khiến cho câu văn thêm mạnh mẽ bóng-bẩy. Kẻ si-tình của Victor Hugo tự ví mình như một con dun khốn nạn dám mê một vì sao (Misérable ver de terre amoureux d'une étoile — cf : Dun đâu lại dám vắt ngang mình rồng), đã dùng cùng một lối trong mỹ-từ-pháp với cụ Nguyễn Du, khi tác-giả truyện Kiều viết : « Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng ? » Những tỷ dụ về lối « thậm xưng » rất nhiều trong văn chương Pháp và Việt Nam, Dưới đây là ít câu lấy trong văn ta, thỉnh-thoảng chúng tôi lại đem đối chiếu

với những câu tương-tự trong văn Pháp

Ruột tầm *đòi đoạn như tơ rối bời* (Kiều

Gan ruột như *dầu sục sục sôi*

(Thượng-tân-Thị)

Tin đâu *sét đánh lưng trời* (Kiều) cf : Il resta anéanti, comme *frappé de la foudre*

(E. Zola)

Nhớ ai bồi-hồi bồi-hồi, *như đứng đống lửa như ngồi đống rơm*. (Ca-dao) Cf : Elle était comme *sur des charbons ardents en attendant le retour de Paul* (Alexandre Dumas)

Hai hàng nước mắt *đầm đầm như mưa* (Ca-dao) cf : Je versais *des torrents de larmes* (Rousseau).

Cái nóng nung người nóng nóng ghê

(Vô-danh)

Thiên địa vi lô (Trời đất như lò lửa).

(Mao-Định-Chi ?)

Cf : Il faisait *une chaleur de fournaise*.

Maupassant

— Ngổn ngang *trăm mối* bên lòng (Kiều)

Cf : Elle était agitée *de mille pensées*

(A. Theuriet)

Người Pháp dùng lối « thậm xưng »

không ngoài một mục đích về văn chương là làm thế nào diễn tả được hết những cảm giác mà nhà văn muốn truyền lan cho độc giả. Tiểu thuyết « Les Misérables » và tập thơ : « Les Châtiments » của Victor Hugo đều có đoạn tả trận Waterloo, một trận ghê-gớm khủng khiếp. Có lúc cả một liên đoàn kỵ-binh — « *Những người khổng-lồ ngồi trên mình những con ngựa khổng-lồ* » — phóng như bay lên tới đỉnh một ngọn đồi, thì bỗng nhiên một cái hố sâu thăm-thẳm hiện ra chắn ngang đường. Kìm lại không kịp nữa. Thế là hàng nọ đẩy hàng kia, ngựa nhảy chồm lên, trượt chân ngã xuống, giơ bốn vó lên giời, « *chân nện như giã giò trên mình những kỵ binh* » người và ngựa lăn xuống lộn sộn đè lên nhau *nghiến nát lẫn nhau* » và trong cái « *vực* » ấy, bây giờ chỉ còn là một đống thịt vụn mà thôi (Les Misérables)

...Rồi sau bởi một sự rủi-ro lạ lùng, quân Pháp bị đè bẹp, bãi chiến-trường biến thành « *một cái vực sâu, lửa đỏ rực như trong một cái lò* », « *Cả từng liên*

đoàn một ngã gục xuống, chẳng khác gì những bức tường sụp đổ». Cờ rách tả tơi bay trước gió, kẻ bị thương kêu la ầm trời. Tình thế nguy kịch đến cực điểm. Hoàng-Đế Nã-phá-Luân buộc lòng phải cho ra trận đạo-vệ-binh, đạo quân tinh-nhuệ và trung thành nhất của ngài. Biết mình sẽ chết, những người lính anh dũng ấy đồng thanh hô to : « Hoàng-Đế vạn tuế ! », rồi, tuốt rong kèn thổi *ê bình tĩnh thản nhiên, và vẫn mỉm cười dưới trận mưa đạn*», đạo vệ binh từ từ tiến ra trận địa... (Les Châtiments)

Trong những đoạn trên, tác giả nhờ có lối « thêm xương » mà tả được hết cái khốc liệt của trận ghê gớm ấy, và để ca tụng lòng can-đảm, tới hi-sinh của đoàn quân dũng-cảm đã vui vẻ ung-dung tiến vào cõi chết. Những nhà văn tả thực thường ưa dùng lối đó. Nhưng nhiều khi họ đã vượt qua giới hạn, như Baudelaire trong bài thơ tả cái thây người đàn bà nằm trên bàn đá trong nhà sắc. Trên phiến-đá lạnh-lẽo, tử thi nằm sóng sượt, thân thể lõa-lồ, đôi mắt to vẫn

còn mở, da thịt tím-bầm ; sác để đã lâu va « bây giờ đã có mùi hôi thối » Thi-sĩ bảo :

« Các bạn hãy lấy tay bịt mũi, nhưng cứ thử ngắm nhìn xem : tuy sác đã sắp rữa, mà người đàn bà ấy trông hãy còn xinh đẹp. Nằm trên bàn với một bộ điện dâm dật và điên-rồ, *nàng đợi con rời là kẻ tình nhân cuối cùng của nàng*.

Hỡi anh sinh-viên trường thuốc, anh hãy lấy dao mà sẻo thịt đến tận sương tận tủy, anh hãy mổ bụng để phơi ruột gan người chết ra ánh sáng, anh hãy đẽo thịt ở lưng, sả thây người đàn bà ra từng mảnh, làm sao cho thật biết kẻ lúc sinh thời có tiếng là một mỹ-nhân Và đến khi chúng ta chỉ còn lại một đống thịt nát, những mảnh một cái sác đã nhũn nhùn nhùn, *ta sẽ quẳng nàng như ném thây một con chó già*, vào một cái hố rộng, để cho nàng nằm yên ở đó ».

— Nhiều khi người ta đã vượt qua lối « thậm xưng » mà đi đến chỗ « ngoa ngữ » như trong những câu nói sau này của dân thành Sybaris, có tiếng là nhu nhược

và ưa khêu dại lạc. Một người kêu rằng không thể trông thấy một tên nô lệ bỏ củi mà mồ hôi không chảy giòng giòng trên trán. Một người khác — tên là Smiride — có lần phàn nàn cả đêm không chợp được mắt, vì trong đám lá hồng giải lên giường nằm làm đệm, đã có một cái gập làm đôi!

Người Việt Nam lại còn đi xa hơn thế. Họ thường nói những việc xa hẳn sự thực, có khi vô lý nữa, để hài hước hay châm biếm một cách sâu sắc và có duyên. Chúng ta lạc vào một thế giới hoạt kê, trong đó toàn là những nhân vật khôi hài, hình dáng nực cười, cử chỉ lố lăng, như trên các bức tranh hoạt họa của màn bạc. Trong ca-dao, cô ả nọ dẹp làm sao « ba mươi sáu tỉnh đều », hình dong yểu điệu mỹ miều, tưởng chừng như mỹ nhân đông tây ít ai là người sánh kịp. Ta hãy lắng tai nghe nhà văn trêo phúng vô danh ca tụng sắc « khuynh thành » của nàng « Tây thi » ấy:

Cô gái Sơn Tây gẩm thủng bằng giần,

Răng đen hạt nhót chân đi cũ vèo.
Tóc rễ tre trải lược bờ cào,
Sù sì da cóc hẻ lào tứ lung.
Trên đầu chấy rận như xung.
Rốn lồi quả quít má hồng chôn niêu.
Cô tưởng mình cô ái ố mỹ miều
Chồng con chẳng lấy để liều thân ru ?
Hai nách cô thơm như ổ chuột chù,
Mồi thì dận nhấm lại gù lưng tôm.

Bức tranh « tố nữ » ấy chưa được đầy đủ, nếu thiếu mấy câu sau này :

Trứng rận bằng quả nhãn lồng,
Miệng cười tủm tỉm như sông Ngân hà.
Con rận bằng con ba-ba.
Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh.
Hàng xóm vác gậy đi rình.

Hóa ra con rận đẹp nòng mình bỏ ra.

Người đã đẹp mà lại nết na, nết ăn, nết làm, trỏng đến con mắt khuê các cũng để mấy người ăn đứt :

Bánh dúo cô *nếm hết nồi ba,*
Mía re *tráng miệng hết và trăm cây,*
Giã gạo *vừa chấm đầu chầy,*
Xay thóc *cả ngày được một đấu ba.*

Đêm nằm nghĩ hết gần xa,
Dở mình một cái gẫy bầy mươi ba cái thang giường

Cô ả tuy thế mà biết đâu lại chẳng được chồng yêu, chồng quý, chồng thờ, vì ái tình có nhiều sự lạ lùng không ai biểu được. Làm sao cắt nghĩa được tình yêu ? Vì vậycho nên :

Những người mà đỏ hồng hồng.
Răng đen nhưng nhức thì chồng chẳng yêu,
Những người mặt nho như niêu.
Cái răng khấp khểnh chồng yêu lạ lùng.

Còn những người xấu hơn thế nữa mà cũng được chồng yêu mới la :

Lỗ mũi em những *tám gánh lông*
Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho
Đêm nằm thì ngáy o, o,
Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.
Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.
Trên đầu những rác cùng rơm,

Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu.

Đức ông chồng ấy chắc cũng phải là hạng :

Vai u thịt bắp mỡ hôi dầu,
Lông nách một nạm, chè tầu một hơi.

Đọc những vần thơ hoạt kê trên kia tả nhan sắc vị mỹ-nhân có cái « miệng cười tủm tỉm như sông Ngân Hà » ấy, ta không thể không nhớ đến những câu thơ di đốm đến bây giờ hãy còn truyền tụng, mà ngày xưa hai anh em nhà họ Tô làm ra để hí lộng lẫn nhau. Tô tiểu muội diễu bô ria quá dậm của anh, bảo nếu không nghe thấy tiếng nói tận trong chòm râu phát ra thì khó mà tìm thấy được miệng của chàng đâu. Tô đông Pha cũng đùa lại cô em có cái trán đồ sộ quá đến nỗi — thi sĩ bảo — khi nàng mới ra khỏi sân ngoài độ ba bốn bước, thì trán nàng đã đi tới tận hiên sau !

Dinh ngộ và tao nhã thay nhời Tô-tiểu muội nhạo cái cằm dài Hê-thê của ông anh :

Tương tư giọt lệ sa năm ngoái.

Nay hãy còn chưa chầy tới cằm.

Tô Đông Pha cũng điếu lại đôi mất sâu của Tô tiểu muội:

Bao lần lau mắt sâu khôn tới
Lưu lại hai giòng suối nước trong.

(Khái Hưng dịch)

Trong ca dao, người ta lại còn dùng lối «ngoa ngữ» để nhạo những cô «gái già» đồng đảnh làm cao, lúc nào cũng ỏn ẻn: «Em đây không muốn lấy chồng mồm luôn luôn mía đàn ông răng chỉ ba đồng một mớ.

Không biết ai đã viết mấy câu thơ châm biếm độc ác này:

Cô gái nhà ai *tuổi chín nhăm*,
Đôi mà hom hem lại lẹm cằm.
Bố mẹ gả chồng còn chưa lấy:
«*Răng con thơ ấu chửa đầy trăm*».
Các bạn hãy nghe các cô ấy thách cưới:
Cưới em mười tấm gấm đào,
Một trăm hòn ngọc, hai mươi tấm
ông sao trên trời,
Cưới em tấm vạn trâu bò,
Bảy vạn dê lợn, chín vò rượu tăm,
Lá đa mặt nguyệt hôm rằm.

Răng mạnh thắng cuội, rân cắm thiên lôi,
Gan ruồi mỡ muỗi cho tươi.
Xin chàng đủ chín mươi con dơi hóa chồng.

Thách như thế, nghĩa là nói cho anh chàng biết một cách gián tiếp rằng ái-tình anh ta vô hy-vọng, cũng như cô à nọ bảo người yêu mình phải chờ cho đến lúc « đá mọc mầm, sung có nụ, chuối có cánh, hành có hoa, trạch đẻ ngọn đa, sao đẻ dưới nước » thì mới lấy được nhau. Đồng đảnh như vậy chỉ sợ đến lúc « răng không còn » nữa, lại « chồng mông » mà gào :

Những có khó tính lấy biết đâu sau này chẳng lại quét cái bạng : « Gái chính chuyên lấy được chín chồng,
Vẻ viên bỏ lọ gánh gồng đi chơi,
Không ngờ quang đứt lọ rơi,
Bỏ ra lồm ngồm chín nơi chín chồng.
Thế cũng chưa bằng cái cô :
Trăm năm trăm tuổi trăm chồng,
Hễ ai có bạc thì bồng trên tay.
Trăm năm trăm tuổi trăm chồng,

Đẹp duyên thì lấy, chẳng ông Tơ hồng nào se :

Thật là :

Gái đâu có gái lạ đời,
Chỉ còn thiếu một ông giời không chim

Hay có khi già kén kẹn bom, để đến nỗi vô « duyên vô phúc, múc phải anh chồng già, ra đường người hỏi rằng cha hay chồng ? » Vì :

Còn duyên kén những giai tơ
Hết duyên ông lão cũng vơ làm chồng
Còn duyên kéu cá chọn canh
Hết duyên củ ráy dưa hành cũng chôi
Trái lại có những người vì cảnh nghèo mà không ai vời đến :

Hôm qua anh đến chơi nhà
Thấy mẹ vét chảo thấy cha vét nồi,
Thấy em đựa cột liếm môi
Anh ngỡ con chó anh lùi chân ra.

Cũng vì nghèo mà thiếu nữ kia phải lấy « thằng bé tí tỉ ti » để đến nỗi « má hồng bỏ quá thiệt đời xuân xanh ».

Bồng bồng *bế chồng đi chơi,*
Đi qua vũng nước đành rơi mất chồng.

Chị em ơi ! cho tôi mượn cái gầu sòng
Để tôi tát nước vớt chồng tôi lên.

Đây là một cô đi làm dâu, vụng dại quá chừng, không biết làm gì cả, đụng vào cái gì là hỏng cái ấy :

Quét một cái sân đánh chết ba con gà,
Quét một cái nhà đánh chết ba con chó.
Làm mâm giỗ họ miếng ra miếng vào,
Rửa bát cầu ao liếm đĩa quèn quẹt.

Không phải ca dao chỉ chế nhạo « phái yếu » mà thôi. Bọn đàn ông chúng ta cũng bị lối « ngoa ngữ » đem ra mai mỉa. Có anh chàng làm rể « *ăn hết mười một, mười hai vại cà* » Một anh khác chỉ có việc « *rửa bát quét nhà* » vợ gọi thì dạ : « *bẩm bà tôi đây*, và « *ăn cơm với vợ lại nài cậy niêu* ».

Trong những tỉ dụ ở trên, người ta đã vượt qua sự thực một cách quá đáng tỉ như những bức tranh đem phóng đại ra vài ba mươi lần. Dưới đây « ngoa ngữ » lại đưa đến những việc trái hẳn sự thực, hoàn toàn vô lý nữa :

Có một ông có bốn vợ đều bị chết trong những trường hợp lạ lùng và hài hước :

129

Một vợ rửa bát cầu ao,
Chẳng may gió cả rạt vào bụi tre.
Một vợ thì đi buôn bè,
Chẳng may gió cả nó đè xuống sông.
Một vợ thì đi buôn bông,
Chẳng may gió cả nó bồng lên cây.
Một vợ thì đi buôn mây,
Chẳng may gió cả nó bay lên giời.

Những sự trái ngược đầy rẫy trong bài này : ở đây người ta hình như chỉ « hài hước vì hài hước » :

Bao giờ cho đến tháng ba,
Ếch cưỡi cổ rắn tha ra ngoài đồng.
Hùm nằm cho lợn liếm lông,
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
Nằm sôi nuốt trẻ lên mười.
Con gà, be rượu nuốt người lao đao.
Lươn nằm cho trúm bỏ vào,
Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô.
Thóc giống cắn chuột trong bồ,
Một trăm lá mạ đuổi vờ con trâu.
Chim chích cắn cổ diều hâu,
Gà con tha quạ biết đâu mà tìm.
Bong bóng thì chìm gỗ lim thì nổi,
Đào ao bằng chổi, quét nhà bằng mai.

Hòn đá rẻo rai, hòn sôi rắn chắc.
Gan lợn thì đắng, bồ hôn thì bùi,
Hương hoa thì hôi, nhất thơm thì cứ.
Đàn ông to vú đàn bà rậm râu...
Và đây là nhời một anh nói ngông:
Ngồi buồn mang túi đựng giời.
Đan sề sầy đá, giết voi xem giò,
Ngồi buồn đem thước đi đo.
Đo từ núi Sở đo lên chùa thầy,
Lên trời đo gió đo mây,
Xuống sông đo nước, lại đây đo người,
Đo từ mười tám đôi mươi,
Đo được một người xinh thật là xinh.

VI

Nhạc điệu trong thơ

Nguồn gốc của nhạc trong thơ :
Âm-thanh và Tiết điệu

I

Âm Thanh

Nếu làm thơ chỉ cần biết tính đốt ngón tay đếm cho đủ chữ, và mọi ốc tìm vần đề hạ câu, thì hết thảy ai ai cũng thể là thi sĩ. Horace nhà đại thi hào La-Mã cho rằng chỉ đáng danh hiệu ấy những bực thiên tài, có một áng thông minh xuất chúng, « miệng nảy lên những lời văn trác tuyệt ».

Thi sĩ, những người mượn ngọn bút muôn màu của nàng Ly-Tao để đưa hồn ta đến tận bến Mơ, những nhạc công có cây đàn muôn điệu ca vẻ đẹp « vẻ đẹp » trầm đắm đuối hay ngây thơ, cũng như

vẻ đẹp cao siêu hùng tráng của non nước, của thi văn tư-tưởng », nếu không có một nghệ-thuật cao siêu thì sao sai khiến được lòng ta như thế? Không những họ trấn áp được lý-trí của ta, tri của ta, mà cả đến tri tuệ, tình tình, cùng thân thể ta nữa, cũng bị họ chiếm đoạt, như nhời Hippolyte Taine đã nói : « Tình tình, họ nhập vào thần kinh ta, họ đối với ta như có cái thần lực của một bực tiên tri ». Đó phải chăng là vì những thi sĩ có tài đã biết truyền lan được hết cái rung động của mình cho người đọc, bằng sự huyền diệu của mầu và của tiếng, của hình ảnh, và nhạc điệu âm thanh ?

Thơ túc là nhạc điệu. Thiếu nhạc điệu, thơ chỉ là một thứ văn suôi trá hình, cũng như không hương không sắc, hoa nào còn gọi là hoa ? Tại làm sao lý-trí tuy mịt mù trước một bài thơ bí hiểm của P. Valéry, tâm hồn ta cũng có thể khoan khoái như khi nghe một khúc nhạc du dương ? Tại làm sao không hiểu được một bài thơ chữ hán,

tôi cũng có thể rung động khi thấy ngâm bên tai mấy vần trác luyện của Lý thái Bạch hay Tô đông Pha ?

Cô tô thành ngoại Hàn Sơn Tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Hai câu Đường thi bất hủ ấy tôi được nghe thấy ngâm ngợi từ thủa nhỏ, và tuy hồi ấy, tôi không biết qua một chữ nhe, ký ức tôi cũng ghi chép ngay một cách rất dễ dàng : đó há chẳng do kết quả lạ-lùng của âm hưởng trong thơ ? Nhờ sự hòa hợp âm thanh và vần điệu, nhời thơ nhịp-nhàng thánh-thót bên tai ta, thanh hưởng và nhạc điệu vang động và thấm nhuần đến tận đáy lòng ta, ta rung động vô tình tức khắc, tuy lý-trí nhiều khi chưa thông hiểu được hết nghĩa câu thơ.

« Trước hết cần phải có nhạc điệu đã ! » De la musique avant toutes choses (Verlaine) Quan-niệm về phái « tượng trưng » (les Symboliste) bên Pháp chính là quan niệm của các nhà văn trong « Xuân thu nhã tập » bây giờ. — Tôi nói quan niệm của họ thôi, chứ họ có thành

công hay không, đó lại là việc khác — Thơ cầnphải có nhạc điệu, nhưng sách nào dạy phương pháp tạo nên nhạc điệu trong thơ, cũng như sách nào dạy được ta trở nên một thi sĩ có tài ? Đấy là một việc thuộc về thiên tư : Thơ Virgille nhiều âm hưởng hơn thơ Lucrèce, thơ Racine êm ái hơn thơ Corneille, thơ Lamartine du dương hơn thơ Victor Hugo. Về phương diện đó, trong văn ta không ai bằng cụ Nguyễn Du :

Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
— Gương nga chếch bóng dòm song
Vàng reo đầy nước cây lồng bóng sân
Hải đường lả ngọn đông lâm,
Giọt sương deo nặng cành xuân la đà.
— Một vùng cỏ áy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và bông lau.

Những câu thơ êm ái vào bực nhất trong thi ca Việt Nam ấy có thể đề ngang hàng với những vần thơ du dương nhất thế giới. Hỡi ai ai mang một khối óc thi nhân, hãy để tâm hồn rộng mở, đón làn sóng thơ rồn rập tới tự phương.

trời Nhạc điệu. Hãy lắng tai nghe nàng Kiều dặn em trước khi ly biệt : một mối sầu êm dịu thấm vào tận lòng ta. Dường như phảng phất đâu đây, giữa làn khói tỏa, hồn người thiếu phụ, : « khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan » :

Mai sau dầu có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về
Hồn còn mang nặng lời thề.
Nát thân, bồ liễu đền nghi trúc mai.
Dạ đài cách mặt khuất lời,
Vầy xin chén nước cho người thác oan
Bây giờ trâm gẫy bình tan,
Kể làm sao siết muôn vàn ái ân.
Trăm nghìn gửi lạy tình quân,
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.

Ảo não và êm đềm thay mấy câu thơ tả nỗi đau đớn người chinh phụ lúc tiễn đưa chồng :

Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non..
Đưa chàng lòng dượi dượi buồn,
Bộ khôn bằng ngựa thủy khôn bằng thuyền

Nước có chầy mà phiền chẳng tả,
Có cỏ thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước dây dây lại dừng.

(Chinh phụ ngâm)

Ta phải tự hào rằng tiếng Việt-nam là một thứ tiếng chứa rất nhiều âm hưởng và đủ năng lực diễn tả được tất cả những tình cảm phức tạp trong lòng người. Nhưng bên cạnh những bực đại thi hào ấy, có biết bao nhiêu « thợ thơ » đáng thương hại, làm hổ mặt nàng Ly-Tao bằng những câu văn không có mảy may nghệ thuật, đến nỗi nhiều lần tôi đã phải chau mày tự hỏi: Hồn thơ Việt-nam đã đến ngày tiêu diệt rồi chăng?

May thay phong trào thơ mới đã sản xuất ra nhiều thi sĩ có tài: Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu trọng Lư, Huy Cận v.v... đã viết nên nhiều bài thơ đầy nhạc điệu. Như bài « tiếng thu » dưới đây thật là một áng văn đặc sắc. Đọc lên ta cảm thấy một thứ âm hưởng nhẹ nhàng thanh thoát. Từ trước đến nay các nhà thơ đua nhau khóc mùa thu: mỗi khi lá

vàng rụng úa, bức « khăn hồng » của những thi sĩ đa sầu lại tầm tã « giọt lệ thu ». Họ thi nhau tả cảnh giời thu ảm-đam, hơi may lạnh lùng, nhưng chưa ai như Lưu trọng Lư cho ta nghe tiếng mùa thu thổn thức, lá thu kêu sào sạc, cùng tiếng con nai vàng đạp trên lá vàng khô :

MÙA THU

Em không nghe mùa thu,
Dưới trăng mờ thổn thức ?
Em không nghe rạo rực,
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ ?
Em không nghe rừng thu.
Lá thu kêu sao sạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô ?

(Lưu Trọng Lư)

Bài thơ này nhắc ta nhớ đến « Bài ca mùa thu » (Chanson d'automne) của Verlaine : cũng như Lưu trọng Lư, thi sĩ Pháp chỉ ghi chép những cảm giác về thinh-quan : nào là tiếng đàn bị ai, tiếng chuông

đồng hồ, và cả tiếng lá vàng vi vu bay theo chiều gió.

Chanson d'automne — Bài ca mùa thu

Les sanglots longs	Đàn ai bi ai
Des violons	Réo rắt bên tai
De l'automne	Những buổi ngày thu
Blessent mon cœur	Ta buồn ủ rũ,
D'une langueur	Hồn trí đê mê
Monotone.	Tinh ta tái tê,
⁂	⁂
Tout suffocant	Chuông giờ vắng lặng
Et blême quand	Bốn bề im lặng
Sonne l'heure,	Cảnh vật buồn tênh
Je me souviens	Nhớ lại ngày xanh
Des jours anciens	Tàm sự tơi bời
Et je pleure	Hạt lệ tuôn rơi.
⁂	⁂
Et je m'en vais	Rồi ta ra đi
Au vent mauvais	Theo gió vu vi
Qui m'emporte	Mặc theo chiều gió
De çà de là	Chẳng nề đây đó
Pareil à la	Trước gió vật vờ

Feuille morte, Tựa chiếc lá khô

Verlaine Bạch lương Ngọc dịch

Về âm hưởng, bài « la pluie » của P. Verlaine cũng là một công trình kiệt-tác : nhờ thơ êm đềm lưu xướng (fluide) thi sĩ đã đạt được mục đích của mình là làm được nhạc điệu trong thơ

La pluie **Giời mưa**

Il pleure dans mon cœur Trời mưa trong lòng tôi
Comme il pleut sur la ville. Như mưa ngoài đường phố
Quelle est cette lan-gueur Cái buồn chi giết người
Qui pénètre mon cœur ? Nó thấm vào lòng tôi ?
O doux bruit de la pluie Lách tách tiếng mưa rơi
Par terre et sur les toits ! Trên nóc nhà dưới đất
Pour un cœur qui s'en nuie, Đối với lòng ngậm ngùi

O le chant de la pluie !

Buồn ! ôi tiếng mưa rơi !

* * *

Il pleure sans raison
Dans ce cœur qui s'écœure.
Quoi ? Nulle trahison

Trời mưa vô cớ
Thánh thót trong lòng đau.
Quái ! đau vì sao chớ ?

Ce deuil est sans raison.

Buồn này thật vô cớ

* * *

C'est bien la pire peine
De ne savoir pourquoi
Sans amour et sans haine
Mon cœur a tant de peine

Nghĩ cứ buồn rầu hoài
Vì không hiểu sao thế
Không yêu không ghét ai
Mà lòng tôi đau hoài

P. Verlaine

Lê văn Hoè dịch (Thi thoại)

Đọc bài thơ trên ta nhận thấy điều này : câu đầu và câu cuối trong mỗi tiết (strophe) đều cùng hạ vần bằng một chữ

như nhau : cœur,.. cœur pluie... pluie, raison.., raison. peine... peine. Sự lắp lại chữ ấy có phải như tả được nỗi buồn rầu vô cớ ứ ám ảnh thi nhân hoài, muốn sua đuổi đi mà không được. Huy Cận trong bài « Buồn đêm mưa » dưới đây cũng dùng gần như cùng một lối : ta thấy rất nhiều tiếng tự ghép lập thành do một tiếng lắp lại như : nặng nặng, buồn buồn, diu dịu, rời rạc, lẻ loi, liu bắt, v.v.. và những tiếng để liền nhau cùng bắt đầu bằng một chữ, như : nước nước, rơi rơi, bốn bề, v.v.. Cách ấy khiến ta cảm được hết sự trăn nản tràn ngập tâm hồn tác giả những khi mưa cứ đều đều và thánh thót từng giọt một trong lòng thi sĩ.

BUỒN ĐÊM MƯA

Đêm mưa làm nhớ không gian
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la.
Tai *nương nước* giọt mái nhà,
Nghe trời *nặng nặng* nghe ta *buồn buồn*,
Nghe đi *rời rạc* trong hồn,
Những đêm xa vắng dặm mòn *lẻ loi*...

Rơi rơi... diu dịu, rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nối lời *vu vơ...*
Tương tư hướng lạc, phương mờ.
Trời nghiêng gối mộng *hững hờ* nằm nghe.

Gió về, lòng rộng không che,
Hơi may *hiu hắt bốn bề tâm tư...*
(Huy Cận)

Ta lại còn thấy rằng Huy Cận đã dùng lối « nghĩ âm hòa điệu » (harmonie imitative) : *rơi rơi,.. diu dịu rơi rơi.,.* có phải như nghe được tiếng những giọt sương đều đều tí tách bên thềm: Đọc bài ấy, ta không thể không nhớ đến bài « Sương rơi » của Nguyễn Vỹ viết theo một tiết điệu mới lạ. Những câu thơ chỉ có hai tiếng ấy thánh thót bên tai ta như những giọt sương đã rơi vào lòng thi sĩ để « thành một vết thương »

SƯƠNG RƠI...
Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu

Nhưng hơi
Gió bấc
Lạnh lùng
Miu hắt
Thấm vào
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương.

Rời bạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng,
Tả tơi
Em ơi!
Từng giọt
Thánh thót,
Từng giọt
Điêu tàn
Trên nấm
Mồ hoang!

Rơi sương
Cành dương
Liễu ngả
Gió mưa
Tơi tả
Từng giọt,
Thánh thót,
Từng giọt,
Tơi bời,
Mưa rơi
Gió rơi,
Lá rơi,
Em ơi!..

— Ông Đoàn phú Tứ, trong báo Thanh-nghị (ngày 1er Juillet 1942) đã bầy tỏ rằng trong tiếng nói Việt-nam, một số gần nửa đã được kết tạo theo định luật rất rõ rệt này « Âm thanh vốn có năng lực

diễn tả tình ý» Thật thế, những câu sau này cho ta thấy rằng điều nhận xét ấy rất đúng. Ta nói:

Lời *bi bõm*, bò *lồm-ngồm*, chạo đi *thất-thểu*, tiếng nói *oang-oang*, giọng *ỏn ẻn*, dáng đi *uốn ẹo*, con đường *gồ-ghề*, cái răng *khấp khểnh*, nói *lúng búng*, gồng gánh *lồng cồng*, đồ đạc *ổng-chổng*, má *phinh phính*, mắt *húp híp*, ngã *xóng xoải*, nằm *sóng soạt*, mềm *oặt* mềm *ẹo* v.v.

A. de Piris bên Pháp trong quyển « Harmonie imitative de la langue française » cũng biện chứng rằng tiếng Pháp có năng lực tượng thanh và tượng hình rất lạ lùng. Theo tác giả không có tiếng gì mà không miêu tả được bằng âm thanh. Đây là tiếng rắn phun:

Pour qui *sont ces serpents* qui *sifflent sur* vos têtes. (Racine).

Tiếng thác chảy trong một bài văn của Chateaubriand:

On entendait les sourds mugissements de la cataracte du Niagara qui se prolongeaient de désert en désert et se perdaient à travers les forêts solitaires.

La Fontaine và Nguyễn Du đã dùng cùng một lối để tả cái xe ngựa khó nhọc, nặng-nề tiến trên con đường gồ ghề, khúc khuỷu :

..Le coche arrive *au haut.*

Vó câu *khấp khểnh*, bánh xe *gập ghềnh.*

Hai câu sau này cho ta nghe tiếng một cái xe đang tung bụi ầm ầm chạy như bay :

Đùng đùng gió *dục* mây *vần*
Một xe trong cõi *hồng trần* như bay (Kiều)

Và sau cùng, đây là tiếng gáy buổi sớm của chim sơn ca ;

La gentille alouette avec son *tire-lire, Tire l'ire* à *l'iré*, et *tire-lirant tire vers* la *voûte* du *ciel* : puis *son vol vers* ce lieu *Vire* et *désire dire : Adieu, Dieu, adieu, Dieu.*

Lối « nghĩ âm khỏa điệu » hẳng tượng thanh chỉ là một cái tiểu sảo trong văn chương. *Nhạc điệu thường tạo nên do cách khéo lựa chọn âm thanh và tiết điệu.*

Thi sĩ Pháp thường dùng những âm thanh êm ái để tả những cảm tình êm-dịu, và những âm thanh khúc khuỷu,

nặng nề, để hình dung những cái gì nặng nề, khúc khuỷu.

Bài « Sur la Rivière des Parfums » tôi trích dưới đây, là một bản đàn du dương réo rắt, buồn như tiếng cầm thánh thót trên sông Hương dưới bóng trăng mờ, một đêm thu lạnh. Trong bao nhiêu lâu, người người ta vẫn yên chí đó là tác phẩm của phế đế Duy Tân, nhưng ông Trần thanh Mại trong quyển « Đời văn » đã « trả lại cho César cái gì của César » : bằng những chứng cớ xác thực, ông đã bảy tỏ ra rằng tác giả của nó là ông H. Guibier, một thi sĩ ở Huế.

Cái âm nhạc réo rắt của bài thơ có giá trị này, một phần lớn do cách dùng chữ điêu luyện và do « tiết điệu » mà ra, nhưng cũng do cách khéo lựa chọn âm-thanh : những nguyên-âm (voyelles) i, e, và nhất là những e « câm » để ở cuối chữ khiến cho câu văn êm ả một cách lạ thường.

Sur la Rivière des Parfums

Du soir la tiédeur alanguie

Berce mon âme en sa douleur.
Du fleuve la course alentie
Berce la barque avec douceur.

La barque obéit, endormie,
Aux coups réguliers du rameur.
Mon âme tressaille, meurtrie,
Aux coups de la vie dans mon cœur.

Et mon âme vogue, alanguie,
Au rythme alenti de mon cœur.
Et la barque vogue, alentie,
Au rythme alangui du rameur.

La lune paraît, très pâlie,
Dans sa maladie de langueur,
Et répand sa mélancolie
Sur la nature et dans mon cœur.

Mon âme dans sa mélancolie
Berce doucement sa douleur.
La barque en sa course alentie
Berce mon âme en sa langueur.

Henri Guibier

Trên sông Hương

Hơi gió hiu hiu của ban đêm,

Ru hồn ta trong cơn tê tái.
Nước sông Hương lặng lẽ êm đềm
Ru chiếc thuyền ta trôi êm ái.

Thuyền ta thiu thiu ngủ, lênh đênh,
Theo dịp mái chèo bơi êm ái,
Tâm hồn ta rầu rĩ buồn tênh,
Theo cơn sóng trần duyên tê tái.

Hồn ta bơi lướt qua buồn tênh,
Trên lớp sóng trần duyên tê tái.
Thuyền ta bơi lướt qua lênh đênh
Theo dịp mái chèo bơi êm ái.

Trăng soi trên đỉnh núi đầu ghềnh,
Nhợt như vết thương lòng tê tái,
Và trong cõi lòng ta mông mênh,
Trăng rủ một cơn buồn êm ái.

Tâm hồn ta rền rĩ buồn tênh,
Ru vết thương lòng ta êm ái
Thuyền ta trên mặt nước lênh đênh
Ru tâm hồn ta thêm tê tái.

Lệ Chi dịch

Vì đã thoát khỏi những khuôn phép trật trội và nghiêm khắc chói buộc tư tưởng, nên các nhà thơ hiện đại có thể chọn

được âm thanh để tả hình, tả tiếng. Họ đã biết dùng những tiếng mạnh mẽ để tả những « cảnh vĩ đại sóng nghiêng trời thác ngàu đổ », những tiếng nhẹ nhàng êm ái để vẽ « nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay ». (Thế-Lữ)

Người ta thường hay so sánh cách tả tiếng trong truyện Kiều và trong « Mấy vần thơ » của Thế Lữ. Nay đây tiếng đàn của nàng Kiều gẩy trước mặt chàng Kim Trọng :

Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như nước suối mới sa nửa vời
Tiếng khoan, như gió thoảng ngoài.
Tiếng mau sầm sập như giời đổ mưa. (1)

Thế Lữ cũng tả âm thanh, nhưng lạ lùng thay, ngòi bút tài tình của thi sĩ như vẽ cho ta « trông thấy » được tiếng

---

1) Ta hãy so sánh đoạn này với mấy câu trong « Tây Sương Ký » :

Nặng nghe hùng dũng lạ lùng
Rầm rầm gươm thét, ngựa xông trận ngoài.
Nhẹ nghe tan tác tơi bời
Âm thầm nước chảy, hoa trôi giữa dòng !

(Bản dịch của Nhượng Tống)

sáo khi lên khi xuống, khi theo con bạc trắng bay vút lên tận từng mây, khi uốn mình nhẩy múa trong không như người ngọc-nữ, lại khi là là trên ngọn cây bay lướt bên bờ suối :

Bên rừng thổi sáo một hai kim-đồng.
Tiếng đưa hiu hắt bên lòng,
Buồn ơi xa vắng mênh mông là buồn.
... Theo chim, tiếng sáo lên khơi
Lại theo giòng suối bên người tiên-nga.
Khi cao vút tận mây mờ,
Khi gần vắt vẻo bên bờ cây xanh.
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như ngọc nữ uốn mình trong không

(Tiếng sáo thiên thai)

« Tiếng sáo thiên thai » vừa dứt, lại nổi lên « tiếng trúc tuyệt vời » :

Tiếng địch thổi đâu đây
Cớ sao nghe réo-rắt ?
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt
Mây bay... gió quyến... mây bay.
Tiếng v...i v...út như khuyên van như
di...u dặt
Như h...ắt h...iu cùng h...ơi gi...ó
h...eo may.

(hãy chú ý đến cách dùng bốn tiếng bắt đầu bằng chữ H trong câu này)

(Tiếng trúc tuyệt vời)

— Một lần khác nàng Kiều lại đánh đàn, nhưng lần này tiếng đàn như chứa chất sự oán hờn cùng nỗi đắng cay đau đớn vì phải gẩy cho Hồ tôn Hiến nghe sau khi Từ Hải đã bị Hồ giết chết :

Một cung gió thảm mưa sầu
Bốn giây đồ máu nặm đầu ngón tay.
Ve kêu vượn hót nào tầy
Lọt tai Hồ cũng nhăn mày rơi châu !

Thế Lữ cũng tả tiếng đàn ảo não trên sông Hương, trong mấy vần thơ trác luyện :

Ta tưởng thấy bao nhiêu điều đau khổ
Với bao nỗi hờn đau trong vũ trụ
Như bẹn bò thu lại một đêm nay,
Đương nỉ non thánh thót ở trên g ây,
Theo mấy ngón đê mê nhà nghệ sĩ.
Ôi ! thuốc độc êm đềm, giọng đàn ủy mị,
Bởi vì đâu reo xuống mãi lòng ta,
Những giọt nồng cay tê-tái say sưa.

— Tiếng đàn réo rắt trong khúc « Tỳ bà » của Mộng Thu, một bài thơ êm ái

lạ lùng, đọc lên như thấy mát mẻ, êm dịu cả tâm hồn. Thi sĩ đã tìm được một nhạc điệu mới lạ bằng cách dùng rặt vần bằng trong suốt cả bài thơ :

LỲ BÀ

Nàng ơi ! tay đêm đương giăng mềm
Trăng đan qua cành muộn tơ êm.
Mày nhung phơi mầu thu trên trời
Sương tan phơi mầu thu muôn nơi.

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
Giây đàn yêu đương run trong mơ.
Hồn về trên môi kêu : Em ơi
Thuyền hồn không đi lên chơi vơi.

Tôi qua tim nàng vang du đương
Tôi mang lên lầu lên cung thương,
Tôi không bao giờ thôi yêu nàng
« Tình-tang » tôi nghe như tình lang.

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đàu tim Đào nguyên cho xa sôi
Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi.

Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu
Sao tôi không nàng kêu : Em yêu

Trăng này không nàng như trăng thiu
Đêm này không nàng như đêm hiu.

Buồn hiu cây đào vin hơi xuân
Buồn sang cây từng thăm Đông quân
Ô hay ! buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi ! Vàng rơi ! Thu mênh mông.

(MỘNG THU)

Trong « Thơ thơ », Xuân diệu cũng cho ta nghe tiếng « Nhị hồ » :

Trăng vừa đủ sáng để gây mơ,
Gió nhịp theo đêm không vội vàng,
Khí trời quanh tôi làm bằng tơ,
Khí trời quanh tôi làm bằng thơ.
... Điện ngả sang bài Mạnh lệ Quân
Thu gồm xa vắng tự muôn đời,
Sương nương theo trăng ngừng lưng
trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

— Và sau cùng, đây là tiếng tiêu ảo não của Thao Thao :

Trong cuốn « Thi nghệ », một quyển sách đã giúp tôi một ít tài liệu -viết chương này, ông Văn Hạc nói về những áng thơ hay, có trích bài « Tiêu Lang »

của Thao Thao, làm tỉ dụ. Đó, theo nhời tác giả, là một bài thơ có giá-trị, hay như một khúc tiêu vậy, vì chính nó là một khúc tiêu, một khúc tiêu không tiếng, một khúc tiêu bằng thơ. Thi sĩ, bằng những vần *u*, *ân* lắp đi lắp lại nhiều lần, cho ta nghe văng vẳng tiếng tiêu trong một bài thơ từ đầu đến cuối » :

TIÊU-LANG.

Khi còn Hồ *thu* nàng hát như *du*,
Như đầy người vào thế giới mịt *mù*,
Để mơ màng với trăng trong gió mát.
Thì tiếng tiêu của Tiêu-lang man mác,
Như hơi bay, như gió thoảng vi *vu*...

Nhưng Hồ *thu* mỏng manh kiếp phù-*du*,
Một chiều *thu* đã xa lìa cõi thế.
Và người yêu nhìn đầm đìa giọt lệ,
Ôm Hồ-*Thu* hồn vỗ cánh cao bay,
Theo Tử Thần lướt gió và đè mây...

Từ đấy Tiêu-Lang âm thầm sớm tối,
Ống tiêu theo cũng thờ ơ biếng thổi.
Vì thổi chi trong lúc thảm thê *sầu*,
Thà ôm đàn mà *rầu* rĩ canh *thâu*!

Nhưng đêm qua, Tiêu-Lang chợt rền rĩ,
Cố dặt dìu ngân nga và kể lể
Nỗi lòng đau chất chứa vắng Hồ-*Thu*
Tân canh còn văng vẳng tiếng vi-*vu*...

Nhưng bình minh thì Tiêu-Lang ngừng thổi,
Và lặng im, vì gần khi hấp hối
Chàng gượng đem tàn lực gửi trong tiêu...

(THAO THAO)

— La Foutaine dã dùng những chữ mạnh mẽ để tả sức mạnh một trận cuồng phong, rít lên những tiếng kêu ghê gớm :

... Se *gorge* de vapeurs, *Siffle* comme un *ballon*, Fait un *vacarme* de *démon*, *Siffle, souffle, tempête*,...

Trong đoạn sau này của Huy Thông, những âm thanh hùng tráng tả được hết cảnh hùng tráng của một trận bão ban đêm :

Có nhiều đêm tối đen như địa phủ
Sóng *dữ dội* như ma thiêng *kêu rú*
Đương khi, trong đám tối, chớp *bập bùng*

Và *giông gào*, và sấm sét *đùng đùng*. (1)
Hỡi sóng đêm hỗn độn *lỏi đình* quát
tháo
Cả vũ trụ như vùi trong trận bão...
(Sóng đêm)

Ai là người không thuộc những câu thơ của Thế Lữ kể đời oanh liệt của con hổ trong rừng xanh :

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thủa *tung hoành hống hách* những ngày
xưa.

Nhớ cõi sơn lâm bóng cả cây già
Với tiếng gió *gào* ngàn, với giọng nguồn
hét núi

Với khi *thét* khúc trường ca *dữ dội*
Ta bước chân lên *dõng dạc đường hoàng*.
(Nhớ rừng)

Nhời than của con hổ bị sa cơ nào có khác gì tiếng kêu đau đớn của Hạng Võ lúc đường cùng, trong bài « tiếng địch sông Ô » của Huy Thông. « Chưa bao giờ thi ca Việt-nam có những lời hùng tráng

---

(1) cf: Et la foudre en grondant roule dans l'étendue (St Lambert).

như thế... Hơi văn đến thế thực đã đến bực phi thường. Anh hùng ca của Victor Hugo tưởng cũng chỉ thế» : Hoài Thanh và Hoài Thanh (Thi nhân Việt-nam) :

Nén đau thương, vương ngậm ngùi sẽ kể
Niềm ngao ngán vô biên như trời bể...
Ôi ! tấm gan bền chặt như Thái-sơn,
Bao nhiêu thu cay đắng chẳng hề sờn !
Ôi ! những trận mạc khiến trời long đất lở !
Những chiến thắng tưng bừng ! những vinh quang rực rỡ
Ôi ! những võ công oanh liệt muốn sa trường !
Những buổi tung hoành, lăn lộn trong rừng thương !
Những tướng dũng bị đầu văng trước trận... !
Nhưng than ơi vận trời khi đã tận,
Sức « lay thành nhổ núi » mà làm chi !

(Tiếng địch sông Ô)

Chế Lan Viên trong tập « Điêu Tàn » cũng tìm được những lời hùng tráng bi ai để ca nỗi đau đớn oán hờn của dân Chàm bị tiêu diệt một cách thảm thương.

Thì sẽ dắt ta vào một thế giới rùng rợn, ở nơi ấy, một con yêu tinh đang :

.. « lấy ra một khớp xương rợn trắng
Nút bao giòng huyết đẫm khí tanh hôi,
Tìm những miếng trần gian trong tủy cạn
Rồi say sưa, vang cất tếng reo cười.

Ta theo tác giả đi thăm những « cảnh ngàn sâu cây lả ngọn, Muôn ma Hời sờ sọạng dắt nhau đi », hay những bãi chiến trường cũ, nơi xưa kia đôi bên giao trận :

Muôn cô hồn tử sĩ hét gầm vang.
Máu Chàm cuộn háng ngày niềm oán hận,
Xương Chàm rơi rào rạt nỗi căm hờn.

Và đây là những :

..tháp gầy mòn vì mong đợi
Những đền xưa đổ nát dưới Thời gian,
Những sông vắng lê mình trong bóng tối,
Những tượng Chàm lở lói ri-rên than.

11

Tiết điệu

Nhưng nhạc-điệu tạo nên không phải chỉ bởi sự khéo lựa chọn âm thanh, mà lại còn do cách chia đoạn lạc câu văn, làm thế nào cho lời thơ êm ái, uyển-chuyển, và xứng hợp với tình ý thi nhân muốn diễn tả.

Trong các lối thi ca của ta, những chỗ ngắt câu bao giờ cũng thế, ít khi thay đổi, điệu thơ vì vậy hóa ra nghèo nàn buồn tẻ. Thơ Pháp thì khác hẳn : cách ngắt đậu tùy theo trường hợp mà biến hóa, và nhiều khi làm bật hẳn được ý câu văn. Về phương diện ấy, bài ngụ ngôn « Cái xe trở khách và con ruồi » (Le coche et la mouche) của La Fontaine

đông đem làm khuôn mẫu : chữ dùng đã điêu luyện, mà cách đặt câu lại vô cùng tuyệt diệu. Ta hãy đọc :

Dans un chemin / montant, / sablonneux. / malaisé.,

Có phải như ta cảm được tất cả sự khó nhọc của sáu con ngựa đang lặc lè trở cái xe nặng nề, trên con đường vừa giốc, vừa khúc khuỷu và nhiều cát ? Câu này đọc cứ phải ngừng luôn, vì ngắt ra ra đến những bốn đoạn ngắn, lúc đọc nối, lại vướng phải những tử âm : m, s, n rất là là khó đọc.

... L'attelage / suait, / soufflait, / était rendu

Cũng cùng một lối ngắt đậu như câu trên, lại thêm những âm s, s, ffl, z, như cho ta nghe thấy tiếng thở hồn hển của những con vật khốn nạn đã mệt lử, và mồ hôi nhễ nhại.

Nhưng đến câu sau thì tiết điệu bỗng biến đổi hẳn để tả một con vật có cánh nhẹ nhàng bay khắp mọi nơi, tác-giả cho ta thưởng thức một câu thơ cũng

uyển chuyển, nhẹ nhàng như đôi cánh đang bay :

Une mouche survient et des chevaux s'approche.

Vì thoát ly được những lệ luật chặt chẽ về số chữ và về cách hiệp vần trong thơ cũ, và phỏng theo lối ngắt đậu, cách gieo vần của người Pháp, các thi sĩ Việt Nam đã bước được một bước dài, và đi tới nhiều kết quả đáng chú ý. Sự thành công rực rỡ của Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Thông v.v.. là một bằng chứng rõ rệt. Dưới đây, tôi xin hiến các bạn mấy vần « thơ say » của Vũ Hoàng Chương, những vần thơ « lảo đảo mà nhịp nhàng » viết theo điệu kèn khiêu vũ :

Ánh đèn tha thướt
Lưng mềm. não nuột dáng tơ.
Hàng chân lả lướt
Đệ mê, hồn gửi cánh tay hờ.

. . . . . .

Âm ba gờn gợn nhỏ,
Ánh sáng phai phai dần..

Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân.

Lui đôi vai, tiến đôi chân,
Riết đôi tay, ngả đôi thân,
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió

(Thơ say)

Nhưng các bạn đừng vội tưởng các nhà thơ ta ngày xưa không chú ý gì đến tiết điệu đâu. Những trang xán lan quyển « Đoạn trường tân thanh » đầy rẫy những vần thơ trác tuyệt, âm điệu không những réo rắt mà cả đến cách chia đoạn lạc câu văn cũng rất tài tình. Về phương diện nầy của thiên tài cụ Nguyễn Du, ông Đào duy Anh trong quyển « Khảo-luận về Kim vân Kiều » đã viết nhiều trang phẩm bình có giá trị. Dưới đây là mấy điều nhận xét rất xác đáng của ông:

« Âm điệu nhịp nhàng — ông viết — là yếu tố quan trọng của Thơ... Về phương diện nầy, Nguyễn-Du gặp một trở lực rất lớn, vì toàn thiên chỉ viết

bằng lối văn lục bát là lối văn tuy nhịp nhàng nhẹ nhõm, nhưng thiếu vẻ biến hóa uyển chuyển, nên dùng lâu dễ nhàm. Tuy vậy, nhờ bản năng linh diệu của thi sĩ, ông đã có thể tìm được những âm điệu khá phong phú. Thật thế, nhờ lối ngắt đậu thần diệu, Ng. Du đã biến hóa được hẳn thể văn âm-điệu nghèo nàn ấy. Ta hãy đọc câu này :

Mai cốt cách, tuyết tinh thần (3-3)
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười (4-4)

« Sự ngắt đậu câu cái của hai câu đúng với ý so sánh nhan sắc hai người, cân đối nhau cũng như điệu câu đối xứng.

Đọc câu :

Nửa chừng xuân, thoắt gẫy cành thiên hương (3-5) thì ta có cảm giác như đời sống Đạm Tiên cũng dứt sớm như câu thơ bị ngắt đậu trước chỗ thường (vì điệu thông thường của thể lục bát là : (câu lục 2-4. Câu bát 4-4)

Đọc câu :

Có người khách ở viễn phương

Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi, ta có cảm giác như người khách kia đã phải đi đường dài lắm mà đến :

Câu :

Ôi Kim lang ! [Hỡi Kim lang (3-3)

Thôi thôi, [thiếp đã phụ chàng từ đây (2-6)

khiến ta nghe thấy Thúy Kiều kêu dồn hai tiếng, đến tiếng thứ ba giọng đã hụt, rồi thở dài một tiếng mà mê đi. (1)

Câu :

Này chồng, [này mẹ,] nay cha (2-2-2)

Nay là em ruột, [này là em dau (4-4)

---

1) Trong bài « La Mort et le bûcheron » (Thần Chết và lão tiều phu) kể chuyện người tiều phu chán đời gọi thần Chết đến để kết liễu cái đời đau khổ của mình, La Fontaine cũng đã dùng một cách ngắt câu như thế. Đọc mấy câu này :

Point de pain quelquefois, et jamais de repos.
Sa femme, ses enfants, les soldats, les impôts,
Le créancier, et la corvée
Lui font d'un malheureux la peinture achevée,

ta cũng như nghe thấy tiếng lão già than thở, giọng cứ hụt đi dần dần, rồi sau cùng là một tiếng thở dài.

khiến mắt ta thấy như bàn tay đang chỉ » (1)

Âm thanh và tiết điệu thật đã đưa nhà văn đi tới những kết quả không ngờ.

(1) «Khảo luận về Kim-vân-Kiều» trang 116-169.

VII

Các lối điệp ngữ và đảo ngữ trong văn-chương

I

Cách điệp ngữ

Cách điệp ngữ là cách láy đi láy lại một hay nhiều chữ, có khi hẳn cả một câu, để độc giả phải chú ý đến những chữ hay những câu quan hệ đó.

1. CÁCH LÁY LẠI MỘT HAY NHIỀU CHỮ

a) *Ví dụ trong văn tây:*

« Mi có biết bàn tay nào đang nắm chặt lấy mi lúc này không ? Này mi nghe ta, cha mi đã làm chết cha ta, *ta thù mi*. Mi đã cướp lấy tước vị, của cải của ta, *ta thù mi*. *Ta thù mi*, mi nghe không, *ta thù mi* tận trong thâm tâm ta » (Savez vous quelle main vous étreint à cette heure ? Écoutez, votre père a fait mourir le mien. *je vous hais*. Vous avez pris

mon titre et mon bien, je *vous hais*. Je vous *hais*, oui, je vous *hais* dans l'âme).

Trong đoạn này, Victor Hugo nhắc đi nhắc lại câu « ta thù mi », để tả hết nỗi căm hờn của một người đối với kẻ đã phá tan hạnh phúc của mình, và lại còn muốn chiếm lấy trái tim của người mình yêu nữa.

— Không có một điều gì cao sa làm cảm phục lòng người chỉ sống vì *tiền*; không có một ý tưởng gì quảng đại dẫn lối đưa đường được kẻ chỉ biết đến *tiền*. Cái đồng *tiền* nó không quen thuộc ai; cái đồng *tiền* nó không có tai để nghe gì cả; cái đồng *tiền* nó không có một tấm lòng biết thương, biết cảm. (Rien de grand ne subjugue, rien de généreux ne guide ceux qui vivent pour *l'argent* et ne connaissent que *l'argent*. *L'argent* ne connaît personne; il n'a pas d'oreilles, *l'argent*; il n'a pas de cœur *l'argent* : Balzac).

Những chữ « tiền », « tiền », « tiền », nhắc đi nhắc lại dùng để tỏ sự bất cận nhân tình của những kẻ ở trên đời chỉ

biết có tiền mà thôi.

b) *Tỉ dụ lấy trong văn ta :*

Ai là người không thuộc đoạn này trong « Kim-Vân-Kiều » :

Buồn trông cửa bể chiều hôm.
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa xa, v. v.

Kể lúc nàng Kiều ở lầu Ngưng-bích. Tác giả khéo ở chỗ đã nhắc lại chữ « Buồn » bốn lần trong tám câu thơ, cốt làm cho độc giả phải chú ý đến tâm sự cô Kiều xa nhà, trông thấy cái gì cũng như gợi nỗi đau thương cùng cuộc đời chìm nổi của người xấu số.

— Mỗi chữ « sao » ở mấy câu dưới đây là một cái thở dài, là một tiếng than đầy phẫn uất của cô Kiều không ngờ đâu lại có ngày bị cảnh truy-lạc, đọa đầy đến thế :

Khi *sao* phong gấm rủ là
Giờ *sao* tan tác như hoa giữa đường !
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân *sao* bướm chán ong chường bấy thân !

— Không có cách nào tả được hết sự

nhớ nhung bằng lối điệp-ngữ mà cụ Nguyễn Du dùng trong hai câu nay :

Còn non *còn* nước *còn* dài
Còn về *còn* nhớ đến ngày hôm nay

Tất cả sự độc ác căm hờn của à Hoạn tất cả những cái ghê gớm của máu ghen sôi nổi trong lòng người đàn bà dường như chứa đựng trong 11 chữ « cho » ở tám câu dưới đây :

Làm *cho* nhìn chẳng được nhau,
Làm *cho* đầy đọa cắt đầu chẳng lên
Làm *cho* trông thấy nhỡn tiền
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.
... Làm *cho cho* mệt *cho* mê
Làm *cho* đau đớn ê chề *cho* coi !
Trước *cho* bõ ghét những người
Sau *cho* để một trò cười về sau !

Trong một đoạn khác, tác giả cũng nhắc lại năm lần chữ « cho » để tả sự cay nghiệt của Hóa công đầy đọa khách hồng nhan, như cố làm cho phải chịu bết nỗi điêu đứng ê chề mới thôi :

Đã *cho* lấy chữ hồng nhan
Làm *cho cho* hại *cho* tàn *cho* cân

Một vài thí dụ khác : !

Chiều chiều lại *nhớ chiều chiều*
Nhớ người dấy gấm khăn điều vắt vai

(ca dao)

— Từ ngày *ăn phải* miếng dầu,
Miệng ăn môi đỏ đạ sầu đăm chiêu..
Biết rằng thuốc dấu, hay là bùa yêu
Làm cho ăn phải nhiều điều sót sa,
Làm cho quên mẹ *quên* cha, *quên* cửa
quên nhà,
Làm cho quên cả đường ra lối vào,
Làm cho quên cả dưới ao.
Quên sông tắm mát, *quên* sao trên trời

(ca dao)

— Vắng nhà được buổi hôm nay,
Trộm thương *trộm* nhớ *trộm* say *trộm* tình (Kiều)

— Còn ba bài thơ dưới đây đáng chú ý về, trừ câu đầu và câu cuối, mỗi câu đều bắt đầu bằng một chữ « thương » :

Há dám *thương* đâu gái có chồng,
Thương vì một nỗi có mà không,
Thương cành hoa muộn sương xao xác,
Thương đóa đào non tuyết lạnh lùng,
Thương tấm lụa điều thân mỏng mảnh,

Thương con ếch trắng phận long đong.
Thương thì *thương* vậy *thương* sao đặng
Há dám *thương* đâu gái có chồng.

(Bài nay đâu là của một người học trò nghèo, một hôm vao nghỉ trong hàng gặp một quan võ cùng đi với cô hầu nọ. Chàng ta ngó trộm hoài, quan tức lắm bắt làm một bài thơ thật hay, nếu không sẽ bị đòn. Người học trò lập tức viết bài thơ trên này).

— Bài thứ hai người ta bảo là của ông Vương Toán. Ông nhà nghèo học giỏi muốn lấy con gái một ông Đô-úy. Quan ra câu đối, ông làm được rất hay. Ông Đô-úy bằng lòng gả. Nhưng cô con gái đứng trong rèm rẫy nẩy chê là đồ quần manh áo vách. Ông lẩm bẩm : « Khinh người vừa chứ thương nhau là hết ». Cô ta thốc ngay cho một hồi : « Thương cha, thương mẹ, thương vợ, thương con, thương cái nhà mày, ai khiến mày thương ». Ông quan vin lấy câu ấy ra làm đầu bài bắt ông làm thơ. Ông liền viết ngay :

Há dám *thương* đâu phận má hồng

Thương vì một nỗi để phòng không.
Thương cha mẹ nhện dăng tơ lưới
Thương vợ chồng Ngâu cách mặt sông,
Thương con quốc rũ kêu mùa hạ,
Thương cái bèo xanh dạt bể đông.
Quân tử có *thương*, *thương* thế đó
Há dám *thương* đâu phận mà hồng.

(Theo « Văn Đàn bảo giám »)

c) *Một vài tỷ dụ nữa lấy trong văn-chương hiện đại :*

Đoạn sau này trích trong « Hồn bướm mơ tiên » của Khái Hưng : « Chỉ vì tôi không *quên* được nên tôi mới khổ. Bản tính của đời người là *quên*. Mà muốn đi tới hạnh phúc lại cần phải *quên*. Nếu tôi *quên* được hết, *quên* lời thề, *quên* cái đêm trăng rọi trên đồi, *quên* lời ăn tiếng nói của chú, *quên* sự gặp gỡ của đôi ta, *quên* chú, *quên* hết thì đâu đến nỗi... »

Chữ « quên » láy lại đến mười lần cốt để tả nỗi đau đớn của Ngọc — vai chủ động trong truyện — muốn lấy sự « quên làm liều thuốc ngủ cho tâm hồn mà không được. Chàng yêu một thiếu nữ đã giả trai để vào làm tiều trong một

ngôi chùa (nên trên kia gọi là « chú
Nhưng đến khi biết rằng ái tình min
vô hy vọng, chàng muốn quên đi n
không quên được, tuy rằng « bản tin
của người đời là quên » (cf : la natur
a voulu qu'on oublie : Jules Rameau). V
không quên được nên mới khổ, vì khôn
quên được nên hạnh phúc mới tan nâ
vì không quên được. nên đời tù đâ
không còn đâu một phút yên lặng tron
tâm hồn.

— Trong « Thơ thơ » của Xuân Diệ
cũng có nhiều «hỗ dùng lối « điệp ngữ
như thế. Vi dụ như những câu :

Anh *nhớ* tiếng, anh *nhớ* hình, anh *nhớ*
ảnh

Anh *nhớ* em, anh *nhớ* lắm, em ơi !
Anh *nhớ* em của ngày tháng xa khơi.
Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời
Nhớ đôi mắt nhìn anh đăm đắm.

— Và đây là một đoạn trong bài
« Nhạc sầu » của Huy Cận :

Ai chết đó ? Nhạc buồn chi lắm thế !
Chiều mồ côi đời rét mướt ngoài đường ;
Phố đìu hiu màu đá cũ lên sương.

Sương hay chinh bụi phai tàn lả tả ?
... *Ai chết đó* ? trục soay và bánh đầy
Xe tang đi về tận thế giới nào ?
Chiều đông tàn lạnh xuống tận trời cao,
Không lửa ấm, chắc bồn buồn lắm đó
...*Ai chết đó* ? Nhạc buồn chi lắm thế !
Kèn đám ma hay là tiếng đau thương
Của cuộc đời ! Ai rút tự trong xương
Tiếng nấc nở gởi gió đường quanh quẽ !
Sầu chi lắm, trời ơi ! chiều tận thế !

(Huy Cận)

2. — Cách lấy lại một câu.

Trong văn Pháp có một áng văn có giá trị, một bài thơ bằng văn suôi, đấy là tiếng kêu than của người đi đầy, trong bai « l'exilé » của Lamennais. Bài ấy chia làm nhiều đoạn.

Sự đáng chú ý là cùng một câu dùng làm giáo đầu và kết-luận, và sau mỗi đoạn, ta nghe thấy tiếng kêu ảo não, tiếng khóc dai của kẻ đi đầy khốn nạn mà đơi chỉ còn là một chuỗi ngay đau khổ : *Kẻ đi đầy ở đâu cũng vò võ một thân* » (L'exilé partout est seul).

Dưới đây chúng tôi xin trích dịch

bài văn tuyệt tác ấy :

Lang thang vơ vẩn bên đường, ấy kẻ đi đầy biệt xứ. Xin Trời Phật phù hộ cho con người khốn nạn.

Tôi đã đề vết chân qua biết bao nhiêu xứ : người trông tôi, tôi lại trông người, nhưng có thấy ai là người quen thuộc ? *Kẻ đi đầy ở đâu cũng vò võ một thân.*

Những buổi chiều tà, khi thấy trong lòng thung lũng, khói tỏa nghi ngút trên mái lều tranh, tôi thường tự bảo mình rằng : « Sung sướng thay những ai kia chiều đến về nhà, được quây quần xum họp cùng người yêu quý » *Kẻ đi đầy ở đâu cũng vò võ một thân.*

... Cây kia tươi, hoa kia đẹp, nhưng chẳng phải cây cỏ nước non mình, như thế còn có gì là thú vị. *Kẻ đi đầy ở đâu cũng vò võ một thân.*

Giòng suối reo dóc rách trong đồng, nhưng nào có phải đường xưa lối cũ đi về năm nao. Cảnh chẳng gợi trong tâm hồn tôi một kỷ niệm gì của quãng đời niên thiếu. *Kẻ đi đầy ở đâu cũng vò võ một thân.*

...Nhiều khi có kẻ hỏi tôi: « Cớ sao anh khóc ? » Nỗi đau thương, tôi kể cho khách qua đường, nhưng nghe xong, chẳng ai rỏ giọt nước mắt thương cảm, ái ngại con người xấu số, vì tâm sự này, đã mấy người hiểu thấu cho ta? *Kẻ đi đầy ở đâu cũng vò võ một thân.*

Lại có lúc tôi gặp các cụ già, em cháu quây quần vui vầy dưới gối. Nhưng cha tôi, tôi tìm chẳng thấy, còn vợ; còn con yêu quý, nhìn mãi quanh mình chẳng thấy bóng một ai. *Kẻ đi đầy ở đâu cũng vò võ một thân.*

...*Lang thang vơ vẩn bên đường, ấy kẻ đi đầy biệt xứ. Xin Trời Phật phù hộ cho con người khốn nạn!*

b) *Tỉ dụ trong văn ta:*

Cách lấy lại bằng cả một câu ít thấy trong văn ta cũ (không kể trong các lối thủ vĩ ngâm và liên hoàn, vì là mấy thể thơ riêng bắt buộc phải thế), nhưng trong thơ mới rất nhiều. Dưới đây là mấy đoạn trích trong thi ca hiện đại:

Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ
Anh tham lam anh đòi hỏi quá nhiều,

Anh biết rồi, em đã nói em yêu
Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ?
Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ,
Nếu em yêu mà chỉ để trong lòng
Không tỏ hay yêu mến cũng là không
Và sắc đẹp chỉ làm bằng cầm thạch.
Anh thèm muốn vô biên và tuyệt đích
Em biết không? Anh tìm kiếm em hoài.
Ư thật ngày nay không thật đến ngày
mai,
Thì ân ái có bao giờ lại cũ. .
Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ
Phải nói yêu trăm bận đến ngàn lần,
Phải mặn nồng cho mãi mãi đến xuân,
Đem chim bướm thả trong vòng tình ái,
. . . . . .
Cho thần nhiên bên một kẻ cháy lòng,
Chờ u ẩn như mặt hồ nước ngủ,
Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ

(X. Diệu)

Đám ma đi

Có những buổi mưa phùn thê thảm quá
Cảnh vật trùm trong tấm vải chôn người,
Mảnh gỗ chèn thay kính cửa vỡ rồi

Không chắn nổi gió ngoài hơi lạnh giá.

***

Có những buổi mưa phùn thê thảm quá
Gởi lên trên cổ mỏng chôn người.
Đám ma đi trong hơi sương lạnh giá.
Đi trên đường và đạp séo lòng tôi.

***

Đám ma kéo lê thê rong lòng tôi lạnh giá
Đem chôn đi những kỷ niệm lâu rồi.
Đám ma đi trong mưa phùn thê thảm quá,
Đi bàng ngày chưa tới huyệt lòng tôi.

LAN SƠ'N

Nhạc xuân

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Xuân đã sang đò nhớ cố-nhân.
Người ở bên kia sông cách trở,
Có về Chiêm-quốc như Huyền-Trân?

***

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Phơi phới mưa sa nhớ cố-nhân.

Phận gái ví theo lề ép uổng,
Đã về Chiêm-quốc như Huyền-Trân.

* * *

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Lăng lắc đường xa nhớ cố-nhân.
Hay đã vội quên tình nghĩa cũ,
Mà về Chiêm-quốc như Huyền-Trân?

* * *

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Một cánh đào rơi, nhớ cố-nhân.
Cung nữ như hoa vườn Thượng uyển
Ai về Chiêm-quốc với Huyền-Trân?

* * *

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Pháo đỏ đầy thêm, nhớ cố-nhân.
Cung nữ môi tô răng rạc điện,
Ai về Chiêm-quốc hộ Huyền-Trân?

* * *

Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Rượu uống say rồi nhớ cố-nhân
Đã có yêu nhau là đến thế,
Đừng về Chiêm-quốc, nhé Huyền-Trân!

* * *

Đừng về Chiêm-quốc, nhé Huyền-Trân !
Ta viết thư này gửi cố-nhân.
Năm mới tháng giêng, mồng một Tết
Còn nguyên vẹn cả một mùa xuân

.*.

Huyền-Trân ơi ! Huyền-Trân ơi, mùa xuân rồi !
Giờ đây chín vạn bông trời nở
Duy có tình ta khép lại thôi !

Nguyễn Binh
(Hương cố nhân)

II

Cách đảo ngữ

Cách đảo ngữ (l'invers on) la cách thay đổi vị-trí cac tiếng trong câu để làm nổi câu văn. Nhưng dùng không đúng lý sẽ tạo ra những câu quái gở như những câu sau nay của thay dạy triết học ông Jourdain trong vở kịch « Trưởng giả học làm sang » (Le bourgeois gent lhomme ». Đáng nhẽ nói : « Hỡi hầu tước phu nhân xinh đẹp ơi, khoé thu ba của phu nhân làm cho tôi chết mệt về tinh ». Ông ta đảo đi đảo lai mấy cách này : một là : « Vì tinh chết mệt làm cho, hỡi hầu tước phu nhân xinh đẹp ơi, khoé thu ba của phu nhân » hai là : « Khoé thu ba của phu nhân vì tinh làm cho, hỡi hầu tước phu nhân

xinh đẹp ơi, chết mệt. » Cách thứ ba là : « Chết mệt, khỏe thu ba của phu nhân hỡi hầu tước phu nhân xinh đẹp ơi, vì tình làm cho ».

Nhiều nhà văn ta quá mô phỏng lối văn Pháp cũng đã viết nhiều câu ngớ ngẩn, tương tự như thế.

Đảo ngữ có mấy cách :

1 — **Đem chủ từ đặt đằng sau tiếng động từ** (Inversion du sujet après le verbe).

1) *Ví dụ trong văn tây* : Như câu của Paul Claudel :

« Chúng ta lúc nào cũng phải dự bị sẵn sàng và tự chủ như những đàn én nọ chỉ việc cất cánh bay lên khi *vang rậy* tiếng gọi của mùa thu. (Il faut nous tenir toujours libres et prêts, comme ces bandes d'hirondelles quand *retentit* l'appel automnal). Tiếng động từ « vang rậy » (retentir) đáng nhẽ vị trí nó ở đằng sau tiếng chủ từ « tiếng gọi » (appel), nhưng tác giả đem đặt lên trước để mạnh câu văn.

2) *Trong văn ta* những câu đặt theo cách ấy rất nhiều : ví dụ :

Xét-xoi trước mặt đôi vừng ngọc,
Vùng vẫy trên tay một lá cờ,

(Lê thánh Tôn)

— *Lưng dậu phất phơ* màu khói nhạt
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.

(Yên-Đổ)

— *Lom khom* dưới núi tiều vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

(Bà huyện Thanh Quan)

II — **Đem tính tự để lên đầu câu** (Inversion de l'attribut)

1) *Ví dụ trong văn tây* :

Sung sướng thay những người có thể ngủ yên không lo sợ và cũng không hối hận, trong chiếc giường nặng nề và đáng kính của ông cha để lại, là nơi mà những người thân yêu của mình đã sinh ra đời, và lúc nhắm mắt buông suôi cũng nằm ở đấy (Heureux qui peut dormir sans peur et sens remords, dans le lit paternel massif et vénérable, où tous les siens sont nés aussi bien qu' ls sont morts. José Maria de Hérédia)

2) *Vài tỉ dụ trong văn ta* :

Khô-héo lá gan cây đỉnh Ngự.

Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương
(Thượng tân thị)

— *Nhập nhèm* bốn mắt tranh mờ tỏ,
Khấp khểnh ba chân giở tỉnh say.
(Yên Đổ)

— *Sanh om* cỗ thụ tròn soe tán
Trắng sóa tràng giang phẳng lặng tờ.
(Xuân Hương)

3·) **Túc từ đặt trước động từ :**
(Inversion du complément)

Cách đặt túc-từ trước động-từ, văn-chương Pháp rất thường. Đây là một vài tỉ dụ lấy ở văn ta :

Đầu cành kiếm bạn oanh sao sác
Trong tối đua bay đóm lập lòe.
(Yên Đổ)

— *Ngàn mai* gió cuốn chim bay mỏi.
Dặm liễu sương sa khách bước rồn.
(Bà huyện Thanh Quan)

— *Vầng trăng* ai sẻ làm đôi
(Nguyễn Du)

— *Tiền bạc* phó cho con mụ kiếm,
Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi
(Tú-Xương)

VIII

Khi các nhà văn Pháp và Nam hài hước.

Không biết nhà văn Pháp nào đã nói
ười Việt-Nam không biết trào-phúng.
ái lại tôi thấy về phương-diện này,
úng ta có một lối văn không những
rồi-rào, mà lại còn phản chiếu được
cả cái tinh-thần đặc biệt của dân
minh. Muốn rõ điều ấy, ta cứ đọc
ững câu đối tài-tình, những câu ca
hóm bỉnh, có duyên, nhiều khi lại
m-trầm xâu-xắc, (1) ta bãy ngâm những
thơ dí-dỏm của Xuân Hương, Nghè
, Tú Xương, Tú Mỡ. Các cụ ngày
vì bị trói buộc trong khuôn khổ
hẹp của lễ-giáo, nên ít khi phá
tiếng cười ròn-rã, thường chỉ cho
thấy một nụ cười mỉa mai kín đáo,

---

(1) Xem những chương « cách tỉ-lệ » và « Lối
n-xương » trên kia.

có khi lại chứa chất nỗi đau thương chua chát. Vì thế lối châm biếm của ta rất nhẹ nhàng ý nhị, nhiều khi giống lối trào phúng của người Pháp. Trong trường-hợp này, nhà văn Pháp và Nam đã lại một lần nữa gặp nhau.

I

Từ cái cười sỗ-sàng của Trạng-Quỳnh đến lối nhạo báng chua ngoa của Hồ-Xuân-Hương, và lối mỉa mai độc ác của Cao-bá-Quát

Tôi không muốn nói nhiều ở đây đến cái cười cũng nhiều khi sỗ-sang của Hồ-xuân-Hương, nhà nữ thi sĩ chuyên môn nói lái, như trong những bài « Vịnh chùa Quán-sứ », « Tiễn hành sư ông, « qua sông vỗ sóng » v. v.

Lối bai hước của cô Hồ trong mấy câu nay :

Quán Sứ đâu mà cảnh vắng teo ?
Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo.
Cầy kềnh tiều đề xuông không đấm,
Tràng hạt vãi lần đếm lại đeo,

cũng giống lối của Tú-Mỡ lõm cô Ngọc-Hồ, trong quyển « Giòng nước ngược » :

Hồ tù ngan nỗi con ròng lọn,
Ngọc vết thương tình kẻ cố đeo.

Ai cũng biết những câu nàng nắng ông Chiêu Hổ dám cả gan ghẹo nguyệt giữa ban ngày.

Này này chị bảo cho mà biết :
Chốn ấy hang hùm chớ mó lay!

Cái anh « đồ tỉnh hay đồ say » ấy đã có lần mời nàng lên chơi nguyệt và hứa sẽ bái cho nàng cả « cành đa lẫn củ đa ». Về sự sống-sượng, Trạng Quỳnh đã vượt lên một bực nữa như trong thơ của ông già làm nhời bạn viết thư về nhà quê thăm vợ : « Nhắn nhủ bà bay chớ ngứa nghề ». Một lần khác, Trạng đọc một bài thơ tiếng Nghệ để nhạo một cô hàng nước :

Bàn hạng nay cô đã mấy tuổi ?
Nước cô còn nọng hay là nguội ?
Lủng-lẳng trên treo dăm nắm nẹm,
Lơ phơ dưới mọc một buồng chồi.
Bạnh dạn bạnh dày đều xoa mợ,

Khoai ngựa khoai lang cũng chấm muối. v. v.

Cô Hồ lại còn hay dùng một lối châm-biếm chua ngoa, trắng trợn, như những khi cô mắng « phường lòi tòi » dám nhơn-nhơe làm thơ viết bậy lên tường, một ngôi đền, hay khi cô mắng một lũ học-trò đi theo sau mình thả vài câu thơ trêu ghẹo :

Khéo khẹo đi đâu lũ ngẩn ngơ ?
Lại đây cho chị giảy làm thơ.
Ong non ngứa nọc châm hoa rữa,
Dê cỏn buồn sừng húc dậu thưa.

Cao bá Quát mỉa mai các thi-bào trong Mặc-vân thi xã của Tùng Thiện-vương có viết mấy câu rằng :

Ngán cho cái mũi vô duyên.
Cận thơ thi-xã con thuyền Nghệ-an.

Ý ông nói thơ của các ngài thi-sĩ ấy cũng nặng mùi như mùi nước mắm trên con thuyền xứ Nghệ. Lại một hôm ông đi xem đôi voi phục mới đắp ở trước cửa đình làng. Thấy người ta bàn tán về việc lý trưởng đã ăn bớt tiền của làng giao cho để thuê đắp đôi voi, ông

làm ngay bài tứ tuyệt :

Khen ai đã khéo đắp đôi voi,
Đủ cả đầu đuôi, đủ cả vòi.
Chỉ có oái kia sao chẳng đắp ?
Hay là lý-trưởng bớt đi rồi.

Voltaire nhà đại văn-hào Pháp cũng bay đùng một lối trào-phúng cay độc như thế, nhưng mà nhẹ nhàng, nhã nhặn hơn, như khi ông nhạo báng bạn đồng nghiệp J. Fréron, mà ông cho là một người nhám hiểm vô cùng :

L'autre jour au fond d'un vallon,
Un serpent mordit Jean Fréron.
Que pensez vous qu'il arriva ?
Ce fut le serpent qui creva.

(Hôm nọ trong lòng một thung-lũng, một con rắn cắn phải ông Jean Fréron. Các ngài có biết rồi sau ra làm sao không ? *Ấy rồi con rắn ấy lăn ra chết.*)

II

Nụ cười hóm hỉnh và... ngạo nghễ của các thần đồng.

Pic de la Mirandore lúc mới lên bảy đã nổi tiếng thông minh dĩnh ngộ. Một hôm có một ông cụ đã ngoài sáu mươi tuổi nói trước mặt ông rằng: « Những người lúc bé dĩnh ngộ lắm thì nhớn lên hay hóa ra ngu đần ». Ông thần nhiên nói: « Bẩm cụ, *con chắc rằng lúc thiếu thời cụ dĩnh ngộ lắm ạ* ». Câu giả nhời tuy hỗn sược, nhưng rất tài tình, và tỏ ra rằng nhà bác học trứ danh người Ý ấy, lúc còn nhỏ đã là một người tài trí khác thường. Chuyện này làm tôi nhớ đến ông Nguyễn Hiền ở bên ta, tục truyền đỗ Trạng nguyên từ

năm 12 tuổi. (?) Nhân có việc, vua cho sứ giả đi tìm ông. Gặp ông mà không biết hỏi thăm, ông không thèm đáp. Sứ mới đọc một câu hỏi rằng :

« Tự » là chữ, cất giằng đầu, chữ « tử » là con, *con ai con ấy* ?

Ông cũng ứng khẩu hỏi lại rằng :

« Vu » là chứng, bỏ ngang lưng, chữ, « đinh » là đứa, *đứa nào đứa này* ? (1).

Ai là người không biết câu « Đất nứt *con bọ hung* » mà Trạng Quỳnh đem đối với câu « Trời sinh *ông Tú Cát* », dường như có ý bảo ông tú kia từ dày đừng dương dương tự đắc như thế nữa. Một hôm khác nhà có giỗ, Trạng ngồi thái thịt lợn, ông Tú Cát đến chơi trông thấy, lại ra câu đối rằng : « Lợn *cấn* ăn cám *tốn* ». Ông đối ngay : « Cho *khôn* cho cắn càn », (Câu ông Tú ra có nghĩa là lợn *cấn* (lợn cái cộc) ăn *tốn* nhiều cám, khó đối vì có hai chữ *cấn* và *tốn* là tên

(1) Tôi chép những câu này ra đây, vì cách đối đáp tài tình, nhưng ai cũng biết những loại chuyện như thế, phần nhiều hoang đường, không thể tin hẳn được.

hai quẻ trong bát quái. Trạng đối lại dùng hai chữ « *khôn* » và « *càn* » cũng là tên hai quẻ trong bát quái, mà lại còn có ý sược là bảo cụ Tú từ rầy có « *khôn* » thì đừng ra câu đối « *càn* » nữa.

(Theo quyển « Câu đối » của Ng. v. Ngọc)

Lại còn chuyện ông Nguyễn Hòe một hôm vào chùa bảng bổ nhà sư, đọc đùa rằng : « Cô sư lên đàn mông-sơn, tiểu ra cả đấy, vãi ra cả đấy ». Nhà sư tức quá ra cho câu đối :

« Nhất sĩ nông nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ ».

Ông đối lại :

« Trên sư dưới vãi, ngành lưng giở lại, nhất vãi nhì sư ».

VII

Một lối trào-phúng nhẹ nhàng: Tú Xương và Tú Mỡ

Lại có một cách khác hước rất nhẹ nhàng, đó là lối trào phúng của Tú Xương và Tú Mỡ. Để làm tỉ dụ, chúng tôi xin đem trích dưới đây một ít thơ trào phúng của hai ông « Tú » nói về Tết và các cách « thưởng » của văn-nhân và bọn tục tử vì trong khi cùng thảo một đầu đề ấy, hai nhà văn ấy đã nhiều lúc gặp nhau.

Tết đến đưa lại cho mọi người biết bao nhiêu điều sôn sao bận rộn — 23 tháng chạp, trong các gia đình, người ta đã sửa soạn tiễn ông Công. Cặp bô ba hai ông một bà ấy, đã bị nhiều lần đem ra riễu cợt, trong những bức tranh, hay

những bài văn trào phúng. Thi sĩ bảo các ngài chỉ có việc, « bới chuyện nhân gian từ só bếp, tấng công Thiên đế vẽ con ma ». Hôm Táo công lên chầu giời, Tú mỡ khuyên mọi người nên cẩn thận trong việc lựa chọn ngựa cho ngài cưỡi, kẻo có khi sẩy ra tai nạn hiểm nghèo. Và thi sĩ kể cho ta nghe một cái « nạn cá chép » rùng rợn đã sẩy ra không biết năm nào trên con đường đi... lên giời.

Nạn cá chép

Cá bay lên đám mây cao,
Chẳng may phải gió ôn nhào xuống sông.
Làm văng cả đức Táo Công
Chín từng lăn xuống một giòng sông sâu.
Uống răm ngụm nước đỏ ngầu
Rồi ngài vùng vẫy bơi mau vào bờ.
Ngồi trên bãi cỏ bơ phờ,
Rét run, mệt thở phi phò hồi lâu.
Dán mình một bộ cánh chầu,
Nước ngâm ướt sũng, bát nhầu nhớp nhơ.
Ngài đành trở gót về nhà,
Vội vàng đánh thức Táo Bà dậy ngay.

Phu nhân đang lúc ngủ say,
Chồng về miệng gọi, tay lay, giật mình!
Hớt hơ mới hỏi sự tình,
Ông bèn kể truyện hành trình gian nan.
Giục bà nhóm hỏa lò than,
Để ông hơ áo sửa sang đi chầu.
Kẻo Trời chờ đợi thấy lâu,
Ắt là nổi giận vò đầu Táo quân.
Vậy xin nhắn bảo người trần
Mỗi năm ông Táo đẳng vân lên trời,
Có cúng thì cúng cá tươi,
Đừng mua cá úi mà ngài bị... « pan ».

(Nan cá chép)

Từ một tháng trước, nhà nào nhà nấy đã lo sắm ăn, sắm mặc, mua rượu mua chè, có khi đeo công mắc nợ, vì chỉ sợ thiếu thốn thiên hạ chê cười: Đến những ngườ « ngày dưng dã họng, Tết cũng đầy mề » Rồi lại còn cờ bạc rượu chè, chơi bời phung phí, cho nên Tú mỡ đã viết mấy bài thơ « Ghét Tết »

Thiên hạ sao ưa Tết
Hẳn vì mặc áo đẹp!
Tớ đây bảo Tết phiền
Ghét!

Tiêu pha thực tốn tiền
Chè chén cứ liên miên.
Hết Tết đâm lo nợ,

Điên !

Kiết sác như vờ rồi
Còn ngông đốt pháo mãi
Pháo kêu : Tiền hỡi tiền !

Dại !

Tú Xương cũng phải than :

Thiên hạ sác rồi còn đốt pháo
Nhân tình trắng thế lại bôi vôi

Đã là văn nhân thi Tết đến ít ra cũng phải làm một vài bài thơ. Tú Xương viết xong một đôi câu đối liền dán ngay lên cột :

Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay ?
— Rằng hay thì thật là hay.
Chẳng hay sao lại đỗ ngay tú-tài ?
Xưa nay em vẫn chịu ngài.

Tú Mỡ đầu năm cũng làm một bài thơ, làm xong cũng tấp tểnh bắt chước Tú Xương, đem khoe mợ Tú, chẳng ngờ lại bị mẹ đĩ nói cho mấy câu sượng

mặt. Bài thơ rằng :

Tú chi tú ấy nực cười thay !
Chẳng phải nho mà chẳng phải tây.
Rửng mỡ trêu đời văn mách quế,
Thế mà cũng tiếng... bấy lâu nay.

Làm xong :

Rồi ngâm nga đùi rung chuyền ghế mây.
Rồi chép lại rắp thả ngay « giòng nước ngược ».

Bắt chước cụ Tú Xương thuở trước
Hỏi mợ tú rằng : « nghe được hay chẳng ? »

Bĩu môi, mẹ đĩ phê rằng :
« Nôm na mách quế lố lăng ngược đời ».

Đầu năm đã bi rông rồ,
Hẳn là văn viết ngược đời quanh năm !

(Khai bút... rông)

Ngày nay còn mấy người «thưởng xuân» một cách tao nhã bằng thơ văn như thế nữa ? Mùa xuân đến đối với nhiều kẻ tục tử chỉ là cơ hội để ăn chơi cho thỏa thích, và để phô trương quần áo đẹp.

Chí cha chí chát khua dày dép

Đen thủi đen thui cũng lượt là.

(*Tú Xương*)

Anh thì :

Khăn xếp vành song, quần là ống sớ,
Nam phục phường trèo, âu trang tây gồ.

Chi thì :

Quần lĩnh lê thê, áo mầu sặc sỡ,
Xuyến mắc cùm tay, vang đeo lục cổ.

(*Tú Mỡ*)

Thiếu niên bây giờ đi chơi xuân bỏng cách vào các chùa chiền để... nhìn người đi lễ ;

Đầu năm nhàn hạ thảnh thơi
Thú chi hơn thú dao chơi chùa chiền.
Người đi lễ, kẻ đi... nhìn
Nhởn nhơ điềm các nàng tiên tâu thời.

(*Tú Mỡ*)

Hoặc vùi đầu vao cuộc đỏ đen :

Ngẫm sự chơi xuân thực vui ra phết.
Cờ bạc bê tha rượu chè be bét.
Tổ tép tổ tôm, tam cúc tam kế
Tài siu, tài bàn, ích xì, ích xọet.
.. Thưởng xuân còn dài, nhiều thứng còn chết,
Tháng tết chửa tàn tiền lưng đã hết.

Xuân hỡi là xuân ! Tết ơi là tết !

(*Tú Mỡ*)

Hoặc lăn lóc dưới xóm bình khang :

Xuống dưới xóm bình khang,
Chuyện nở như gạo vàng,
Chuyện dai như chão rách
Long cả bốn chân giường
Đồ cả bốn bức vách.

(*Tú Xương*)

Trong thơ của Sơn phong, cũng có nhời một anh « râu quặp » đầu năm van vợ xin phép đi chơi xuân :

Lạy mợ thương tối lấy một ngày,
Cả năm thảo khoán một hôm nay.
Rồi ra nếu lại đâu vào đấy.
Thì bộ râu nay mợ cứ xoay.

(*Sơn Phong*)

Trong một tác phẩm của ông Lê văn Hòe giới thiệu với chúng ta một nhà thơ trào phúng ít người biết đến, ông Ng. hữu Chu, tục gọi là ông Đồ Liên, mà giọng văn hài hước phảng phất giọng văn của thi gia sông Vị. Tôi xin trích dưới đây hai bài thơ xuất sắc của ông :

Dày nhứt mặt đàn ông

Mười hai bà mụ vụng về thay.
Nặn mặt đàn ông cũng quá tay,
Dao kéo cắt luôn nào thấy khuyết
Râu ria cao mãi vẫn còn đầy.
Trơ mà đến nỗi băm không lỗ,
Rắn quá như ai vạc vẫn dày.
Nếu để tự nhiên thây kệ nó.
Dễ thường mọc lấp mất mồm ngay !

Mỏng nhứt mặt đàn bà.

Mặt các cô sao vẫn mỏng quèn ?
Hay là bà mụ nặn không nên.
Tốn báo sọn phấn tô vào mãi,
Chẳng thấy xương da mọc nữa lên.
Trẻ vẫn ra công bồi với trát,
Già còn đái tật lóm và đen !
Từ nay có muốn thêm dày dặn,
Đừng rửa đừng chùi cứ để nguyên.

Trích trong quển « Thi thoại »

IV

Nụ cười ranh mãnh tạo nên bởi những cái bất ngờ.

Nhưng sự tài tình nhất trong văn hài hước là lối lấy những cái bất ngờ để trào phúng.

Một anh chàng kia ngu dốt lại muốn viết một bức thư thật văn chương để gửi cho người mình thầm yêu trộm nhớ. Không viết lấy được, anh ta phải tìm một quyển sách giậy viết thư, trong có đủ các bài kiểu mẫu, lại có sẵn cả mẫu thư cậu viết cho cô, và thư của cô giả lời cậu. Anh chàng chép nguyên văn một bức thư trong ấy, thì vài hôm sau nhận được giấy giả nhời vắn tắt cc

mấy câu : « Thưa ông tôi đã nhận được thư của ông rồi, ông cứ giở trang bên kia sẽ thấy bài giả lời ». Thì ra cô ả cũng có quyển sách ấy, và đã đọc cả bài gửi và bài giả nhời trong đó.

Alexandre Dumas fils một bôm dự tiệc ở nhà bác sĩ Gistal. Tiệc tan, bác sĩ xin nhà văn mấy chữ thủ bút làm kỷ niệm. Tác giả « Trà hoa nữ » (La dame aux Camélias) không nghĩ ngợi viết liền :

Khen cho bác sĩ đại tài,
Một tay cứu vớt bao người đau thương.

Nhà nước quyết phá nhà thương.

Chữa bệnh giỏi quá đến nỗi trong tỉnh không còn ai cần phải đến bệnh viện nữa. Nhà thương hóa ra vô ích, nên nhà nước quyết đem phá đi. Đối với một bác sĩ, còn có nhời khen nào bằng ? Gistal thích chí quá vội kêu ; « Gớm, ngài cứ đậy quá lời ». Alexandre Dumas fils lại thản nhiên viết nối :

Để xây hai cái nghĩa trang thay vào.

Lối hài hước ấy chính là lối của ông nghè Tân ngày xưa. Nhân cụ Nguyễn-công-

Trứ mới sinh con trai, ông Nghè viết bài thơ này mừng bạn :

Mừng ông nay mới đẻ con trai
Thực giống con nhà cả giống ai.
Mừng cho chóng nhớn mà ăn cướp...

La chưa ! Ai lại chúc con một ông Thượng thư nhớn lên đi ăn cướp bao giờ ! Mọi người sửng sốt thì ông nghè Tân đọc tiếp :

Cướp lấy khôi nguyên ấy mới tài.

Lại một hôm nữa, có ba anh em nhà kia đều làm đến bố chánh, án sát và tri phủ làm lễ thọ mẹ. Ông Tân ăn mặc giả nhà quê, xin vào xem câu đối, xem câu nào cũng bịt mũi. Người nhà bắt làm một bài thơ thật hay mừng bà cụ nếu không sẽ phải đòn. Ông nghè nói phải dọn cho ông một mâm cỗ thật to và con cá mai mục, con chó hai bụng nghiên và con thứ ba cầm bút thì ông mới làm thơ. Dọn ra, ông nghè cứ điềm nhiên ngồi uống rượu, mọi người đều sốt ruột, sau mãi ông mới ung dung đọc :

Lão bà phì thị nhân

(Bà lão này không phải là người)

Cụ cố sinh ra ba ông quan mà lại bảo không phải là người thì là giống gì ! Ai nấy đều tức giận đã bảo nhau đánh cho thằng bổn sược ấy một trận rừ đòn, thì uống hết một cốc rượu, ông lại đọc nối :

Đằng vân giá vũ giá phàm trần
(Đi mây đi gió xuống phàm trần).

Mọi người thở một hơi dài như trút được một gánh nặng. Uống cạn một cốc rượu nữa, ông lại viết tiếp.

Sinh hạ tam nam giai tố tặc
(Để được ba người con đều làm giặc cả).

Ai nấy ngơ ngác nhìn nhau, thì một lúc lâu, ông mới viết nối :

Đoạt chiếm bàn đào biến mẫu thân.
(Cướp lấy quả đào trên động tiên đem về dâng mẹ).

(trích theo báo Đông Pháp)

— Xưa có một thầy đồ vẽ ảnh cho một ông quan, quan lại muốn bác đề cả bài thơ. Bác liền viết duôn bốn chữ :

Chân Lão Cầm Thú
(Thực) (đồ cầm thú giả)

Không nói chắc ai cũng tưởng tượng được sự tức giận của ông quan lớn đến thế nào. Nhưng nhà nho thản nhiên viết nốt bài thơ tứ tuyệt. Thật ra bài thơ như thế này :

Chân tể tướng (thực quan tể tướng)
Lão trung thần (bậc trung thần già)
Chân chi phượng (như con phượng đứng đầu loài chim,
Tân chi lân (như con kỳ lân đứng đầu loài thú)

— Thư sinh kia ở trước cửa nhà một lão trọc-phú ngu dốt, mà lại kiêu căng. Tết năm ấy muốn chế nhạo anh nhà giàu, nhà nho dán đôi câu đối này ở ngoài cửa :

Gia trung vạn quyển thư
Môn ngoại tam cân trúc.

(Trong nhà có vạn quyển sách, đứng trước cổng có ba cây trúc), có ý mỉa anh nhà giàu chỉ có một tí chữ nghĩa nào cả. Có người giảng cho biết thư sinh kia nhạo báng mình, anh ta liền đem chặt ngắn những cây trúc ấy đi. Nhà

nho thản nhiên thêm vào mỗi vế một chữ:

Gia trung vạn quyển thư *trường*
Môn ngoại tam can trúc *đoản*

(Trong nhà có vạn quyển sách *dài*, đằng trước có ba cây trúc *ngắn*). Trọc phú tức quá, lần này đem nhổ hết hàng rào trúc đi, nhà nho lại thêm :

Gia trung vạn quyển thư trường *hữu*
Môn ngoại tam can trúc đoản *vô*.

(Trong nhà có những vạn quyển sách dài, đằng trước không có được đến ba cây trúc ngắn' (theo Nguyễn công Hoan).

— Ai cũng biết những tín đồ đạo Lão và đạo Khổng thường hay chỉ trích bàng bổ lẫn nhau. Có một người theo đạo Lão nhà có bức tranh vẽ ông Lão tử ngồi nói chuyện với đức Phật Thích ca, còn đức Khổng Tử *bò phục xuống đất mà nghe*. Một hôm, muốn riễu nhà nho nọ ông kia chỉ vào bức vẽ, nói nhờ đề bộ bài thơ. Nhà nho thản nhiên đề ngay :

Lão thi thuyết pháp
Phật thị đàm kinh

Khổng Tử văn chi
Tiếu nhi truy địa.

(Ông Lão Tử thuyết pháp, đức Phật bàn kinh, đức Khổng Tử nghe thấy *cười bò lăn ra đất*).

(*Theo « Văn đàn bảo giám »*)

V

Khi các nhà văn hài hước bằng lối « bỡn chữ ».

Vào hồi cách mệnh bên Pháp, có một người tên là Martainville bị bắt giải ra Tòa cách mệnh, vì ông ta là một người bảo hoàng rất sốt sắng.

Quan tòa hỏi : Tên anh là gì ?

— Tên tôi là Martainville

— *De* Martainville chứ ? (chữ *de* là phụ-ngữ dùng để trước tên các nhà quý tộc, như : Alphonse *de* Chateaubriand, Duc *de* Richelieu v. v... Quan tòa có ý nói: chắc anh là quý phái, nhưng anh bỏ chữ *de* trước tên anh để lừa tôi chứ gì ? — Vì những nhà quý phái hồi bấy giờ đều bị bắt

và giải ra tòa làm tội cả, và thường thường khó tránh được lưỡi dao của đạo phủ).

— Tôi đến đây để người ta *cắt ngắn đi* (raccourcir) chứ không phải để người ta *nối dài ra* (allonger) : je suis ici pour être *raccourci*, et non pour être *allongé*.

Ý nói tên tôi là Martainville thôi, sao ông lại cho thêm chữ *de* vào cho nó *dài ra*. Vì chữ *raccourcir* (*cắt ngắn đi*) còn có nghĩa là *chém đầu*, cho nên câu nay ông Martainville muốn nói : « Tôi đến đây để rồi thế nào cũng bị *chém đầu*, ông còn nói lôi thôi làm gì nữa ».

— Nếu thế thì *làm rộng* nó ra vậy. (Alors qu'on l'élargisse !) : có ý nói : nó không muốn *nối dài ra* thì *làm rộng nó* ra vậy, nhưng chữ *élargir* còn có nghĩa là *thả ra* cho nên chỉ vì quan tòa cũng muốn « bỡn chữ » như tôi nhân ma Martainville được tha và thoát chết).

Bên ta những kẻ dụ về cách hài hước bằng lối tá âm như thế rất nhiều : (1)

---

(1) Xem bài : «Từ cách « bỡn chữ » của người Pháp đến lối « tá âm » trong câu đối của ta », trang 30-42.

— Ở Ninh Bình ngày trước có một ông quan làm thơ lại sai thợ đục vào núi đá, sau lại còn đục cả hai bàn chân vào đá nữa, cho nên thi sĩ Tản Đà đã làm bài tứ tuyệt này để riễu :

Năm ngoái năm xưa *đục* mấy vần,
Năm nay quan lớn *đục* hai chân.
Khen cho đá cứng bền gan thật,
Chịu được cho quan đục mấy lần.

— Một hôm chồng là ông Phủ Vĩnh-Tường đi vắng Xuân Hương nhận được cái đơn xin phép mổ bò, liền phê vào đơn mấy câu này :

Chuẩn y quả việc tế thần,
Bằng gian bán *thịt* bà dần *xương* ra.
Manh *lòng* dối trá cửa ta
Bà tru *trọc tiết* không tha một tằng.

— Tú Xương cũng có khi hỡn chữ, nhưng lối châm biếm của ông mới cay độc làm sao ! chắc mọi người còn nhớ chuyện ông nhạo báng cậu công-tử nọ ở Nam Thành, tính ngông nghênh tự đắc, đi đâu cũng điếu cháp vênh vang. Vì bà mẹ cậu dan díu với chú tiểu chùa Phù Lương, nên thi sĩ viết :

Thôi đừng điếu cháp vênh vang nữa
Thằng tiều Phù Lương nó *chửi* mày.

(Muốn hiểu nghĩa chữ « chửi » ở đây, nên nghĩ đến câu người ta thường dùng để chửi. Và nếu vẫn chưa hiểu, xin độc giả xem quyển Chương-dân thi-thoại của Phan Khôi, trong đó tác giả đã không ngại giảng đến nơi đến chốn).

Lại còn mấy ông bạn của Tú Xương nữa, chung nhau chụp một tấm hình xong lại dại dột nhờ ông đề ảnh. Để làm cái đích cho ông chêm biếm một cách rất cay độc và hỗn sược :

Cử Thăng, Huấn Mỹ, Tú Tây hồ
Ba bác chung nhau một cái.., đồ!
Mới biết trời cho xum họp mặt
Thôi đừng chê nhỏ lại cười to! (1)

Một vài tỉ dụ khác :

Một hôm ông Hà tôn Quyền nhờ ông Trứ đối hộ một vế câu đối sau này, nói là mình không làm được, nhưng

---

(1) Xem « Trên giòng sông Vị » của Trần thanh Mại.

thật ra có ý châm chọc ông Trứ. Câu đối ra thế này :

Quân tử ố kỳ văn chi *trứ*. (Người quân tử ghét văn loè loẹt). Lại còn có nghĩa là người quân tử ghét ông Trứ, ông Trứ đối :

Thánh nhân bất đắc dĩ dụng *quyền* (Bực thánh nhân bất đắc dĩ mới dùng đến thế *quyền* biến. Lại còn nghĩa là : vua bất đắc dĩ mới phải dùng ông *Quyền*). Câu đối hay là vì chữ *quyền* đối với chữ *trứ*, (hai chữ còn là tên người nữa) và câu dưới chữ lấy ở « Tử thư » đối với câu trên chữ lấy ở sách «Trung dung». (1)

— Một ông quan kia bắt một anh học trò phải đi phu. Người học trò trốn tránh, quan bắt vợ đi thay. Thư sinh chạy đuổi theo vấp ngã. Quan bắt lại ra cho câu đối. Câu ra rằng :

---

(1) Theo ông Nguyễn-văn-Tố (Tri-tân số 15) thì đôi câu đối này lại là của ông Cao-bá-Quát làm ra để nhạo ông Hà-tôn-Quyền và ông Ng.-đức-Chứ là hai người có tiếng tăm, danh vọng trong chiều hồi bấy giờ. Không biết thuyết nào đúng.

Phu là *chồng*, *phụ* là *vợ*, vì *chồng vợ* phải đi *phu*. Câu nay khó đối vì chữ *phu* trên là chồng, chữ *phu* dưới lại nghĩa là phu phen. Người học trò đối rằng :

Ngã là *ta*, *nhĩ* là *mày*, *tại mày* nên ta hoa *ngã*. Câu đối lại rất tài tình vì trên tìm được chữ *ngã* là ta đem đối với *phu* là chồng, xuống dắt đem đối với chữ *phu* à phu phen. Lại được cái hay là quan nói đến *vợ chồng* mà người học trò lại nói đến *mày*, *tao*, tuy rằng gọi vợ và tự xưng với vợ, nhưng lại còn ngụ cái ý ngạo-nghễ mày tao với ông quan. (*Trích trong quyển «Câu đối» của Nguyễn-văn-Ngọc*)

— Hai câu dưới đây là của vua Lê-thánh Tôn :

Ý nhất trung y, *đởm thế gian chi nan sự*. Đề tam xích kiếm, *thn thiên hạ chi nhân tâm* (Mặc một cái áo nhung, *làm những việc khó trong thế gian* — Đưa lưỡi gươm ba thước, *thu hết cả lòng người trong thiên hạ*). Thoạt mới đọc, ai cũng tưởng tác giả ca tụng công nghiệp

hiền bách của một vị danh tướng nào đó. Nhưng không, đây chỉ nói về công việc của một anh... mũi thụng!

— Mấy câu ca-dao sau này cũng dùng lối « tá âm » :

Ba già đi chợ cầu Đông,
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?
Ông thầy xem quẻ nói rằng :
Lợi thì có lợi, nhưng răng không còn.

VI

Từ cái cười chảy nước mắt của Tú Xương đến cách mỉa mai bông đùa trong ca dao

Nhà văn lại còn dùng lối « phản ngữ » (ironie) để tạo nên một cái cười mỉa mai chua chát. Có cái cười chứa chất sự phẫn nộ khinh bỉ như của Ruy Blas (trong vở kịch có tiếng của V. Hugo), khi được làm thủ tướng, một hôm vào phòng « Cơ-mật viện » nghe thấy các quan thượng thư đang chia tay vơ vét thuế má của cải trong nước, tranh nhau cãi nhau om sòm, ghen tị nhau vì người được nhiều được ít. Ruy Blas đã vào buồng bội nghị được một lúc mà không ai biết, nghe thấy hết cả, liền kêu lên rằng « xin chúc

các ngài ăn uống cho ngon miệng! Hỡi các vị thượng tọa liêm khiết, hỡi các bực cố vấn cao đức, ấy các ngài phụng sự tổ quốc như thế đó!...» Lại có cái cười điên rồ của kẻ tuyệt vọng như của Oreste trong kịch Andomaque của Racine, cảm ơn trời phật đã ban ơn cho mình «đã cố công cùng sức cho mình được hưởng được tất cả những điều đau khổ ở đời.» Bị người yêu ruồng bỏ, sau khi đã vì nàng mà phạm tội sát nhân, anh ta nói «Sự thống khổ của tôi thật đã được quá lòng tôi mong mỏi. Tôi chết thế này cũng không còn ân hận gì nữa. Số phận tôi như thế là đầy đủ lắm rồi!»

Cái cười của Tú Xương cũng là một cái cười chảy nước mắt, cái cười chua chát của một nhà nho sống trong buổi giao thời. Mới cũ sung đột nhau để gây nên bao nhiêu tấn kịch bi thương, phong hóa mỗi lúc một xuy, nhân tình càng ngày càng bạc, thi sĩ đã phải thốt lên tiếng kêu đau đớn:

Muốn mù giời chẳng cho mù nhỉ

Giương mắt làm chi buổi bạc tình.

Cho nên Tết đến, thấy thiên hạ chúc lẫn nhau đặt những giàu sang phú quý, vợ đẹp con khôn, thi sĩ không chúc cho họ được « sống lâu trăm tuổi bạc đầu răng, » hay là « sinh năm đẻ bầy được vuông tròn, » mà chỉ chúc họ sống ở đời làm thế nào cho khỏi hổ với cái tiếng làm người. Mia mai và cay độc thay bốn câu tứ-tuyệt của nhà văn yếm thế :

Bắt chước ai ta chúc mấy lời :
Vua, quan, sĩ, thứ, người muốn nước
Sao được cho ra cái giống người !

Tiên sinh không những khổ tâm về nhân tình thế thái, mà lại còn thêm nỗi nghèo túng quanh năm, nhà lại bị tịch biên, mấy thước vườn hoang bán sạch, cơm không chạy nổi ngày hai bữa, mà vợ vẫn quen « thói cũ ba năm đôi ». Thi sĩ từ nghìn xưa vẫn là người giàu tình cảm hơn là giàu tiền tài. Cổ nhân có câu : « Từ trước đến nay người ta không được thấy mỹ-nhân và danh-tướng đầu bạc bao giờ. » Ta cũng

có thể nói: « Có ai được thấy thi-sĩ sống trong cảnh giầu sang sung sướng? » Ngày xưa có người đã than: « Giường đốt mất rồi, mỗi đêm phải ra ngủ nhờ sư, lương hết, vợ phải đem gửi nhà nhạc mẫu (Sàng thiêu dạ mỗi y tăng tháp, Lương tận thê thường ký mẫu gia). Nguyễn công Trứ lúc bàn vi cũng đã « lừng danh công tử sác », tết đến chỉ có chừng ba chiếc bánh chưng và nửa siêu rượu thuốc! Từ diễn Đồng thì kêu:

Vạn nợ lắm khi chan nước mắt,
Chạy cơm từng bữa toát mồ hôi.

Tú Xương cũng nói:

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông.
Tưởng rằng ốm nặng hóa ra không.
Một tuồng rách rưới con như bố,
Hai chữ nghèo ngạo vợ chán chồng.
Nghèo quá đến nỗi muốn ăn mấy xu quả cũng không có tiền.

Sực chúc mày rao đã điếc tai,
Tiền thời không có biết vay ai?
May ai bảo chịu tao vài bát,

Sáng mai tao giả một thành hai.

Lại thêm nỗi luôn mấy năm phạm trường quy, công danh lận đận, trong khi những đứa ngu đần, dốt nát, thì nhan dạt lấy cử, tú rầm rầm!

Cử nhân cậu Ấm Kỷ,
Tú tài con Đô Mỹ,
Học thế thế mà thi
Ô! Khỉ ơi là khỉ!

* * *

Hai đứa tranh nhau cái thủ khoa
Đứa khoe văn hoạt, đứa văn già.
Năm nay đỗ đặt phường hay chữ
Kìa bác Lê kia cũng thứ ba!

* * *

Sơ khảo năm nay bác cử Nhu
Thật là vừa dốt lại vừa ngu.
Văn chương nào phải là đơn thuốc
Cho cơ khuyên xẳng chết bỏ bu!

Vả lại nho học đến ngay tàn, trong thời buổi ấy, các nhà nho lại bị người ta rẻ rúng, chê cười rằng « hủ »!

Ngán nỗi nhà nho bon *hủ* ta
Hủ sao *hủ* gớm hủ ghê mà!

Phen này cái *hủ* xưa đi bết
Cứ để cười nhau hủ mãi a!

Vì không chịu theo thời thế, cho nên phải sống một cảnh bần hàn, đến nỗi « vợ phải lăm le ở vú, con tấp tểnh đi bồi », cả thi sĩ nữa cũng chẳng tiếc rằng chịu đi làm từ trước, « chẳng phán không thông cũng cậu bồi »

Một lần khác ông lại viết :

Biết dày đi học làm ông phán
Sáng rượu sâm banh tối sữa bò.

. . . . . .

— Và sau cùng dây là một vài lí do về lối trào lộng bằng cách phản ngữ trong ca dao ;

—Làm trai cho đáng nên trai,
Ăn cơm với vợ lại nài cậy niêu.
Làm trai rửa bát quét nhà,
Vợ gọi thì dạ : « Bẩm bà tôi đây! »
Làm trai cho đáng nên trai
Vợt đũa cho dài ăn dỗ cơm con
—Đồn rằng quan tướng có danh
Cưỡi ngựa một mình chẳng phải vạ ai
Bạn khen rằng ấy mới tài,
Bạn cho cái áo với hai đồng tiền.

Đánh giặc thì chạy trước tiên
Sòng vào trận tiền cởi khố giặc ra.
Giặc sợ giặc chạy về nhà,
Giờ về gọi mẹ giết gà khao quân.

VI

Hai lối thơ hài-hước của người Việt-Nam : lối « tiệt hạ » và lối thơ « Yết hậu ».

« **Tiệt hạ** » là lối thơ câu nào cũng bỏ lửng như bị ngắt ở cuối, nhưng ý nghĩa rõ rệt, người đọc đoán mà hiểu được. Người Pháp cũng có lối réticence (phép mặc thuyết) tương tự như thế. Bài thơ nghộ-nghĩnh sau này viết theo lối tiệt hạ :

Thấy gái hồng nhan bỗng chốc mà..
Hỏi thăm cô ấy chửa hay đà...
Hình dong yểu điệu in như thể...
Diện mạo phương phi ngỡ tưởng là...
Ăn mặc ra tuồng người ở chốn...
Nói năng phải lẽ giống con nhà...
Ước gì ta được mà ta để...

Ta đề đem về đề nữa ta...

(Vô danh)

Còn « **Yết hậu** » là lối thơ có bốn câu, thì ba câu trên đủ chữ, còn câu dưới chỉ có một chữ. Tất cả cái ý vị của bài thơ thường ở trong chữ cuối cùng hạ một cách đột ngột ấy (1) :

Xưa có một nhà, cha chè chén, con ham mê cờ bạc. Một hôm người cha đang uống rượu thì thấy con đi đánh bạc về, liền ngâm thơ răn con :

Ác lặn xăm xăm bước,
Gà kêu lủi lủi về.
Quan ngắn hết, dài hết
Mê !...

---

1) Troug thơ Pháp, có lối thơ TIẾNG VANG (Echo), gọi thế vì tiếng cuối cùng một vài câu đem lấp lại làm câu sau, và như vậy câu sau ấy chỉ có độc một chữ, phảng phất như trong lối thơ YẾT HẬU của ta. Ví dụ như bài sau này :

On voit des commis
Mis
Comme des princes,
Qui sont venus
Nus
De leurs provinces.

Thằng con bất hiếu cũng ngâm bọa lại :

Một năm mười hai tháng,
Một tháng ba mươi ngày.
Be bé hết, lớn hết.
Say !..

Bố nổi giận đá tung mâm rượu, vác mâm đuổi đánh con. Con túng thế, đạp đổ vách lấy lối chạy. Người mẹ nghĩ chán chường cũng ngâm :

Trông lên tường vách đổ,
Ngó xuống mâm bát rồi.
Bố thế, con như thế,
Thôi !..

(Theo Tam Hữu trong báo « Thông Tin »

— Lại một hôm kia, một tấn hài kịch đã diễn ra trong một ngôi chùa nọ. Sư ông ở trong nhà có một mình vợ mụ vãi bộ, ngồi buồn, liền tỉ tê ôm mấy vần thơ trong ghẹo :

Nhân khi vắng chiền già,
Yêu nhau chút gọi là.
Mời vãi xuống nhà oản,
Ta...

Vãi tức mình giả nhời :
Tiếng rằng đã xuất gia

Còn đeo thói nguyệt hoa !
Sư mô đâu có thế ?

Ma...

Thấy mình bị cự, sư ông giận, đọc luôn :

Quy, ai bảo chẳng nghe,
Chủng chẳng có phen què !
Ở chùa ăn hai oản !

Về...

Vãi cũng sỉa sói trỏ vào mặt sư mà mắng :

Thế mà tụng kinh sử !
Nhởn nhơ mặt cũng như...
Thế mà đeo tràng hạt !

Sư...

Trong khi hai bên đang cãi cọ, chú tiểu sực đi qua hiểu biết sự tình, cũng vui miệng đọc luôn :

Thấy sự nực cười thay :
Sư ghẹo vãi ban ngày !
Vãi chẳng nghe, sư cáu...

Hay...

Nhà sư thấy chú tiểu biết truyện, sợ hãi, vội vàng vơ lơn, sợ chú bạch sư cụ thì rầy rà to.

Chú tiểu thực là ngoan,
Làng bảo chớ nói càn,
Mai cho nhiều oản chuối.
Van !...

Tiểu tạ giả nhời :

Sự biết chẳng mình tôi,
Làng biết nữa đi đời !
Đã van không nói nữa.
Thôi !...

Và tấn kịch đến đây thì hạ màn.

(Theo Tiên Đàm trong báo Tri-Tân)

ĐỂ KẾT LUẬN...

R. KIPLING NHẰM:

Đông phương và Tây phương
thật ra đã nhiều lúc
gặp nhau

I

Những sự gặp gỡ trong văn-chương

« Đông Phương là Đông-phương, Tây-phương là Tây phương, vạn cổ không bao giờ gặp nhau được ». Nhời nó quả quyết cửa nhà đại văn hào nước Anh đó có nhẽ không được đúng lắm chăng? Trong những chương trên, tôi đã lần lượt bầy tỏ rằng Đông, Tây thật đã nhiều khi gặp nhau trong ngôn ngữ và văn chương, chứ không phải chỉ gặp nhau trên một chiếc trường-kỷ (un divan) như nhời Maurice Dekobra đã nói khoái hài độ nào. Ta nhận thấy rằng người Pháp và người Nam trong lúc tìm cách diễn đạt tư tưởng cho mạnh mẽ, hay làm bộng bầy câu văn, đã cùng nhờ đến những phương-pháp như nhau: các lối

tỉ lệ, ám tỉ, thậm xưng, ngoa ngữ, đối ngẫu, hay nhân cách hóa, đều luôn luôn thấy trong các tác-phẩm của nhà văn hai xứ. Họ dùng cùng một phương pháp để tạo nên « hình ảnh », hay để tìm lấy nhạc điệu trong thơ, họ lại cùng lấy lối « bốn chữ » làm một cách tiêu khiển tao nhã bằng văn chương. Cả đến văn hài hước, sự gặp gỡ ấy cũng thấy rất rõ rệt. Còn biết bao nhiêu bằng chứng khác nữa ; như cách nói « bỏ lửng » (réticence) của người Pháp, ta cũng thấy có trong lối thơ tiệt hạ của ta. Và các lối khác, như « lược văn pháp » (ellipse) « uyển khúc ngữ pháp » (euphémisme), lối « dụng điển » (allusions littéraires ou historiques) lối « hoán dụ » (métonymie), phép « hô khởi » (apostrophe), phép « giả tá » (catachrèse), lối « chuyển nghĩa » (Synecdoque) đều rất thông dụng trong ngôn ngữ và văn chương Việt-Nam.

Ta có thể nêu ra bao nhiêu tỉ dụ khác nữa để chứng thực cho sự gặp gỡ ấy : như người Pháp dùng lối « huitains », thì ta cũng có lối « bát cú »,

và lối « quatrains » chính là lối «tứ tuyệt» của ta và của Trung Hoa. Những nhà thơ mới bây giờ bắt chước người Pháp dùng lối «giản đoạn» (enjambement) chắc không ngờ đâu rằng xưa kia cụ Nguyễn huy Hồ cũng đã biết cách đặt câu như thế. Tác giả « Mai-đình mộng-ký » đã viết :

Duyên tế-ngộ, hội công danh
Là hai, với nghĩa chung tình là ba.

Và trong Kiều có câu :

Rằng như quả có thế thì
Trăng-hoa, nhưng cũng thị phi biết điều.

Hay như trong câu này của Tôn thọ Tường :

Ngó lại đầu xanh thương những kẻ
Trầm luân chưa khỏi kiếp hồng nhan.

Sự gặp gỡ ấy lại còn thấy trong văn ngụ ngôn Đông Tây. La Fontaine có bài « Cô Perrette và liễn sữa » thì ta cũng có bài « Tai hồng nghĩ là đồng tiền »: thằng cu Tỵ xuống ao rửa bát, thấy có cái tai hồng ngỡ là đồng xu, rồi cũng như Perrette đâm ra mơ tưởng viển vông, mơ màng một tương lai rực rỡ,

rồi lại phải trở về với cái hiện tại chán nản của mình. Cu Tỵ tan mộng khi lăn tòm xuống ao, cũng như Perrette tỉnh giấc vàng lúc chị chàng nghĩ đến con bò nhảy tưng tăng, rồi cũng nhảy cỡn lên, đánh đổ cả liễn sữa.

Chuyện « Con hồ mượn oai hổ » của Giang Nhất dùng để can vua Tuyên Vương nước Sở nào có khác gì chuyện « Con lừa đội lốt hổ » của Esope? Tô Tần kể chuyện « con trai và con cò » có ngờ đâu rằng ở tận trời Tây xa lắc, La Fontaine cũng có viết bài « Con trai và con chuột ». Con lang trong ngụ ngôn của người phương Tây « rút gai cho con lừa » cũng giống như « con chim rút xương cho con sư tử » trong truyện của người phương Đông, và nếu châu Âu có chuyện « Lũ chuột cứu mệnh cho sư tử », thì châu Á cũng có bài « Lũ chuột cứu mệnh cho voi ». Còn nhiều bài ngụ ngôn khác giống nhau như thế nữa. (1)

---

(1) Xem « Đông tây ngụ ngôn » của Nguyễn văn Ngọc.

II

Trong ngôn ngữ

Về phương diện ngôn ngữ, Đông Tây đã gặp nhau một cách rất lạ lùng, nhất là trong những ngạn ngữ Pháp và Nam, nhiều khi giống hệt nhau cả về ý lẫn từ, giống nhau quá đến nỗi có thể tưởng như đã lấy những câu ở tiếng nước nọ đem dịch sang tếng nước kia vậy.

A. — Tỉ dụ lấy trong tục ngữ, phương ngôn Pháp và Nam (1)

Ngạn-ngữ Pháp	Ngạn-Ngữ Nam
— L'œil du maître engraisse le cheval (chủ có để mắt tới, thì ngựa mới béo tốt được).	Chủ ở nhà, lợn gà no bụng.

(1) Ông Chỉ Qua Hồ Phủ trong quyển « LA SAGESSE POPULAIRE DE FRANCE ET D'ANNAM » đã tìm được 300 câu ngạn ngữ Pháp và Nam giống hệt nhau như thế.

— Le plus riche en mourant n'emporte qu'un linceul (Giầu có đến đâu, chết đi cũng chỉ mang theo được đồ khâm liệm).

Vua Ngô băm sáu tàn vàng, chết xuống âm phủ không mang được gì.

Chín đụn mười trâu, chết cũng hai tay cắp đít.

— La langue humaine n'a pas d'os, mais elle casse poitrine et dos. (lưỡi không xương mà đập vỡ được cả ngực, làm gầy cả lưng)

Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.

— La fête passée, adieu le saint (lễ xong thì đi đất. lại kẹ thầy ông thánh)

Hết chầy thầy

— Tout se fait négligemment là où l'un) ai đóng cửa chùa à l'autre s'attend (cứ người nọ trông vào người kia là công việc trễ nải).

Lắm sãi không

— L'homme marié est un oiseau en cage dưa dinh chân.

Trai có vợ như

(trai có vợ như chim
trong lồng)

— Les loups ne se mangent pas entre eux (chó sói chả ăn thịt lẫn nhau).

Hổ không ăn thịt con.

— Qui apprend un métier achète des terrains et des vignes (Học được một nghề như đã mua được đất cát và vườn nho)

Ruộng bề bề không bằng nghề trong tay.

— Contentement passe richesse (Trong lòng rang, còn hơn thảnh thơi còn hơn giàu có)

Thà ăn hạt muối ăn vàng mà khóc.

— Il faut hurler avec les loups (Gặp đoàn áo cà sa đi với chó sói thì phải gào ma mặc áo giấy với sói)

Đi với bụt mặc

— La faim chasse le loup du bois (Đói quá phải ló chó sói cũng phải ở trong rừng chui ra)

Bụng đói đầu gối

— Mon verre n'est pas

Chồng người

grand, mais je bois dans mon verre (Cốc tôi không to, nhưng tôi thích uống bằng cốc của tôi)

sang trọng người yêu, chồng em khổ rác em chiều em thương.

Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

— Grande fortune, grosse servitude (Giầu sang lắm, phiền lụy càng nhiều)

Càng cao danh vọng, càng dày gian nan.

— Il n'y a pas de fumée sans feu (Không có lửa thì không khi nào có khói)

Thế gian chẳng ít thì nhiều, không dưng ai nỡ đặt điều cho ai.

— Plus on se découvre, plus on a froid (Mặc áo càng hở nhiều càng lạnh)

Môi hở răng lạnh

— Chat échaudé craint l'eau froide (Mèo bị nước bỏng, đến khi thấy nước lã cũng sợ)

Phải tên chim mới sợ làn cây cong (Kiều)

— Qui a argent, on lui fait fête (Ai có tiền

Vai mang túi bạc kè kè, nói quấy

có của thì được kẻ rước người mời)

— On voit la paille dans les yeux des autres on ne voit pas la poutre qui est dans les siens.
(Trong mắt người thì cái rơm ta cũng trông rõ, trong mắt mình dù có cả cái sà nhà, mình cũng không thấy)

— A beau mentir, qui vient de loin (đi xa về, tha hồ nói dối)

— Par trop tendue, la corde se rompt (già néo đứt giây)

— La vérité nous pique (Sự thật làm ta mếch lòng)

— Tel père, tel fils

nói quá người nghe rầm rầm.

Chân mình lấm đất mê mê, còn cầm bó đuốc mà rê chân người. Con chó chê khỉ lắm lông, khỉ lại chê chó ăn rông ăn dài. Lươn ngắn lại chê trạch dài thờn bơn méo miệng chê trai lệch mồm.

Đi xa về gần tha hồ nói khoác.

Già néo đứt giây

Sự thật mất lòng — Trung ngôn nghịch nhĩ (ngạn-ngữ tầu).

Cha nào con ấy.

(Cha nào con nấy)

— Bien mal acquis Của phi nghĩa ne profite jamais (của chẳng giầu đâu. phi nghĩa chả làm gì)

— Qui de tout se Một sự nhịn là tait de tout a paix (việc chín sự lành gì cũng nhịn, thì bao giờ cũng được yên ổn hòa hảo)

— A bon vin point Hữu sạ tự nhiên d'enseigne (Rượu ngon hương không cần phải biển rao hàng)

— La richesse attire Khi vui thì vỗ les am's mais la pau- tay vào, đến vreté les éloigne (Giầu khi vận hạn thì thì bạn hữu đầy nhà nào thấy ai. đến khi nghèo khó chẳng ma nào nhìn)

— Qui ne dit rien Làm thinh là tinh consent (không nói gì đã đẹp, nghĩa là đã bằng lòng rồi)

Tous les doigts de Mười ngón tay la main ne se ressem- cũng còn có ngón

blent pas (10 ngón tay dài ngón ngắn không phải ngón nào cũng giống ngón nào)

— La force prime le droit (Cường quyền thắng công lý thắng công-lý)

— Faute d'un moine, l'abbaye ne chôme pas (Thiếu một thầy tu nhà tu chẳng đóng cửa cũng vu nao).

— L'homme est feu, la femme est étoupe, le diable vient qui souffle (Đàn ông là lửa, đàn bà là rơm, quỷ đến thổi lửa cháy bùng lên).

— Qui vole un œuf, vole un bœuf (Bé ăn cắp trưng nhớn ăn trộm bò).

— Il suffit d'une brebis galeuse pour gâter tout le troupeau (một Bé ăn trộm gà, già ăn trộm trâu. Một con sâu làm rầu nồi canh.

con chiên ghẻ đủ làm hỏng cả đàn).

Il semble à un larron que tout le monde lui ressemble (Đứa ăn trộm tưởng ai cũng có thói gian tà như mình).

Bụng mình có thói gian ta, mà mình lại nghĩ người ta như mình.

— Les gros poissons mangent les petits (Cá lớn ăn cá bé).

Cá lớn nuốt cá bé.

— Qui aime bien, châtie bien (Yêu lắm mới quở phạt nhiều).

Yêu cho vọt ghét cho chơi.

— Petites causes, grands effets (việc nhỏ, mà kết quả hoa ra can hệ).

Cái sẩy nẩy cái ung. Sai một ly, đi một dặm.

— Le chat parti, les souris dansent (Mèo đi khỏi, là chuột nhảy cỡn)

Vắng chúa nhà gà vọc niêu tôm.

— Qui trop choisit prend le pire (Kén chọn qua lại vớ phải của xấu).

Già kén kẹn hom.

—L'homme propose,
Dieu dispose (mưu sự tại nhân, thành sự tại hiêu)

— Un malheur n'arrive jamais seul (họa vô đơn chi)

— L'honnête homme n'a qu'une parole (quân tử nhất ngôn)

— Les murs ont des oreilles (vách có tai)

— Il n'y a que le premier pas qui coûte (chỉ bước đầu là khó)

— Un coup de langue est pire qu'un coup de lame (một nhời nói còn nguy-hiểm hơn một nhát dao)

—Qui trop embrasse, mal étreint (ôm lắm thứ, thì ôm không được chặt)

Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên.

Họa vô đơn chi

Quân tử nhất ngôn.

Rừng có mạch, vách có tai.

Vạn sự khởi đầu nan.

Miệng lưỡi độc hơn gươm dáo.

Bó lớn quá thì chẳng chặt.

— Qui mal veut, mal lui tourne (hại nhân, nhân hại)

Hại nhân, nhân tương báo.

— La lampe de chacun éclaire sa maison (đèn nhà ai nấy dạng cho nhà ấy)

Đèn nhà ai nhà nấy thắp chiếu (tục ngữ tàu)

— Il faut tendre la voile suivant le temps, ou : Selon le vent, la voile (Phải tùy theo gió mà quay buồm)

Kéo buồm theo gió — Tùy phong chuyển phàm (Phải tùy theo (tục ngữ tàu).

— Argent fait tout (có tiền thì muốn gì cũng được).

(Có tiền mua tiên cũng được.

— Bien bas choit qui trop haute monte (càng lên cao càng xuống thấp)

Trèo cao ngã đau.

— Bonté passe beauté (lòng tử tế còn hơn sắc đẹp)

Cái nết đánh chết cái đẹp

— A bon chat bon rat (mèo hay lại có chuột)

Vỏ quýt dầy móng tay nhọn

— Autant de têtes, autant d'avis (càng nhiều người thì lại càng nhiều ý kiến khác nhau)

— Le père a mangé des raisins verts et c'est le fils qui a les dents agacées (Cha ăn nho xanh, nên bây giờ con mới ghê răng)

— L'oisiveté est la mère de tous les vices (ăn rưng ngồi rồi, sinh bất thiện. r. đủ các nết xấu)

— On ne fait rien de rien (không có gì thì gột nên hồ. làm gi nên)

— L'eau va toujours à la rivière (nước chảy chỗ trũng. ra sông)

— Un bienfait n'est jamais perdu (làm ơn Ở có nhân, mười không bao giờ thiệt) phân không thiệt.

— Les paroles volent (Lời nói bay đi, không còn bằng cớ) — Khẩu thuyết vô bằng

— Autres temps, autres mœurs (mỗi thời, mỗi tục) — Thời đại nào, kỷ cương ấy

— La prudence est la mère de la sûreté (cẩn thận thì bao giờ cũng chắc chắn, không phải lo ngại gì nữa) — Cẩn tắc vô ưu.

— Aux grands maux, les grands remèdes (bệnh nặng phải dùng tiên thuốc mạnh) — Bệnh quỷ thuốc

— Après la pluie, le beau temps (tạnh mưa, thì trời lại nắng ráo) — Qua cơn bĩ cực đến tuần thái lai

— Expérience passe science (lịch duyệt lại bằng tay quen hơn học-thức) — Trăm hay không

— Vivre d'abord, philosopher ensuite (cầu sống đã, triết lý hãy để lại sau) — Có thực mới vực được đạo

B. — Tỉ dụ lấy trong những thành ngữ Pháp và Nam

Người Pháp nói	**Người Nam nói**
— Ce n'est pas la peine de jeter des perles aux pourceaux (hoài hạt trai mà vứt cho lợn)	Hoài hồng ngậm cho chuột vọc hoài hòn ngọc, cho ngâu vầy.
— Jeter la pierre et cacher le bras (ném đá giấu tay)	Ném đá giấu tay.
— Ne réveillez pas le chat qui dort (mèo đang ngủ thì đừng chọc cho nó dậy)	Đừng chọc.. ra mà ngửi Đừng trêu mẹ mướp mà sơ có ngày.
— Attendre que les alouettes tombent toutes rôties (đợi có những con sơn ca quay sẵn nó rơi vào miệng : nói về các anh đại lãn)	Há miệng chờ sung
— Il vaudrait mieux parler à son bonnet (tha nói với cái mũ đội đêm của mình)	Thà vạch đầu gối ra mà nói.

— J'ai mis le doigt où il fallait — On le gratte par où il démange (gãi vào chỗ ngứa)

Gãi vào chỗ ngứa

— Tuer le ver (giết sâu bọ : uống rượu)

Giết sâu bọ.

— Coup de pied de l'âne (cái đá của con lừa: trong bài « Con sen từ trở về già », La fontaine kể chuyện một con sư tử đến lúc già nua tuổi tác, bị bò đến húc, chó sói đến cắn, lừa đá cho một vó)

Rồng chơi chỗ cạn tôm cù nách, hổ xuống đồng-bằng chó vuốt đuôi. Thất thế kiến tha bò, sa cơ ruồi đuổi ngựa.

— Des gens blancs de bec, sales de nez (đồ nhãi con, vắt mũi chưa sạch)

Đồ vắt mũi chưa sạch

— Avoir le cœur en fête (lòng như mở hội)

Vui như mở cờ trong bụng.

— Mesurer la terre (đo đất : ngã)

Đo đất.

— Ramasser une bû-che (vồ khúc gỗ củi :

Vồ ếch. —

— Tomber les quatres fers en l'air (ngã chổng bốn vó lên giời)

Ngã chổng bốn vó lên giời. Ngã chổng gọng.

— Soulager une montre (đỡ nhẹ một cái đồng hồ : ăn cắp)

Đỡ nhẹ một cái đồng hồ.

Jeter de l'huile sur le feu (lửa cháy đổ thêm dầu)

Lửa cháy đổ thêm dầu. — Hỏa thương thiêm du (tục ngữ tầu)

— Crever de rire (cười vỡ bung)

Cười vỡ bung.

— Près de la terre et loin du ciel (gần đất xa trời)

Gần đất xa trời: sắp chết.

— Ne pouvoir retenir ses larmes (không cầm được nước mắt)

Không cầm được nước mắt

— Dévorer ses larmes (nuốt nước mắt)

Nuốt nước mắt.

— Avaler sa colère (nuốt giận)

Nuốt giận làm lành.

— Manger sa promesse (ăn mất lời hứa) — Nói nhời, rồi lại ăn nhời như không.

—Nourrir un serpent dans son sein (nuôi rắn trong người) — Nuôi ong tay áo.

— Introduire le loup dans la bergerie (giắt chó sói vào chuồng cừu) — Cõng rắn cắn gà nhà.

— Que tu sois damné du Ciel et de la Terre! (trời tru đất diệt mày!) — Trời tru đất diệt mày!

— Chercher des poux sur la tête de quelqu'un (vạch đầu ai để tìm chấy) — Bới lông tìm vết, vạch lá tìm sâu.

— Echapper comme une anguille (lẩn như trạch) — Lẩn như trạch.

— Aller à pas de tortue (đi chậm như rùa) — Đi chậm như rùa.

— Chercher une aiguille dans une botte — Đáy bể mò kim.

de foin (tìm cái kim trong một bó rơm)

— Se mettre le cœur à l'envers (tức lộn ngược cả quả tim)

— Grosse tête, peu de sens (to đầu mà ít khôn)

— Faire d'autrui large courroie (lấy da của người thi tha hồ cắt rộng giây)

— Il tondrait un œuf (nó gọt lông cả vắt cổ chầy ra quả trứng; chỉ người nước keo bần)

— Mettre dans le même sac (nhét cả vào một bị)

— Vouloir apprendre à voler avant d'avoir des ailes (chưa có cánh đã muốn học bay)

Pêcher en eau trouble (bắt cá nước đục)

Tức lộn ruột.

To đầu mà dại.

Của người Bồ tát, của ta lạt buộc,

Râu sành ra mỡ,

Vơ đũa cả nắm.

Chưa vỡ bọng cứt đã đòi bay bổng.

Chưa học bò đã lo học chạy.

Đục nước béo cò

— Faire d'une pierre deux coups (bém mòt hòn đá trúng cả đôi)

Nhất cử lưỡng tiện

III

Và cả trong tư-tưởng

Trong quyển « *L'idéal du sage* », ông Phạm Quỳnh đã bày tỏ rằng cái quan niệm người « chính nhân » (l'honnête homme) của người Pháp có nhiều điều giống như cái quan niệm người quân tử của đạo Khổng. « Người chính nhân » của Pháp — ông viết — cũng như người quân tử của Tàu, đều vì lẽ phải hơn cả, chuộng điều độ, ưa trật tự, thờ chính lý làm phép chung của vũ trụ, ghét những cái gì quá đáng, không tự nhiên. Cái « Chính lý » của các nhà làm sách về thế kỷ thứ 17, chẳng là giống hệt cái « Thiên lý » của các nhà triết học Tàu dư? Và Malebranche giải nghĩa cái « chính lý » (la raison) chắc không ngờ đâu rằng

đã gặp đức Khổng Tử khi ngài giảng trong sách « Đại học » về cái « *đức sáng* » (Minh đức) của trời phú bẩm cho mọi người. Molière bàn về cái « lẽ phải phải chăng » (la raison raisonnable), Descartes luận về cách cư sử theo đạo trung bình, tránh chỗ cực đoan, chính là đã dạy cho mọi người đạo « trung dung » của Khổng giáo mà không biết.

Ta đọc câu này ở sách Luận Ngữ : « Tính người ta lúc mới sinh không khác nhau mấy, chỉ vì tập quen hay thì hay, tập quen dở thì dở », có phải nghe phảng phất như J. J. Rousseau luận tội xã hội, bảo người ta sinh ra tính vốn thiện, chỉ vì xã hội mà hóa ra hư hỏng dư (1) ? Và nhời đức Khổng tử trong kinh Lễ : « Việc gì người khác làm cho ta mà ta không thích, ta cũng chớ làm cho người » thật giống hệt câu nói của nhà văn Pháp Lamennais « Đừng làm cho người cái gì mà mình không muốn người khác làm

---

(1) Phục-Nguyên tử cũng nói : « Bóng thì chẳng đâu là không sáng, tính thì chẳng ai là không lành ».

cho mình đấy là lẽ công bình »,

Có nhiều câu trâm-ngôn Đông Tây giống nhau như thế, dưới đây là một vài tỉ dụ khác :

Trâm ngôn Tây phương	Trâm ngôn Đông phương (1)
— Người ta cần việc làm hơn là nhời nói. (Racine)	— Chai có nói mà không có làm, người quân tử lấy làm xấu hổ. (Lễ Ký)
Càng cố học, tôi càng nhận ra mình còn kém. (Descartes)	— Càng học càng thấy mình còn kém. (Lễ Ký)
— Ăn rưng ngồi rồi là cái nguồn của bao nhiêu điều bất chính. (Lacordaire).	— Thư nhàn là thứ thuốc độc, không nên quyến luyến ham mê. (Tả truyện)
	— Cái lưỡi sinh ra đủ mọi nết xấu (Tăng-q-Phiên)

(1) Trích trong quyển « Hán học danh ngôn » của ông Trần lê Nhân.

— Những người chưa biết đau khổ thì chẳng biểu gì cả, họ không biết thế nào là hay là dở.

(Fénelon)

— Nescit vox missa reverti (danh-ngôn la-mã) : một nhời đã nói ra thì không sao thu lại được nữa.

— Tâm chí chưa phải cay đắng, hoạn nạn chưa từng trải qua, thì trí khôn chậm và đảm lực non.

(Hồ lâm Dực)

— Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy : một nhời đã nói ra thì bốn ngựa cũng khó lòng đuổi kịp.

Câu nói như tên, không nên bắn bậy, đã lọt vào tai ai, thì không tài nào rút ra được nữa.

(*Lục tài tử*)

Chắc mọi người đều nhận thấy rằng những nguyên-tắc căn-bản của nước Pháp mới, thật giống hệt những lý tưởng bất diệt mà người Trung Hoa và người Việt Nam vẫn tôn sùng trong bao thế-kỷ nay: « Cần

lao, Gia-đình, Tổ-quốc », cái khẩu-hiệu ấy há chẳng như đã thấy chứa đựng sẵn sàng trong mấy bộ Tứ thư Ngũ kinh đó du ? Và trải qua những lời tuyên-cáo quốc-dân của vị thống lĩnh nước Pháp bây giờ, ta như được đọc những trâm-ngôn bất hủ của các bực danh nho đông phương vậy.

Nghĩ kỹ ra, sự gặp gỡ của Đông và Tây trong tư tưởng cũng không có gì lạ, nó chỉ bày tỏ rằng dù ở thời đại nào, dù ở nước nào nữa. *lẽ phải bao giờ cũng là một*: « *Cũng nhân tâm ấy há thiên-lý nào ?* »

KẾT LUẬN

Trong một bài diễn văn, Rudyard Kipling đã phát biểu một ý kiến làm rung động cả dư luận hoàn cầu. Nhiều người đua nhau nhắc lại câu nói của ông, coi như thể một trâm ngôn bất hủ. Nhưng xét cho kỹ, đó chỉ là một lời phán đoán quá sơ thiển và trong nhiều trường hợp lại sai lầm nữa. Ảnh hưởng của nó không phải là không tai hại: nó là cái trở lực cho sự tương tri của các dân tộc, vì nhiều người cứ vin lấy câu ấy để che đậy sự nông nổi, sự thiếu suy xét của mình. Một bức tường cao vì vậy vẫn đứng sừng sững giữa Đông phương và Tây Phương.

Có nhiều nhà du lịch chỉ lướt qua xứ ta như một cái bóng, lúc về nước

cũng viết hàng mấy quyển sách dày tả tỉ mỉ phong tục, tập quán của ta. Như thế, những điều nhận xét, những nhời phán đoán của họ sao cho khỏi sai lầm. Ta không lấy làm lạ khi thấy chép trong những sách nói về Đông dương nhiều điều thậm vô lý và nực cười: Một nhà văn nọ bảo dân Việt Nam có tục thở khói vào mặt nhau để tỏ lòng kính trọng và ôm lấy nhau, mũi cọ vào mũi, hít hật mạnh để chào nhau! Một người khác đặt cho ta những tên rất dị kỳ: Tu No Ba, Ho Ti Jin, Ti So Nam, Zim Zi Zi, và trong một quyển tiểu thuyết của bà Myriam Harry, chị hàng quà rao: «Miao... o... oh! Chia-ti-tille!», khách ngồi xe kêu: «Mao, Mao!» và phu xe giả ời «Tao Tao». Trong mấy tác phẩm khác, ta lại gặp một ông huyện chít khăn đỏ, một anh phu xe kéo ống «cai quan» (cái quần) lên để lau mồ hôi trán, và một bà già gẩy đàn lục huyền cầm bằng ngón chân trái!

Thế rồi những nhà văn ấy lại còn phàn nàn người Đông phương bí mật,

Âu châu không tài nào hiểu được. Và sau cùng, với một cái lắc đầu chán nản, họ lại lấy câu của R. Kipling ra làm kết luận.

Không, Đông và Tây không xa nhau quá như người ta vẫn tưởng. Tâm hồn một dân tộc chỉ rộng mở cho những ai chịu quan sát đến nơi đến chốn, cho những người không bị những thành kiến hẹp hòi về chủng tộc làm mờ mắt.

Riêng về phần người Pháp và người Nam, tôi thấy hai dân tộc gần nhau lắm. Trong nhiều trường hợp, chúng ta đã gặp nhau một cách rất lạ lùng, bằng chứng rõ rệt là những sự gặp gỡ trong cách diễn đạt tư tưởng, là những câu phương ngôn, những thành ngữ của hai xứ giống hệt nhau, không những về ý, mà lại về cách dùng chữ đặt câu nữa, giống quá đến nỗi, tôi nhắc lại lần nữa, người ta có thể tưởng là đã lấy những câu trong tiếng nước nọ đem dịch sang tiếng nước kia.

Đông phương và Tây phương — như trên đã nói — đã cùng tìm ra một « kiểu

mẫu làm người ; người Pháp gọi là « chính nhân », Trung hoa gọi là « quân tử ». Đồng ý với tác giả « L'idéal du sage », tôi cũng nghĩ tiếc cho nhân loại sao không cố gắng được như thế, vì nếu được vậy, có nhẽ thế giới đã bước được một bước dài trên con đường hạnh phúc (1)

Để kết luận thiên khảo-cứu dài này về « những sự gặp gỡ của Đông phương và Tây phương », tôi xin thuật dưới đây cái mộng tưởng của bác sĩ P. Louis Couchoud, một hôm ông đến thăm Khổng miếu ở Sơn đông. Tác giả « Sages et poètes d'Asie » (Các nhà hiền triết và thi-sĩ Á Đông) mơ màng đến lúc Đông phương và Tây phương trút bỏ hết cả những thành kiến về chủng tộc, về màu da, « hội họp với nhau để trao đổi những của báu của tinh thần ». Bấy giờ Âu châu, Mỹ châu và Á châu sẽ chung nhau để dựng lên một tòa miếu, trong đó sẽ thờ chung đức Khổng tử và ông

---

(1) Xem «L'idéal du sage à travers la philosophie confucéenne» của Phạm Quỳnh.

Socrate, hai bậc hiền triết đã dạy cho loài người cách khéo dùng lẽ phải, « hai vị sáng tạo ra luân lý học, phát minh ra đạo nhân, từ ». Canh đức Khổng tử sẽ thờ cả tứ phối, thập nhị triết, thất thập nhị hiền. Socrate sẽ có bốn đồ đệ là Platon, Xénophon, Aristote và Epicure. Và ở những hang dưới, ta sẽ nhận thấy những tượng của Descartes, Sénèque, Spinoza, Locke, Montesquieu, Rousseau, Kant, Gœthe, Auguste Comte, Nietzsche, Einstein.

« Đến ấy — tác giả nói — sẽ đính kết sự hòa hợp của cả loài người, sẽ chứng thực cho người Đông phương và Tây phương biết rằng lẽ phải duy nhất... Hai vị hiền triết ấy sẽ hóa ra hai vị phúc thần của nhân loại. Trẻ con học thuộc lòng những đoạn hay nhất trong sách « Luận ngữ » và trong quyển « Mémorables » của Socrate. Học như thế, chúng sẽ tránh được những điều ước vọng ngông cuồng và biết cách sống trong xã hội loài người, sống với kẻ đồng loại thế nào cho điều hòa êm ái.

Nếu một ngày kia cái mộng tưởng tốt đẹp ấy hóa thành sự thực, thì lúc bấy giờ Đông Phương và Tây phương sẽ thật là hoàn toàn gặp nhau vậy.

Tháng sáu, năm 1943

MỤC LỤC

Trang

MẤY NHỜI NÓI ĐẦU :

Đông-phương và Tây phương phải chăng đã nhiều lúc gặp nhau trong ngôn-ngữ và văn-chương ? 5

I) Lối đối-ngẫu của người Pháp và văn biền-ngẫu của ta. 13

1) Ý và tứ trong văn « đối ngẫu » và « biền ngẫu ». 15

2) Văn đối ngẫu với lối bình đối, tiểu đối của ta. 22

3) Cách dùng những chữ tương phản trong văn biền-ngẫu, và trong văn đối ngẫu. 26

4) Từ cách bỏn chữ của người Pháp đến lối « tá âm » trong câu đối của ta. 30

II) Cách tỉ-lệ trong ngôn-ngữ, văn-chương Pháp và Việt-Nam 43

1) Những cái ngộ-nghĩnh trong lối tỉ-lệ của người Pháp và người Nam. 45

2) Lối tỉ lệ trong câu hát của dân quê, hay là :
Một cuộc đấu khẩu... có duyên. 61V

Trang

và thi vị...

III) Hình-ảnh những viên ngọc quý trong văn-chương Đông, Tây. 73

1) Hình ảnh là gì ? 75

2) Những phương pháp tạo nên hình ảnh. 84

IV) Nhân-cách-hóa, một phương pháp tạo nên hình ảnh 95

1) Người ta nhân-cách-hóa các động vật. 99

2) Người ta nhân-cách hóa cả đến gió trăng, cây cỏ, cùng các vật vô tri vô giác. 102

3) Nhiều khi đến cả các trừu-tượng cũng được đem ra nhân-cách-hóa nữa. 110

V) Từ lối « thậm-xưng » đến cách trào-phúng bằng lối « ngoa-ngữ » trong ca dao. 115

VI) Nhạc-điệu trong thơ 133

Hai phương pháp tạo nên nhạc-điệu :

1) Âm thanh. 135

2) Tiết điệu. 163

VII) Các lối «điệp ngữ» và «đảo- 171

Trang

ngữ » trong văn-chương.

1) Cách điệp ngữ 173

2) Cách đảo ngữ 188

VIII) Khi các nhà văn Pháp và Nam hài-hước. 193

1) Từ cái cười sỗ sàng của Trạng Quỳnh đến lối nhạo-báng chua ngoa của Hồ-xuân-Hương, và lối mỉa-mai độc ác của Cao-bá-Quát 197

2) Nụ cười hóm hỉnh và... ngạo nghễ của các thần-đồng. 201

3) Một lối trào phúng nhẹ nhàng: Tú Xương và Tú Mỡ. 204

4) Nụ cười ranh-mãnh tạo nên bởi những cái bất ngờ. 212

5) Khi các nhà văn hài-hước bằng lối « bốn chữ » 219

6) Từ cái cười chảy nước mắt của Tú-Xương đến lối mỉa mai bông đùa trong ca-dao 226

7) Hai lối thơ khôi hài của người Việt Nam: thơ « tiệt hạ » và thơ « yết hậu ». 233

KẾT LUẬN

Rudyard Kipling nhầm: Đông và Tây thật ra đã nhiều lần 239

Trang

gặp nhau

1) Những sự gặp gỡ trong văn chương 241

2) Trong ngôn ngữ 245

3) và cả trong tư-tưởng 263

SÁCH TÂN VIỆT

29 — Lamblot — Hanoi

Tủ sách triết học

Triết học Bergson (hết) — Triết học Kant (hết) — Triết học Nietzche (hết) — Triết học Einstein (hết) — Phật giáo triết học (in lần thứ hai — hết) Siêu hình học (giá 5.00) — Triết học Descartes (giá 4.50) Triết học Aristote (giá 3.80) — Vương dương Minh (gia 13.80)

Tủ sách dịch

Tây sương Ký (hết)—Thế giới mới (hết)—Thanh niên trước thế giới mới (hết) — Nghệ thuật làm việc (hết) — Vườn hồng (giá 1.10) Nghìn lẻ một đêm (quyển I — đã tái bản — 2.50 — các quyển II, III, IV (đều hết) — quyển V — 2.50 — quyển VI — 2.50, quyển VII, 2.80 — Truyện dị thường (quyển I — 4.50 — quyển II 4.50 —) Ly tao (giá 6 00). Thư Đỗ Phủ 11$50)

Tủ sách danh nhân

Thi hào Tagore (hết) Trông giòng sông Vị (hết) — Văn hào Tolstoi (2.40) Nguyễn văn Siêu (2.90) = Học thuyết Freud (2.50) Trong 99 chóp núi (hết) — Phiếm luận về Auguste Comte (3.00).

Linh tinh

Đàn bà và nhà văn 1.20 — Một ngày của Tolstoi (hết) — Nhạc sĩ tây phương 1.50 — Luận tùng 1.50 — Triết lý về vũ trụ và nhân sinh 2.30 — Chính trị đại cương 3.70 — Tìm Nghĩa văn học 2.20 Vàng Sao 2.50. Trang mua lần Việt 2.20 Hát dặm Nghệ Tĩnh 8.00.

Hãy đón

SỬ' KÝ

CỦA

TƯ' MÃ THIÊN

(Bản dịch của Nhượng Tống)

Một cây sử-bút cứng-cáp nhất ở nước Tầu từ xưa đến nay !

Người xưa thì cho cây bút ấy đã thu hấp được tất cả khí thiêng của các núi to, sông lớn ở hồ khắp nước Tầu là những nơi mà ông đã dạo chơi qua.

Người nay thì kinh ngạc sao hơn nghìn năm trước đây mà ông đã viết sử với tất cả phương pháp của khoa sử-học hiện đại.

TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

SÁCH NÀY ĐƯỢC SỞ I. P. P.
CHO PHÉP IN SỐ 46 NGÀY 2
FEVRIER 1944 IN TẠI NHÀ
IN QUANG - HOA SỐ 12 PHỐ
TIEN - TSIN — HANOI
XONG NGÀY 10 JUILLET 1944

NHỮNG TÀI LIỆU ĐỂ VIẾT QUYỂN SÁCH NÀY :

Dưới đây xin kể mấy tác phẩm chính đã giúp tôi nhiều tài liệu để viết quyển sách này, và xin trân-trọng cảm ơn các tác-giả :

Câu đối	*Nguyễn văn Ngọc*
Tục ngữ ca-dao	—
Văn đàn bảo giám	*Nhà Nam-ký xuất bản*
Việt-Nam Văn-phạm	*Trần trọng Kim*
Thi-nhân Việt-Nam	*Hoài - Thanh và Hoài Chân*
Chương Dân thi Thoại	*Phan Khôi*
Thi Thoại	*Lê văn Hòe*
Les sagesse populaire de France et d'Annam, v. vân...	*Chỉ qua Hồ-Phủ*

Những chỗ in sai

Số tr.	Số g.	IN LÀ	XIN ĐỌC LÀ
5	11	Đế thời	Đề thời...
20	3	.. bất nạt tổ phụ	...Tề phụ
39	1	.. (nghĩa âm...	... (nghĩ âm...
—	4	Công danh	Công lênh
45	9	... Cho sác đáng	.. cho xác đáng
—	15	qua cửa sổ	... qua khe cửa
68	24	Đôi bên, hàng sứ emmenché	...bàng xứ Emmanché...
84	12	... remplissent	...se remplissent...
87	12	Cf : nghĩa là : Tả :	...nghĩa là : ta bãy
92	20	Thi sĩ tả-tràn	.. tả trận
103	20	Tràn ngập dần xuống	Trán ngập...
111	19	Quân thổ...	Quân Phổ
120	17	Trí hi-sinh	Chí hi-sinh
138	6	Virgille. .	Virgile...
142	9	Tình ta tái tê	Tim ta tái tê
142	12	Bốn bề im lặng	bốn bề...
145	13	Trán nản	Chán nản
148	2	Nhận sét	Nhận xét
155	3	Bỏ sót một câu	xin đọc bài của Lê-tràng-Kiều nói về Thế-Lữ trong « Hà-nội báo » 1936)
156	8	Mây nhung phơi...	Mây nhnng..
167	13	Sự ngắt đậu câu cái	... Cân cái.
173	12	. . của cải của ta, ta thù mi Ta thù mi, mi nghe không ?	...của cải của ta, ta thù mi. Chúng ta cùng yêu một người dàn bà, ta thù mi. Ta thù mi.

Số tr.	Số d.	IN LÀ	XIN ĐỌC LÀ
185	3	Gội lên trên cỗ mỏng	...cỗ ván mỏng.
186	12	Pháo đỏ đầy thêm	···đầy thềm
201	3	Pic de la Mirandore	.. de la Mirandole.
202	8	Vu là chứng	...là chung
204	8	Các cách «thưởng»...	« thưởng xuân »
—	10	Trong khi thảo một đầu đề ấy, hai nhà văn ấy...	Trong khi cùng viết về một vấn đề, hai nhà văn ấy.
210	18	Trong một tác phẩm của ông Lê - văn -	Trong một tác-phẩm của ông, ông Lê-văn-
217	24	Lão thi thuyết pháp	Lão thị...
222	13	Một cách rất cay độc và hỗn sược.	một cách rất hỗn sược
—	22	Trên giòng sông Vi.	Trông giòng...
223	24	trong chiều	.. trong triều
224	9	... Chữ ngã là ta đem đối với phu là chồng, xuống đất đem đối với. .	Trước những chữ « xuống đất », bỏ sót mất câu : Dưới lại tìm được chữ « Ngã », nghĩa là té xuống đất ...
—	19	Y nhất trương y	...nhưng y
231	7	cũng chẳng tiếc rằng cuịu	...cũng tiếc rằng chẳng chịu đi làm.
—	34	Bạn khen	Ban khen
235	17	Sư ông ở trong nhà	...ở trong chùa
248	20	Phải tên chim mới sợ làn cày cong	Phải cung rày đổi sợ lần...
261	9	Faire d'autrui large courroie	Faire du cuir d'autrui large courroie
266	11	..thì bốn ngựa cũng	thì ngựa TỨ cũng..
271	5	Trảm ngôn bất hủ	Châm ngôn...
274	23	« L'idéal du sage à travers ..	... dans la philosophie...

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F.

Kho sách xưa Quán Ven Đường

Sắp có bán

SỬ' KÝ

CỦA

TƯ MÃ THIÊN

(Một trong lục tài tử của Tầu)

Với một quan-niệm rất bình dân — với một phương-pháp rất khoa-học — với một tài văn đã đúc nên bởi những khí thiêng của núi cao sông cả — với một khí văn đã phát ra vì lòng phẫn uất của một đời oan uổng đau thương,

Tư mã Thiên, một cây sử-bút cứng nhất ở Tầu, đã viết nên bộ *Sử Ký*, một cuốn sử cổ giá trị nhất từ trước tới nay.

Bản dịch của **NHƯỢNG TỐNG**

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT
29 — Lombot — Hanoi

Couv. Imp. ĐÔNG-DƯƠNG — Hanoi

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đẳng)